



Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

phát-huy văn-hóa dân-tộc

ĐỒNG

năm thứ hai

NAI

quyển 10

VĂN-TẬP

nhóm đồng-nai xuất-bản



Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

Trong tập 10:

Số trang

3	Sao đành bỏ rơi	Chánh-trí MAI THỌ-TRUYỀN
7	Thương ôi ! Thương thay thanh-niên	AN CƯ
12	Góp ý về địa-phương chí	SƠN-NAM
19	Thơ Phan Thanh-Giản do Nam-cư chú-thích	NGUYỄN VĂN Y
	Thơ Đào Duy-Chung	AN CƯ
22	Cụ Thượng Trứ hay là thặng Trứ	Thuần-Phong NGÔ VĂN PHÁT
31	Cưỡng-đàm : Cao-bồi	NHỊ CƯỜNG
33	Suy ta ra người	Tuần-lý HUỲNH KHẮC-DỤNG
45	Phê-bình hát-bội : Tuồng San Hậu — Vai Kim Lân và Tử Trinh	Thân-văn NGUYỄN VĂN QUI
49	Từ hát-bội đến thoại-kịch : Văn-nghệ Sanh-viên	Thuần-phong NGÔ VĂN PHÁT
60	Xáo-trộn	AN CƯ
67	Văn-minh... nho-nhỏ	Tuần-lý HUỲNH KHẮC-DỤNG
73	Tao-đàn : Đêm bình-viên. Trồng cây mùa chinh-chiến. Làng tôi	TRẦN VĂN LINH
77	Những chuyện đi	NGUYỄN HỮU-TRI
92	Nói.... thơ	Tuần-lý HUỲNH KHẮC-DỤNG
101	Ức- trai thi-tập (Nguyễn-Trãi)	AN CƯ dịch
103	Thề song thất lục bát trong văn Nôm phương Nam	NGUYỄN THANH-LIÊM
107	Vai-trò phụ-nữ trong việc giáo-dục	VIỆT-THƯỜNG
113	Tao-đàn : Mùa xuân... trong đất trong thơ	Kiên-giang HÀ HUY-HÀ
116	Câu chuyện không tên	MINH-QUÂN
140	Lê Lương-Tri	NGUYỄN VĂN Y

An Cư chủ trương

phát-huy văn-hóa dân-tộc

ĐÔNG-NAI

VĂN-TẬP

năm thứ hai

quyển 10

do	chánh-trí mai thọ-truyền	nguyễn ngọc-huy
	hồ đắc-thăng	việt-thường
	tuần-lý huỳnh khắc-dụng	minh-quân
	lê thọ-xuân	nguyễn thanh-liêm
	thuần-phong ngô văn-phát	phạm long-điền
	thân-văn nguyễn văn-quí	tạ quang-phát
	bửu cầm	lê hữu-mục
	tiều nguyên-tử	nguyễn văn y
	vương hồng-sèn	sơn nam
	lê ngọc-trụ	nguyễn văn-hầu
	nguyễn công thiện	nguyễn hữu-tri
	trần văn quế	kiên-giang hà huy-hà
	trọng-toàn nguyễn văn kiem	trần văn linh
	an cư	cùng viết

nhóm đồng-nai xuất-bản



XÃ-HỘI VÀ NHÂN-LOẠI S.O.S.

SAO ĐÀNH BỎ RƠI

● bài của Chánh-trì MAI-THỌ-TRUYỀN

Một thông-tin-viên của Hàn-Lâm-Viện Khoa Luân-Lý và Chánh-trì, Ông Arminjon, hàm Giáo-sư Đại-Học-Đường Genève và Lausanne, trong phiên họp chót của Viện này, hồi năm 1953, vào khoảng tháng 6, có diễn-thuyết về một vấn-đề vô-cùng rộng-rãi: « Sự Tiến-bộ, giới-hạn và điều-kiện của nó ».

Những thay đổi đã xảy ra từ một thế-kỷ rưỡi nay, trong mọi lãnh-vực, có làm cho nhân-loại thật-sự tiến-bộ chăng? Nghĩa là nhân-loại có nhờ đấy mà trở nên khôn-ngoan hơn, công-bình hơn, thịnh-vượng hơn, nói tóm lại, hạnh-phước hơn không? Đó là câu hỏi mà Ông Arminjon đã tự đặt.

Và ông đã trả lời: « Trên thực-tế, gần như riêng chỉ các ngành khoa-học tinh-xác (sciences exactes) và kỹ-thuật mới có sự tiến-bộ. Còn về mặt đạo-đức tinh-thần, nòng-cốt của xã-hội văn-minh, tuyệt-nhiên không thấy dấu vết một bước tiến nào cả. Trái bốn mươi năm sau này, nền luân-lý cá-nhơn và nền luân-lý công-cộng, tinh-thần công-dân, sự kính-nê luật-pháp, chữ tín thành trong chỗ cam-kết, tất cả, trái lại, đều thối-bộ rất nhiều ở đa-số các nước. Nếu cứ như thế mãi, sự thối-bộ này không khéo lại đưa các nước, luôn cả nền văn-minh, đến chỗ thụt lùi.

Mười ba năm đã trôi qua từ ngày « cảnh-cáo » của Ông Arminjon, tình-trạng đáng-ngại ấy có được cải-thiện chăng hay càng ngày càng đen tối ?

Cái tự-hào của thế-kỷ hai mươi này, phải chăng là những phát-minh xuất quí nhập thần của khoa-học? Bay trên không, lặn dưới nước, ngồi nhà mà nghe thấy chuyện năm châu, bây giờ lại còn lăm-le lên cung trăng tìm cho gặp chị Hằng... Thật là lạ lùng, thật là huyền-diệu ! Cảnh những phép màu này, tài của những Tần Hôn, Nhứt Hồ, của Thiên-lý nhĩn, Thuận phong nhĩ thời xưa trong các bộ truyện Tàu, trở thành những trò chơi của trẻ con, có thấm-tháp gì...

Bảo rằng đời sống vật-chất của nhơn-loại trên một thế-kỷ này không tốt đẹp, sung-sướng hơn đời sống của nhơn-loại ở những thế-kỷ trước, là nói ngoa, là chối một sự-thật trăm phần trăm. Vô số tiện-lợi, tiện-nghĩ đã giúp và đang giúp loài người trong công ăn việc làm, khiến cho nhọc ít mà lợi lại nhiều. Về phương-diện bệnh khờ, trong nhiều trường-hợp, thần Chết phải lui bước trước sức bảo-vệ hay tấn-công mãnh-liệt của Y-khoa. Sự tàn-bạo của nước lửa làm khi cũng phải khuất-phục trước những nỗ-lực chống trả của khoa Kiến-trúc, làm cho đời sống của loài người bớt âu-lo, hồi-hợp...

Nhưng mức đời sống vật-chất có lên, mức đời sống tinh-thần đạo-đức lại xuống. Đòn cân không được thăng-bằng giữa thân và tâm.

Là người tru-thời mẫn thế, Ông Arminjon có thể — nếu ông là con dân đất Việt — hạ bút chữa câu « *Văn-chương hạ giới rẻ như bèo* » của Tần-Đà thành :

Tinh-thần đạo-đức rẻ như bèo...

Không rẻ sao được khi có người tự đắc bảo : « Nói chi đến những thứ ấy ; với tôi, ăn cho ngon, ngủ cho sướng, là đủ rồi. »

Thì ra, sống chỉ là để ăn và ngủ ư ?

Thảo nào luân-lý cang-thường chẳng đảo ngược, cha không ra cha, con không ra con, thậm chí đến tình vợ nghĩa chồng, đồng

bào cốt nhục lắm khi không còn một giá-trị nào, và thường bị ham muốn, hận-thù dày xéo. Năm luân không giữ, tam độc tham, sân, si làm sao trừ, vì vậy mà cái hại lan lần từ cá-nhơn đến xã-hội, từ phần-tử đến toàn-thể, từ quốc-gia này đến quốc-gia khác, biến cuộc đời, lẽ ra phải êm đẹp nhờ sự tiến-bộ của Khoa-học, trở thành một trường bọm-bãi, gian-xảo, lừa-bịp, cướp-bóc, trong đó tiếng khóc nhiều hơn tiếng cười, những gào-thét của hung-tàn và tranh-đấu làm át mất những dịu-dàng nhỏ nhẹ của Từ-bi và Hòa-thuận.

Như thế gọi là văn-minh, là tiến-bộ được ư ?

Ông Arminjon đã trả lời rồi đó. Và câu trả lời của ông đáng cho mọi người chú ý cùng đem ra suy gẫm cho nhiều, cho sâu, vì đó là một lời cảnh-cáo thẳng-thắn cho những ai đành bỏ rơi cái tinh-thần.

Sau đây vài ý-nghĩ của một « thanh-sĩ » hiện-kim, xin trích đăng để giúp phần chiêm-nghiệm.

... Ai cũng lo nghèo giàu,
Ai cũng lo thắng bại.
Giàu nghèo rồi cũng thôi,
Thắng bại rồi cũng bãi,
Người đời chẳng trường sanh,
Sự vật chẳng tồn tại ;
Vật nổi nhau tiêu-tàn,
Người nổi nhau chết mãi.
Cách sống có nhiều phương,
Cách chết cũng nhiều loại.
Sống đều sống không lâu,
Chết đều thân tan-hoại.
Ý dục lớn như non,
Lòng tham sâu tựa hải.
Người với người gian lừa,
Người với người giết hại,

Ai cũng trông khôn-ngoan,
 Không ai cho ngu-dại.
 Người là chỗ hơn thua,
 Người là nơi lợi hại.
 Ai cũng muốn thành-công,
 Không ai mong thất-bại.
 Nào việc dữ việc lành,
 Nào việc quấy việc phải,
 Mỗi người muốn khác nhau,
 Trong thế-giới hơn-loại.
 Do đó sanh biến-cái :
 Vô-số cuộc lệ rơi,
 Vô-số cảnh máu chảy.
 Đời là bãi tha-ma,
 Đời là cái khờ-hải,
 Khờ chẳng phải tại Trời
 Mà khờ do hơn-loại.
 Nên khuyên nhau hiền-từ,
 Nên khuyên nhau hối-cải,
 Khá làm phước làm nhân,
 Khá tương thân tương-ái.
 Giúp nhau được sanh-tồn,
 Giúp nhau khỏi sát-hại

 Mạng người biết kính yêu
 Của người không cướp lấy,
 Được tâm-hồn cao-siêu,
 Được tinh-thần quảng-đại...

Chánh-Tri MAI-THỌ-TRUYỀN

NHỮNG MỐI THAO-THỨC THỜI-ĐẠI

THƯƠNG ỒI! THƯƠNG THAY THANH-NIÊN

● bài của AN CƯ

Chúng ta lên án thanh-niên du-đăng, đã đành. Chúng ta lại than-phiên chê-trách nếp sống phóng-túng, thác-loạn, quái-dãn của một số, dường như lại là số lớn, thanh-niên nam nữ. Người ta rất lấy làm khó chịu, khi nhìn những cậu trẻ măng, với lứa tuổi độ mười lăm đến khoảng hai mươi, đầu tóc dài bờm-xồm, đôi khi có cả bộ râu mép hoặc bộ râu cằm coi rất « kỳ đời », mặc chiếc sơ-mi may kiểu « lạ mắt », hai tay áo lúc nào cũng xắn lên như sắp-sửa lâm trận, và chiếc quần bó chặt đôi giò như cặp « lạp xưởng ». Có nhiều đứa ngậm phập-phà một điều thuốc, điều này nối-tiếp điều kia không-ngừng, thỉnh thoảng lại có đứa ngậm một ống-điếu « to tướng ». Ngẫm bọn chúng, người ta không nghĩ ra đó là những « ông già trẻ », hay đó là những « ông trẻ già ». Nói một cách nặng lời hơn, người ta không biết đó là người hay là ngợm. Còn liếc mắt sang các thiếu-nữ, chúng ta càng kinh-hoảng hơn: Có lắm cô uốn nhiều kiểu tóc quái-dị, mái tóc quần bùng lên như một cái ổ gà bằng rơm nhuộm đen úp trên đầu, hoặc bới cao chót-vót như một đồng rơm, mặc chiếc áo dài rất hở, hở cổ và hở cả vai, phía trước có một hàng hai hoặc ba cái

nút, theo bọn ăn chơi sành-diệu thì hàng nút trước ngực sẫm sẫm tiện cho cái việc... Người ta cũng thường thấy có nhiều cô ăn mặc theo con trai, áo sơ-mi rộng thùng-thình, với nhiều kiểu may « tân kỳ », còn chiếc quần tây bó sát bộ móng và bộ giò với cái lưng quần trịch xuống tới rún. Mỗi khi các cô cất bước, thì các bắp thịt trong người các cô như tham-dự vào những vũ-khúc « kịch-động », xúi bọn đàn ông yếu « thần-kinh » và yếu « đạo-đức » có những hành-động bán-loạn mà bị bắt về bắt cảnh-sát hay bị lôi ra tòa rồi bị tống luôn vào tù.

Chúng ta vừa bàn qua cách phục-sức của bọn thanh-niên thiếu-nữ.

Chúng ta lại thử nhìn đến đời sống của họ, đến những hoạt-động hằng ngày của họ.

Người Việt-nam có tiếng là hiếu học, siêng-năng. Có một số lớn thanh-niên, ngày nay, đem bỏ mất ở đâu đức-tánh truyền-thống vừa kể. Sáng tối bọn thanh-niên này la-cà các tiệm thụt bi-da, các quán cóc, các rạp chiếu bóng, các bụi cây nơi vùng ngoại-ô gần-gần và an-ninh. Bọn chúng, trai và gái, lên cha mẹ, đeo nhau trên những chiếc xe gắn máy xinh-đẹp bóng-nhoáng, phóng đi như bay, tự gây chó mình và gây cho những người khác nhiều tai-nạn khủng-khiếp. Bọn chúng lao mình đi tìm những chơn-trời xa-lạ và những cảm-xúc thờ-bạo. Trai và gái, đồng-lô, vắn-vít nhau để tạo lấy những cơn đê-mê mỗi-một.

Nào đâu tinh-thần của thế-hệ Nguyễn Thái-Học, cô Bắc, cô Giang. Nào đâu tâm-tư của thế-hệ Nguyễn An-Ninh. Nào đâu hậu-sanh khả úy. Ôi đau-thương! Có phải đến lúc người ta phải kêu lên: « Nhứt đại bất như nhứt đại » nghĩa là một thế-hệ không bằng một thế-hệ.

Thanh-niên ngày nay không có lý-tưởng. Bọn chúng sống bơ-vơ, bị bắt buộc nhận lấy một cuộc sống lạc-lõng, không dự-tính cho ngày mai được. Thực-trạng là như

vậy, nhưng chúng ta tự hỏi: « Lỗi tại bọn chúng? Hay do đâu? Do ai? »

Chúng tôi xin thưa rằng đi tìm lý-do, nguồn gốc của hiện-tượng xuống dốc của thanh-niên không phải để qui tội cho ai, đổ lỗi cho ai, vì làm vậy có ích-lợi gì đâu! Sở dĩ chúng ta thử đi tìm căn bệnh là để có thể kiếm đúng thuốc cầu trị cho lành bệnh mà thôi. Nuôi lấy một hy-vọng mỏng-manh mà!



Chúng ta có tuổi đôi mươi hồi năm 1945, đã từng sống bông-bột hăng-say; chúng ta hãy nhìn lại quãng thời-gian từ đó đến nay: những gì thật oanh-liệt cao-qui cũng có, mà cũng có lẫn-lộn những gì thật tồi-tệ khốn-nạn làm cho người ta phải nôn mửa, mỗi khi nghĩ đến.

Bao nhiêu người « tai to mặt lớn » đã từng mượn những danh-nghĩa quốc-gia dân-tộc, mượn thể ngoại-nhân mà sát-hại lại dân-tộc và phá-hoại quốc-gia để cuối cùng hát bài « tẩu mã » sang Pháp tạo vườn nho, nhà lầu, ngày ngày du-lich nào Cannes nào Nice, sống một đời vương-giả phây-phây. Luật-pháp của quốc-gia không làm gì được họ.

Những lớp người đầu cơ thời-cuộc, đầu cơ chiến-tranh, chỉ cần mua được lòng ngoại-nhân thì đầu hôm sớm mai nhảy lên những địa-vị tột đỉnh, xĩa tay năm ngón điều-khiển muôn dân. Bọn chúng nối-tiếp nhau mà bước trên đầu dân-tộc « cầm họng thắm rửa ».

Chúng ta thử nghĩ: « Thanh-niên với tấm lòng trinh-bạch ngày ngày chứng-kiến những sự-việc nào nạn cường quyền hối-lộ, nào nạn gái điếm mà không chống lại được. Thanh-niên phải chấp-nhận tất cả những tệ-đoan xã-hội. Từ những nhà lãnh-đạo hồi năm 1945 đến thời nhà Ngô..., thực-sự có vị nào xứng đáng là nhà lãnh-đạo dân-tộc đâu, xét về mặt tài và đức, chẳng qua toàn phường dựa hơi ngoại-nhân. » Thử nghĩ: « Đứng trước trạng-huống

triền-miên này, thanh-niên phải trông vào những gương nào để sống, vì chính những người lãnh-đạo tỏ ra không có lý-tưởng.

Thanh-niên Ấn đã có những Gandhi, những Nehru ; thanh-niên Trung-hoa cũng có thần-tượng như những Tôn Dật-Tiên... » Còn thanh-niên Việt nhìn vào đâu ?!

Làm sao bảo thanh-niên Việt-nam không bơ-vơ !



Vô-phước biết mấy, xã-hội miền Nam đang chìm sâu trong những lớp phân-hóa vĩ-đại : Chia-rẽ tôn-giáo, chia-rẽ địa-phương, chia-rẽ tuổi-tác, chia-rẽ đảng-phái.

Người thanh-niên đầy nhựa sống, thích hoạt-động, ham phục-vụ, say đấu-tranh, luôn luôn bị lợi-dụng đưa vào những chủ-đích ích-kỷ hẹp-hòi, nếu không phải có tánh-cách cá-nhân thì cũng là bè-phái vụn-vặt. Chừng bưng mắt võ mộng, thăm thương biết mấy, thì người thanh-niên đã bị khẹp vào vòng tù-tội hoặc bị đưa an-trí ngoài Côn-đảo. Thảm thay ! Phi-lý và vô-nghĩa quá.

Làm sao thanh-niên Việt-nam không ngờ-vực ! !



Có lẽ trong hiện-đại, không có thanh-niên nước nào bạc hạnh hơn người thanh-niên Việt-nam. Họ có thành-tâm thiện-ý, cố-gắng phụng-sự quyền-lợi chung, không một chút vụ-lợi. Họ hy-sinh tất cả, từ hình-hài, gia-đình cho đến tuổi thanh-xuân của họ : Vậy mà khổ quá ! thảm quá ! Khi thì họ bị kết án là phản-động, lúc thì họ bị buộc-tội là phản-quốc.

Đảng nào họ cũng đắc tội.

Làm sao thanh-niên Việt-nam không ngã lòng ! ! !



Người thanh-niên Việt-nam mới lớn lên, khao-khát chân-lý, đi tìm chân-lý, thì lại va-chạm vào một thời-đại mà con người không tranh-luận với nhau để tìm ra lẽ phải, hoặc tri-chí chứng-minh lẽ phải bằng sự làm-việc lâu dài bền-bỉ. Hiện nay, con người giành lấy lẽ phải bằng chém nhanh bắn lẹ. Những cách đó không đáp-ứng nguyện-vọng của người thanh-niên. Những cuộc thanh-toán ám-sát không thuyết-phục được người thanh-niên, không thỏa-mãn được người thanh-niên, chỉ làm cho họ mất lòng tin.

Làm sao bảo người thanh-niên Việt-nam không đâm ra chán-nản ! ! !



Đứng trước bao nhiêu khó-khăn, khủng-hoảng kể ở các đoạn trên, người thanh-niên Việt-nam cần có sự diu-dắt hướng-dẫn « đứng-đắn » và « vô-tư » của các lớp người đi trước, hay nói cho rõ hơn, của những vị có trách-nhiệm đối với thanh-niên trong chánh-quyền quốc-gia. Chúng ta phải thành-thật nhìn-nhận, cho đến bây giờ, chúng ta chưa có một đường-lối giáo-dục rõ-rệt nhứt-định, nhứt là không có một chánh-sách thanh-niên dứt-khoát, khả-dĩ tạo được một mẫu người thanh-niên lý-tưởng phù-hợp với tinh-thế và quyền-lợi của quốc-gia dân-tộc.

Làm sao bảo thanh-niên không hư-hỏng ! ! !

Trọng tinh-thế hiện-tại, nếu chúng ta đòi hỏi người thanh-niên phải « tốt », người thanh-niên có quyền cật-vấn lại chúng ta : « phải tốt như thế nào ? ». Chúng tôi thành-thực thừa với Quý Vị rằng chúng tôi phải cứng họng, không biết phải nói thế nào cho phải mà không xấu-hổ với lương-tâm của mình và không xấu-hổ với thanh-niên.

Chúng tôi xin nhường cho Quý Vị cao-kiến trả lời với thế-hệ thanh-niên ngày nay vậy.

AN CƯ

MỘT CHÚT TÂM - TÌNH VỚI ĐẤT NƯỚC

GÓP Ý VỀ ĐỊA-PHƯƠNG CHỈ

Bài của SƠN-NAM

*Đường xa, đo lại tắc gang,
Cao-nguyên núi đậm, biên tràn sóng xanh
Rướn mình, duyên-hải ven quanh
Ngân biên-giới lạ, đồn canh ải ngoài
Nguồn đi tỉnh rộng xứ dài.
Thưa ai chẳng nói, ngày hai buổi nhìn.
Cách vèi, ai nói ? ai tin ?
Lòng đau diệu-vợi trái nghìn quan-san.
Đầy đường xe hỏa băng ngang,
Quê ta xứ bạn, hai làng có ga.
Gió chiều, trời lạnh sương pha
Khôn khuấy tóc kẻ miền xa rớt bời
Thị thành : chấm nhỏ đôi nơi
Kinh-đô to tướng dưới trời thưa mây.
Đêm qua man-mác sao đầy,
Hiu-hiu nắng rụng, chiều nay xế môn.*

Trên đây là một bài thơ thời tiền-chiến của thi-sĩ Lư-quang-Thuận. Chúng tôi quên mất nhan-đề nhưng đọc qua, chắc

các bạn đã thông-cảm được nỗi lòng trưng-tư của chàng trai. Chàng trai nhớ bạn gái, nhìn trên bản-đồ. Những màu xanh, đỏ, những chấm tròn chấm vuông của công-thức bản-đồ đã trở thành đề-tài, trở thành những mục-tiêu của tình-cảm. Và trong phút giây thần-diệu, mảnh giấy vô-tri vô-giác nọ như có linh-hồn. Miền Cao-nguyên tô đậm, miền duyên-hải rướn mình ven quanh chạy dài, ải Nam-Quan, con đường xe lửa Xuyên-Việt...; tổ-quốc thân yêu thật đáng yêu biết chừng nào !

Nhớ người tình-nhân đi xa, người ta có thể tìm dấu chân, nụ cười, hơi thở trên bản-đồ. Bấy lâu nay, ngành Địa-Lý là môn học khô-khan, nhiều tấm bản-đồ chữ S được treo nơi phòng khách để đóng vai bức-tranh trang-trí, chứng tỏ gia chủ là người trí-thức, có phúc-hậu, nền-nếp ! thế thôi ! Nhưng thời cuộc chiến-tranh cứ kéo dài, biến-hóa, trở nên sôi-động. Những kẻ vô-tâm nhút cũng bắt đầu chú-ý đến địa-lý, thỉnh-thoảng tìm xem bản-đồ để biết những địa-danh Phei-Me, A SAN, Vũng-Rô... ở vào vị-trí nào. Người làm văn-hóa không thể không lưu-tâm đến dân-tộc tính. Bao nhiêu câu-hỏi liên-quan đến văn-hóa cổ-truyền, truyền-thống văn-hóa được nêu lên. Những lời giải-đáp trừu-tượng đã trở nên chán nhàm. Điều ấy chứng tỏ rằng ngành nghiên-cứu lịch-sử, địa-lý, nhân-văn,... cần được thúc đẩy vì trong hiện-tại các ngành này đã đứng một chỗ, đi sâu thời-cuộc. Nhiều bài khảo-cứu về sử-địa chỉ có tánh-chất góp nhặt, thiếu linh-động, thiếu tha-thiết.

Đó là những tài-liệu căn-bản giúp cho các bạn khác dễ làm việc. Nhưng nước ta đang ở trong hoàn-cảnh chiến-tranh, lụt-lội. Ai có đủ thời-giờ mua sắm các tài-liệu ấy đem về đọc ? Tài-liệu quý giá thật, nhưng không có công-dụng cứu-cấp. Mua tài-liệu, mua sách Sử-Địa đem về nhà, chất đống trong tủ sách, quên rọc, quên đóng bìa ; không mua thì hối-tiếc, thì buồn, nhưng sau khi mua thì lại càng buồn hơn vì nó không đáp-ứng được nhu-cầu cấp-bách.



Vài quyền địa-phương-chí đã ra mắt, từ hồi năm ngoái (Kiến-Hòa — Bạc-Liêu, do Huỳnh-Minh biên-soạn), nhưng nổi-bật nhứt có lẽ là Non-Nước Phú-Yên của Nguyễn-đình-Tư do Tiền-Giang vừa xuất-bản. Trong phạm-vi bài này, chúng tôi không làm công-việc phê-bình, nhưng muốn nói lên vài cảm-giác thích-thú của một người sanh-trưởng ở đất Đồng-Nai, chưa bao giờ đặt chân đến Phú-Yên, nhưng đã tìm thấy mối tình ruột thịt, tự tiền kiếp với người Phú-Yên vốn cần-cù, sống thiếu tiện-nghỉ, nhưng biết hãnh-diện, lấy cái nghèo làm điều sang-trọng.

Mãi đến nay, nước ta vẫn là nước nghèo, hậu tiến, hưởng gì cách đây vài trăm năm, khi tổ-tiên chúng ta đi khai hoang, chém tre dẫn gỗ trên ngàn, thiếu nông-cụ, thiếu khí-giói, thiếu nguồn tiếp-tế về thực-phẩm, thiếu thuốc-men, thiếu phương-tiện lưu-thông. Vì vậy một con sông nhỏ, quanh co lại trở thành con sông dài, nguy-hiểm, thứ trái rừng không ngon được xem như nông-phẩm quý báu; con cá con tôm nơi quê-hương là ngon nhứt, không đâu sánh bằng; quả đồi nho-nhỏ, cao vài trăm thước trở thành núi cao chót-vót.

Đứng về mặt toàn thế-giới mà xét thì nước ta — cách đây ba trăm năm — là một vùng hầu như không tên tuổi trên bản-đồ. Người Trung-Hoa xem nước ta như một nước An-Nam nhỏ bé, vùng đất Đồng-Nai có lẽ lọt vào khu-vực mà người Trung-Hoa gọi là Côn-Lôn, Nam-Hải. Các nhà thám-hiểm, các tay thương-gia phiêu-lưu (thủ-tổ của giới áp-phe) người Bồ-Đào-Nha, Tây-Ban-Nha thì chỉ lưu-ý đến vùng Kê Chợ (Bắc-phần), vùng Chiêm-Thành. Nước Chiêm-Thành được lưu-ý nhứt vì có cây Kỳ-nam. Bởi vậy, chúng ta không lấy làm lạ khi thấy trên bản-đồ của giới áp-phe thời xưa, suốt miền Nam của bán-đảo chữ S chỉ có một chữ Champa hoặc Ciampa!

Thiếu niềm thông-cảm, thiếu lòng yêu nước thì không thể nào soạn một quyền địa-phương-chí đứng-dẫn được. Thời Pháp-thuộc, hội Nghiên-cứu Đông-dương (Société des Etudes Indochinoises) đã chủ-trương và lần-lượt cho ấn-hành một số

địa-phương-chí về các tỉnh miền Nam. Ngày nay, xem lại lẽ dĩ-nhiên là chúng ta thất-vọng vì đó là tài-liệu do người Pháp soạn-thảo, để dành cho các quan cai-trị, các thương-gia Pháp tham-khảo.

Nước ta không to, dân ta không đông, núi non ở xứ ta rất thấp, người Việt bé nhỏ về thể xác, nguồn-lợi kinh-tế nước ta rất khiêm-tốn so với Âu-Mỹ, phong-tục dân-ta không có gì đặc-sắc, nổi-bật so với Ấn-Độ, Trung-Hoa. Cuộc trường-chinh lập quốc của dân Việt chỉ đem lại lúa gạo, thay vì mỏ vàng mỏ bạc. Đọc mấy quyền địa-phương-chí từng tỉnh Nam-kỳ trước kia, chúng ta thấy dường như người Pháp muốn chứng-minh rằng đất nước ta chẳng có lịch-sử, dân-ta có tinh-thần tự-vệ yếu-ớt và nếu không có người Pháp đến cất trường học, tổ-chức bộ máy cai-trị thì... nước ta đã mất.

Đó là thái-độ tự-tôn quá đáng, đó là phương-pháp nghiên-cứu chỉ có vẻ khoa-học về hình-thức, đó là nhân-bản giả hiệu.



Nước ta nhỏ, thô-sản của chúng ta không đặc-sắc, dao của chúng ta thật ngắn, đình chùa thì xây cất bằng nguyên-liệu dễ sập-đổ, chòi tranh vách lá thì ôi thối, một trận giông, một trận lụt cũng đủ san-bằng, không lưu lại di-tích nào đáng kể, họa chẳng là một cụm tre già, một bụi chuối lá xiêm — lần hồi trở thành chuối rừng.

Nếu chuộng hình-thức, nếu chỉ tin cậy vào những con số, nếu đòi hỏi những con số cụ thể, đòi hỏi những chứng-tích có hình-dạng thì chúng ta sẽ thất-vọng, bi-quan. Ở Mỹ-quốc, người ta tổ-chức viện bảo-tàng, gìn-giữ kỹ-lượng từng cái xe bò, trùng-tu từng căn chòi. Mấy sợi giây nịt, mấy cây súng cò lồ thời khai-hoang... trở thành bảo-vật.

Ở nước ta, tình-trạng hơi khác. Nhiều nhà nghiên-cứu Việt-Nam đã tỏ ra rất am-tường về Kinh-dịch, về sự tổ-chức của Triều-đình, về đồ sành đồ sứ đời Tống, đời Khang-Hi, nhưng các vị này sẽ lúng-túng khi bị chất-vấn.

— Lúc đi khai-hoang, tiền-nhân của chúng ta ăn mặc ra sao, dùng loại chén đĩa nồi niêu gì, các giuờng ngủ, cái manh chiếu, cây dao, cây búa hình-dáng ra sao, cách làm mắm, cách nấu-nướng, cách thức chèo-chống, hình-dáng chiếc ghe, chiếc xuồng thời ấy so với thời nay có gì khác.

Chuyện mới xảy ra cách đây chừng 300 năm mà chúng ta khó trả lời cụ-thể. Nếu vấn-đề ấy lên, chúng tôi không mấy-may muốn trách-móc rằng các học-giả ở miền Nam này bất-tài hoặc vọng-ngoại. Người Âu-châu — đặc-biệt là người Anh — thích giữ-gìn cổ vật, cổ vật ấy đóng ten đóng sét thì mới quý giá và nếu cổ vật bị hư hao, nứt hay sứt mẻ thì giá-trị càng tăng gấp bội.

Người Việt-Nam thì dường như có quan-niệm khác. Một bộ sách bị một mối ăn nát thì cứ quăng bỏ, sau khi sao-lục. Ngôi chùa hư hao phải được trùng-tu, theo một hình-thức kiến-trúc khác cho hợp với thời-trang. Tượng Phật bị hư gãy cần được thay thế hoặc sơn phết, vá-vítu cho tăng thêm phần « vàng son tráng-lệ ». Đó là chúng tôi chưa đề cập đến trường-hợp đổi tên họ, đổi địa-danh... để đem lại cái « hên » cho người, cho địa-phương.

Đất Phú-Yên là vùng « Cọp núi Lá, cá sông Hình », dân Phú-Yên đã li gan tranh-đấu chống thiên-nhiên, đã sống vui với nguồn-lợi mà họ thâu-hoạch được. Ca-ngợi người Phú-Yên tức là ca-ngợi người miền Đồng-Nai.



Hơn mười năm qua, chúng tôi thường nêu câu hỏi về cá-tính miền Nam và tự trả lời bằng cách tìm tòi kiên-nhẫn, với phương-tiện khiêm-tốn và thời-gian ít ỏi. Qua những câu ca-đạo, qua vài tập-tục, chúng tôi tạm kết-luận : Những vị tiền-bối đi khai-hoang ở Biên-Hòa, Mỹ-tho, Hà-tiên, Cà-mau... đều là người Miền Trung, kết-hợp với đám di thần bài Mãn phục Minh.

Người Miền Trung — theo thiên-ý chúng tôi — gồm đa số, người ở tỉnh Quảng-Nam, nơi có nạn nhân mãn. Khi Thoại-ngọc-Hầu đến miền Hậu-Giang đốc-xuất đào kinh Vĩnh-Tế,

kinh Thoại-Hà thì có lẽ ngài chiêu-mộ một số người ở tỉnh nhà, đưa họ đến miền đất mới, dành cho nhiều dẽ-dãi.

Nay đọc Non Nước Phú-Yên của ông Nguyễn-đình-Tư, chúng tôi mới học được bài học cụ-thể hơn, chứng-tỏ rằng người Phú-Yên đã vào miền Nam, vào khá đông-đảo, cách đây trăm năm, góp phần đáng kể về mặt văn-hóa.

Từ lâu, ở miền Nam, chúng ta nghe hát :

— *Má ơi con má chính-chuyên
Ghe bầu đi cưỡi một thiên mammals
Không tin giờ thử lên coi
Rau răm ở dưới, mắm mè ở trên.*

Nhưng theo tài-liệu nói trên, ông Nguyễn-đình-Tư cho biết câu hát ấy đã có từ Phú-Yên như vậy :

— *Tiếng đồn con gái Phú-Yên
Đồng-Nai đi cưỡi một thiên cá mè
Không tin giờ thử lên coi
Rau răm ở dưới cá mè ở trên.*

Câu hát ở miền Nam :

— *Ngó ra ngoài biển ba lần
Thấy anh ở trần trong bụng xốt xa
Em muốn lộn trở về mua lụa bà-ba,
Cắt áo cổ giữa mà tra nút vàng
Không ai mà gởi ra chàng
Đề cho chàng mặc, kéo cơ-hàn nắng mưa.*

Ông Nguyễn-đình-Tư giúp chúng ta hiểu, từ Phú-Yên, câu hát ấy nêu rõ :

— *Ngó ra ngoài Yến ba lần
Thấy anh ở trần trong bụng xốt xa
Em muốn lộn trở về mua lụa đậu ba
Cắt áo cổ giữa đem tra nút vàng...*

Yến tức là hòn Yến, nơi nghề đánh cá phát-đạt, lụa đậu ba là thứ lụa kết mỗi mỗi là ba sợi tơ.

Ở Cần-thơ, chúng tôi nghe câu hát :

— Kinh Chà-và, Tây lại mới đào.

Đề cho ngọn nước chảy vào vòng cung

Anh thương em thâm-thiết vô cùng

Biết cha với mẹ có dùng hay chăng ?

« Nước chảy vào vòng cung » là nghĩa gì ? Nay, theo tài-liệu nói trên, chúng tôi thấy ở Phú-Yên có câu hát :

— Núi cao tứ phía

Biết trông mìa ngang đâu ?

Sông sâu cát lấp biết trông đâu ngã nào ?

Sông Dinh ai bới ai đào ?

Đề cho ngọn nước chảy vào vòng cung.

Ở vài tỉnh miền đồng-bằng sông Cửu-Long, thời tiền-chiến, chúng tôi được chứng-kiến cuộc lễ « tá thổ », theo đó thì các ông chủ đất hiện đang khai-thác phải mướn lại phần đất ấy với thần-linh, với ma quỷ : đó là chúa Ngung Mang Nương. Ông Cadière đặt giả-thuyết : chúa Ngung Mang Nương tức là nữ-thần Uma của Ấn-Độ. Ông Nguyễn-dinh-Tư đã sưu-tầm tại Phú-Yên một kiểu tờ sớ mà chủ đất đốt để gọi cho vị thần-linh khuất mặt (xem Non-Nước Phú-Yên, trang 84-86).

Một quyền địa-phương-chí muốn đạt được mục-đích thì phải gồm đủ xương, thịt và mạch-máu. Xương tức là những con số cụ-thể về diện-tích, về dân-số, về làng tổng, nguồn lợi kinh-tế. Thịt tức là lịch-sử của địa-phương và hơi thở là gì, nếu không là phong-tục tập-quán, nói chung là văn-hóa.

Ranh-giới các tỉnh, các huyện thường thay đổi trong khi tập-tục, ca-dao lại chiếm trên bản-đồ một vị-trí riêng, không thể bị cắt đứt vì lẫn ranh hành-chánh. Điều ấy, hẳn các nhà soạn-thảo địa-phương-chí đã thấy rõ. Theo ý chúng tôi thì về tập-quán, ca-dao, chúng ta nên qui-định từng vùng rộng-rãi hơn, với ranh-giới riêng. Thí-dụ trường-hợp miền Nam, chúng tôi thử đề-nghị những trung-tâm nhỏ bao gồm nhiều tỉnh chánh, tỉnh phụ :

— vùng Hai Huyện (Biên-Hòa, Gia-Định)

— vùng Ba Giộng (Tân-An, Mỹ-Tho)

— vùng Cù-lao Ông Chưởng (Long-Xuyên, Cần-Thơ)

SƠN-NAM

THI-VĂN NAM VIỆT

I) THƠ PHAN THANH-GIẢN

Do Nam-Cư sưu-tầm và chú-thích

Bài của Nguyễn văn Y trình-bày

Đi Sứ Pháp-Quốc (1)

Chút nghĩa vương mang phải gắng đi.

Tang-bồng (2) đành rờ chí nam-nhi.

Thuyền Ngô phới-phới giăng hơn bạc,

Khói đá phăng-phăng lướt tích-ti.

La-Hán giăng tay chào khách đến,

Tướng-quân ghé mặt hẹn ngày về.

Phen này miễn đặng hòa hai nước.

Nỗi tở xin đừng bận-bịu chi.

Hạ đề

Chín từng (3) lòng-lọng giữa trời thình,

Phụng chỉ ra đi buổi sứ trình.

Chú-thích :

(1) Ông Tôn Thọ-Tường lúc bấy giờ có chun trong phái-đoàn chánh-phủ thuộc-địa Nam-kỳ cùng đi một chuyến tàu với cụ Phan và có họa lại bài này.

(2) Do chữ tang-bồng hồ thi : cung dẫu, tên bồng. Tục bên Tàu khi đẻ con trai lấy cung bằng dẫu, tên bằng cõ bồng bán sáu phát trên trời, dưới đất và bốn phương có ý chúc đứa trẻ lớn lên sẽ vẫy-vùng bốn phương, lập công-nghiệp với đời.

(3) Chín từng là cửu trùng, chỉ nhà vua.

Lo nổi nước kia cơn phiến biển (1)
Thương bề dân nọ cuộc giao chinh.
Ngàn trùng biên cả sang Tây-địa,
Muôn dặm đường xạ thẳng để kinh.
Mấy nước sang qua cùng Pháp-quốc,
Rước đưa mừng rỡ cuộc hòa-ninh.



Khí Tuyệt Cốc

Thời trời, đất lợi, lại người hòa (2).
Há đề ngồi coi, phải nói ra.
Lắm trả ơn vua đền nợ nước
Đành cam gánh nặng ruồi đường xa.
Linh-dinh xuống thác thương con trẻ,
Vượt biển trèo non cảm phận già.
Cũng tưởng một lời an bốn cõi,
Nào hay ba tỉnh lại trần ba.

PHAN THANH-GIẢN

(Còn nữa)

Chú-thích :

(1) Lúc giặc-giã.

(2) Tức là theo Mạnh-tử ba điều-kiện thắng-lợi trong cuộc chiến-tranh : Thời trời là xuất binh nhằm thời-tiết thuận-tiện ; địa lợi là chiếm được chỗ hiểm-yếu ; nhân hòa là trong nước yên-ôn, nhân-dân hòa-mục với nhau, dân với vua thương yêu nhau. Trong ba điều-kiện ấy, nhân-hòa là nhất, kể là địa lợi rồi mới tới thiên thời ; thiên thời bất như địa lợi, địa lợi bất như nhân-hòa.



II) THƠ ĐÀO DUY-CHUNG

Do An Cư sưu-tầm

Con Nhèn-Nhện

Sá loài hớp mật với say hoa,
Nhèn-nhện coi ra trí mới già :
Bữa lưới giữa trời khoe trận tám,

Vây chày trên đất sánh giềng ba.
Miếng mồi thao-lược ăn đầy bụng,
Sợi chỉ kinh-luân vắt chặt nhà.
Phước ví chung tư bờ lúc-ngúc,
Cháu con gan ruột giống ông cha.

Chú-thích :

Trận tám : theo điển bát trận đồ do Khổng Minh thiết-lập để chống Đông Ngô.

Lúc-ngúc : cũng đọc là lúc-ahúc.



Cây Bàn

Chẳng thêm cây thể chẳng nung thân,
Mình mọc trơ-trơ một cụm bàn.
Cặt trở không kiêng gò đất cứng,
Tàn che đâu quản đám mây vần.
Dòng hầu dựng thể ăn không bữa,
Loại uỳnh nhờ hơi đốt nửa lừng.
Lậu hạn quen mình vui tánh khí,
Khỏi vòng lương-đồng khỏi lao thân.

Chú-thích :

Cặt : Đại Nam Quốc Âm Tự Vị của Huỳnh Tịnh Của, trang 107, quyển I.
ghi chú : cặt : tiếng khoa động vắn (ít dùng)
cắn răn cặt cặt : chỉ là gát-gông.

HÃY ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

- Nêu các vấn-đề thời-đại Việt-Nam
- Có nhiều bài văn-học miền Nam

CỤ THƯỢNG TRÚ^{hay} THẮNG TRÚ^{là}

Bài của THUẦN-PHONG NGÔ-VĂN-PHÁT

Ai cũng biết Nguyễn Công-Trứ. Tôi không muốn khen phò-mã tốt áo. Ích gì? Dân-chúng Bắc-Hà đã kêu tôn Trương-công và cụ Thượng, thì đã làm vinh-diệu cho vị đại-thần của triều Nguyễn, quán ở bắc-bộ Trung-phần, con trai của một cụ thần nhà Lê. Uy-tín của cụ đã trên tám mươi tuổi rồi. Nay khen cụ nữa, thật không thêm danh giá gì cho cụ.

Đã có nhiều người khen cụ rồi, như Ôn-Như Nguyễn-văn-Ngọc : « ...ông tự tác thành một nhà thi-sĩ thực đã có khí phách hơn người, lại có độ-lượng dong được người, bao được cả đời nữa. Văn ông có lực, có lượng, văn ông hùng-kiệt mà hồn-hậu. » (1).

Khen cụ là dễ. Hiểu cụ lại khó, nên có người đã viết : « ...trương-công là một nhân-tài, cao tuyệt đã thành-công nhờ thực học đầy-đủ và vững-chãi, lại nhiều sự-nghiệp vĩ-dại nên hiểu được trương-công là cả một vấn-đề phức-tạp. Phải suy-cứu tới sách vở kinh-luận mà tiền-sinh đã học mới biết cái tài giỏi áp-dụng và tri cơ của tiền-sinh. Phải tự đặt mình vào thời-dại ấy mới tìm được những khó-khăn tiền-sinh gặp và những mưu-lược tiền-sinh thi-hành để

(1) Ôn-Như Nguyễn-văn-Ngọc, *Nam-Thi Hợp-tuyền*, tr. 308, bản Bốn Phương, Saigon, 1952.

vượt qua. Phải phác-họa được nền giáo-dục về đời ấy mới hiểu được trí sáng-suốt của tiền-sinh đã vượt thời-dại đến bậc nào. » (1)

Rồi, gần trăm năm nay, người ta ra sức tìm hiểu con người đặc-biệt đó, người ta mổ xẻ con người hàn-sĩ, con người quan văn, con người võ-tướng, con người thi-sĩ, xuyên qua một mờ thi-ca mà số-lượng khá dồi-dào và có nhiều bài của thi-sĩ Đồng-Nai bị ép làm của cụ. Phân-tách con người ấy, tự-trung, quả thật là dễ-dàng, bởi chính mình Uy-Viễn Trương-công đã giới-thiệu con người mình quá ư cận-kê : thi-ca của cụ, không có loại dài hơi, toàn là rặc một giọng thiên về tự-kỷ, nào cảm-hứng, nào tức hứng, rỗng là tự-vịnh. Có bài, như bài hát nói *Kẻ sĩ*, là một điều trần, phơi bày ba giai-đoạn của đời người cụ, từ lúc vận chưa đạt, đến hồi trí-sĩ, trải qua thời oanh-liệt quan-trường.

Trong suốt đời hoạt-động, con người cụ ở giai-đoạn nào cũng được cảm-tình của đám hậu-sanh và dường như người ta thương cụ hơn hết lúc cụ còn là một hàn-sĩ lao-đao lận-đận. Người ta viết rằng trong giai-đoạn hàn nho này « với chí khí hăng-hại của mình, với hoài-bão cứu nước an dân sau những năm ly-loạn, Nguyễn Công-Trứ đã dâng « Thái-bình thập-sách » lên vua Gia-Long » (2), trong lúc vua Gia-Long, hai năm sau khi tức-vị, ngự ra Bắc, tạm ghé qua hành-cung ở Nghệ-An. Rồi nhà giáo nào kể lại dật-sự này cũng nói là « vua ban khen (cụ) và các quan đình-thần chú ý (đến cụ), cho nên khi mở khoa thi, quan Tả-quân Lê-văn-Duyệt, người Đồng-Nai công-thần của Gia-Long, phải dặn riêng quan-trường lấy cụ để thu-dụng. » (3).

(1) Doãn-Quốc-Sỹ, Việt-Từ, *Khảo-luận về Nguyễn Công-Trứ*, bản Nam-Son, Saigon 1959.

(2) Lam-Giang, *Giảng-luận về Nguyễn Công-Trứ*, bản Tân-Việt Saigon, 1958.

(3) Lê-Tâm, *Thân-thế và thơ văn của Nguyễn Công-Trứ*, bản Cây-Thông, Hà-Nội, 1958.

Dựng lên vua Gia-Long « Thái-bình thập-sách » là một hành-dộng có thể có hai nghĩa.

Đặt hành-dộng ấy trở về vị-trí cũ, trong hoàn-cảnh lịch-sử nước nhà vào thời vua Lê phải bỏ ngôi chạy sang Trung-Hoa và chúa Nguyễn thừa thắng Tây-Sơn xưng đế-hiệu, người ta mới thấm gấm ý-nghĩa.

Núp bóng dưới phe thắng thế, tức phe Gia-Long, người ta thế nào cũng hoan-nghinh một cử-chỉ có tánh-cách phò vua vực nước như vậy, một sáng-kiến dựng sớ hiến kế tế thế hưng-bang có một không hai : sáng-kiến quả là hiệp cảnh, hiệp thời, vì nhà vua mới lên ngôi cần phải củng-cố hoàng-triều và cần cho hà thanh hải yến. Bỏ « Thái-bình thập-sách », đến nay chưa thấy rõ nội-dung, nhưng cứ bằng vào văn-từ là có thể hiểu đại-lược danh-nghĩa, đó là sách-lược binh-định, đề-nghị áp-dụng để tảo-thanh dư đảng Tây-Sơn và đề diệt trừ giặc cỏ phò Lê chống Nguyễn. Gia-Long có hạ-cổ chấp-nhận mười kế binh-định đó để đàn-áp cựu-thần nhà Lê hay không, đến nay chưa thấy nói đến, có điều đã biết là kẻ dựng kế đã được Gia-Long và cận-thần chú ý rồi được chăm dậu Tú-Tài.

Đặt tác-giả « Thái-bình thập-sách » vào hàng ngũ của phe thắng thế, có tác-giả (1) đã đánh giá : « Cử-chỉ ấy bộc-lộ chí-khí chứ không có gì là hèn kém. ».

Sao không hèn kém, nếu người ta đứng về phe đối-lập, bên vua Lê và cựu-thần nhà Lê ? Cựu Thượng Trứ là con trai của một cựu-thần nhà Lê. Thân-phụ cụ đã đứng lên xưng-nghĩa cần-vương, khi vua Lê bôn-tầu sang Trung-Hoa và đến ngày cùng vẫn « một niềm chung-thủy với nhà Lê ». Cựu Thượng Trứ đã « thụ-nghiệp với quan Tham đốc họ Lê » và lớn lên bằng hột cơm nhà Lê, « từ thuở nhỏ đã được hấp-thụ một nền giáo-dục lấy trung-hiếu (2) làm căn-bản, lấy ưu quốc ái dân làm cứu-cánh.

(1) Doãn-Quốc-Sỹ, Việt-Tử đã dẫn.

(2) Do tác giả gạch chấm.

Giương trung-nghĩa (1) là vị cha già Bá-Di, Thúc-Tề của Việt-Nam » (2). Trung-hiếu và trung-nghĩa của con trai một cựu-thần nhà Lê, một chiến-sĩ cần-vương, một bề tôi phò Lê, là thế nào ? Là hàng đầu nhà Nguyễn, kẻ cựu-thần nhà Lê, thắng thế lên ngự trên ngôi vua Lê ? Cựu-thần nhà Lê, thân-phụ cụ Thượng Trứ, chắc không quan-niệm trung-hiếu và trung-nghĩa một cách xu-thời như vậy. Trong lúc cụ Thượng Trứ mạnh-dạn hát lên :

Nặng nề thay đôi chữ quân, thần (1)

Đạo vi tử vi thần (1) *đâu có nhẹ ?*

và trong lúc cụ ra công hãn-mã « hết hai chữ *trung, trinh* (1) báo quốc », thì những cựu-thần nhà Lê, lớp theo vua bỏ xứ, lớp ẩn tích mai danh, họ Nguyễn ở Tiên-Điền không ngọt hoài-niệm chủ cũ :

Nghìn xưa ai kẻ xót thương người *độc tỉnh ?*

Bốn phương chốn nào *gởi được tâm cô* *trung ?*

(Thiên cổ thù nhân *lần độc tỉnh ?*

Tứ phương hà xứ *gởi cô-trung ?)*

NGUYỄN-DU

(Trương-đám điệu Tam-lư Đại-phụ)

Lửa binh rấp thừa *chông gai*

Áo xiêm đôi thoi, *cán đai* *đau lòng*

NCUYỄN-HUY-HỒ

(Mai-Đình mộng-ký)

Thậm chi kẻ nhược chất hiền-bồ cũng không dứt được nhớ thương đối với nhà Lê, khi bắt buộc phục-vụ chúa Nguyễn mà đứng trước di-tích điêu-tàn của tiền triều :

Lối xưa xe ngựa *hồn thu thảo,*

Ngõ cũ lầu đài *bóng tịch dương,*

Đá vẫn tro gan *cùng tuế-nguyệt,*

Nước còn cau mật *vời tang-thương.*

(1) Do tôi gạch chấm.

(2) Lam-Giang, đã dẫn.

*Ngàn năm gương cũ soi kim cổ,
Cảnh đày người đày luống đoạ-trường.*

Bà HUYỀN THANH-QUAN

Phục-vụ nhà Nguyễn quả không phải là một danh-dự
đối với cụ-thần của nhà Lê, nên Nguyễn-Du đã tức hửng:

*Cao hửng đã lâu không mộng chốn gác vàng,
Mà hư danh chưa chịu thả người đầu bạc
(Cao hửng cửu vô hoàng các mộng,
Hư danh vị phóng bạch đầu nhân)*

NGUYỄN-DU
(Mạn hửng I)

Đối với cụ-thần nhà Lê, dung « Thái-bình thập sách »
cho Nguyễn quyết không phải là một cử-chỉ trung-thần.
Dư-luận thời-nhơn ắt đã cho đó là phản-thần, là gian-thần,
là Lê-gian gần như bây giờ người ta lên án là phản nước, là
Việt-gian, kẻ nào phản-bội dân-tộc : thuở ấy, phản-bội
triều-đại cũng coi như phản-bội dân-tộc.

Lấy binh-tâm của kẻ hậu-sanh thử xét lại cử-chỉ đội
sớ ấy của cụ Thượng Trứ, chúng ta thấy chừng như tuồng
hiển-kể đó mới diễn trở lại đầu đây, trước mắt chúng ta.
Chúng ta nhớ chẳng bao nhiêu kẻ bấy tôi đã qui gối dung
kiến-nghị lên họ Ngô-Đình, rồi bấy nhiêu « nhơn-sĩ »,
« thượng-lưu trí-thức » đội kiến-nghị cho vị « lãnh-tụ anh-
minh » ấy cũng được hạ cố, cũng được ơn mưa móc gọi
nhuần, khác nào Nguyễn Công-Trứ đã đội sớ lên Gia-
Long và đã được Cửu-Trùng « chú-ý » ?

Họ Ngô-Đình đã trôi tấp vào dòng lịch-sử rồi và nổi
gót nhà Nguyễn bị truất-phế.

Nhà Ngô đã qua. Kẻ đội sớ còn lại. Nhà Nguyễn Gia-
Long đã qua. Cụ Thượng Trứ còn ở lại và sử sách còn
chép việc đội sớ binh-định sớ-sờ, mặc cho công-luận bình-
phẩm.

Công-luận phẩm-bình mặc ai, miễn Nguyễn Công-Trứ
được thi đậu Tú-Tài, giải-nguyên, rồi lên thang danh-
vọng, vào « vòng trời đất, ngang dọc » và :

*Trong lang miếu ra tài lương đồng,
Ngoài biên-thùy rạch mũi Can-tương*

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ
(Kê Sĩ)

Kẻ học trò của nhà Lê đã được nhà Nguyễn trọng
dụng, để rồi được bổ làm Dinh-điền-sứ, vưng lệnh vua
Nguyễn đi khai mở đất hoang :

*Như kim thử hữu Dinh-điền sứ,
Phụng chỉ khai sơn hải chi nhàn điền,
Sơn giai kim nhi hải giai tiền,
Ngưỡng Thánh-Đức như sơn như hải.*

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ
(Công khai-thác)

Trở trên sao, cụ Thượng Trứ lại gặp cụ Trạng Trình,
trong công-tác khai-hoang để biết cụ Trạng đã đánh giá cụ
Thượng ra thế nào, từ những ba trăm mấy mươi năm
về trước.

Người ta truyền rằng, lúc làm Dinh-Điền ở Hải-Dương,
cụ Thượng Trứ cho khai phá một vùng đất hoang-nhàn và
cho đào kinh xẻ rãnh. Có một con kinh đi ngang qua ngôi
đền thờ cụ Trạng Trình, dân chúng không dám phá vỡ, đến
bẩm cho cụ hay, cụ ra lệnh cho triệt-hạ ngôi đền : dân-
chúng y hành và đào con kinh ngang qua chỗ đền đó. Họ
tìm thấy một tấm bia đá, có khắc chữ, liền đem trình cụ xem.
Trên bia đá có khắc :

*Minh-Mạng thập tứ,
Thăng Trứ phá đền,
Phá đền thì phải làm đền,
Nào ai dựng đền doanh điền nhà bấy ? (1)*

(1) X. xen thêm Lam-Giang, sách đá dấu tr. 14.

Ba trăm mấy mươi năm trước, cụ Trạng Trình đã thấy sẽ có một cán-bộ Dinh-diền của nhà Nguyễn đến phá đền mình : cụ Trạng Trình không kêu cán-bộ đó là quan, là cụ, như thiên-hạ, mà cụ kêu bằng « thẳng Trứ » gọn bần. Cụ muốn chửi người đến phá đền mình hay muốn theo cụ-thần nhà Lê và thời-nhơn mà nhểc kẻ phản-thần ? Lê nào cụ tiểu-nhơn thù-vật ? Âu cũng khó hiểu (1). Dầu sao sự việc đã sờ sờ : cụ Thượng Trứ bị kêu là Thẳng Trứ ! Cụ Thượng Trứ đã bị ác-cảm chờ đợi mình từ ba trăm mấy mươi năm trước, nếu không phải là bị thời-nhân mắng nhểc ngay lúc cụ đương quyền.

Trong thật-tế thời-nhơn đã dành chỗ cụ mỗi thiện-cảm ra sao ? Sách (2) đã chép : « Cụ làm quan thường bị quan trên ghét ; cái bước hoạn-đồ khi thẳng khi giáng, lắm nỗi khát-khe... » Mỗi ác-cảm bao quanh cụ đến đôi cụ phải bị hạ từ Tham-tri xuống đến làm lính, vì bị kết-tội buồn lậu lậu khấu và sùng-tê. Người ta ghét cụ vì cái khấu-khi của cụ chẳng ? Cụ cứ khoe mình :

*Kinh-luân khởi tâm thượng,
Bình giáp tàng hung-trung ;
Vũ-trụ chỉ gian giai phận-sự,
Nam-nhi đảo thủ thị hào-hùng. (Kẻ Sĩ)*

và :

*Thông-minh nhưt nam tử,
Yếu-vì thiên-hạ kỳ.*

(Chỉ nam-nhi)

hay là :

*Giang-san bất thiếu anh hùng khách,
Gánh càn-khôn đeo nặng kẻ rình nhò.
Thiên phú ngô, địa đãi ngô,
Thiên-địa sinh ngô nguyên hữu ý.*

(1) Nếu đặt sự này do nhân-dân bấy giờ đặt ra để chống-đối công-tác dinh-diền, thì uy-tín của cụ Thượng Trứ càng bị tôn-thượng nhiều hơn.

(2) Lê Tâm, đã dẫn, tr. 32.

*Giả thị giang-san, chung tú khí,
Quả-nhiên đài các xuất danh-công.*

(Nợ công-danh)

Cụ còn tự vịnh :

*Đã trót làm cha thẳng xích-lử,
Thôi thì đeo mẹ đũa hồng-nhan.*

Coi dân đen như đứa con đở của mình mới sanh, ý quyền thế làm dân chi phụ mẫu mà tự-do « d... mẹ đũa hồng-nhan », câu đối này dầu thiệt-tâm là một dịp hí-ngữ, song cũng là một cơ xác-định mối ác-cảm của thời-nhơn, cũng như những bài hát nói kia là những bản tuyên-ngôn mà thời-nhơn được phép coi là những lời tự kiêu tự đắc.

Tự kiêu tự đắc, đồng thời còn có Cao-Bá-Quát. Cụ Chu-Thần chắc hẳn không kém cụ Thượng Trứ về phương-diện này và giữa hai cụ cũng chắc không có thiện-cảm. Có thiện-cảm với nhau sao khi cụ Thượng Trứ về hưu, cụ Cao họa thơ tiễn-biệt lại có ý mỉa-mai (1) ? Thậm tệ hơn nữa, là cụ Chu-Thần còn nhểc cụ Thượng Trứ một cách công-khai và hôn-ầu trong một câu đối Tết dán ngay cửa ngõ :

*Y cầm thượng quỳnh, quân-tử ố kỳ vẫn chi trứ ;
Bao Tề dữ Tấn, thánh nhơn bất-đắc-dĩ dụng
quyền (2)*

Khi thuật lại câu chuyện đôi liên này, Trúc-Khê đã viết :

« Hai câu này, kể về nghĩa đen thì nó là :

*Mặc áo gấm mà dùng áo đơn phủ ngoài, đó là người
quân-tử ghét cái màu về lòe-loẹt (chữ trong sách Trung-Dụng)*

(1) X. Trúc-Khê, Cao-Bá-Quát, bản Trúc-Khê thư-xá, tr. 67 và tiếp, Hà-nội, 1952.

(2) Do tôi gạch nhẵn.

Khen nước Tề và ngợi nước Tấn, ấy là đứng thanh-nhơn bất-đắc-dĩ mà phải dùng cách quyền biến (lấy nghĩa trong việc Không-Tử chép kinh Xuân-Thu). »

Rồi Trúc-Khê xin độc-giả lưu-ý đến hai tiếng ở cuối hai câu liền : tiếng *Trứ* ở cuối câu trên và tiếng *Quyền* ở cuối câu dưới. *Quyền* là Hà-Tôn-Quyền, một vị đại-thần khác đương thời, và *Trứ* là cụ Thượng Trứ tôn qui của ta.

Nhưng cụ Thượng Trứ của ta tôn qui, chớ không được cụ Chu-Thần tôn qui. Trái lại cụ Chu-Thần đã sỉ-mạ cụ Thượng ta đó, vì nghĩa bóng của vế sau trong hai câu đối đó là :

*Người quân-tử không thể nào ưa được Trứ,
Đứng thanh-nhơn bất-đắc-dĩ mới dùng đến Quyền.*

Cụ Chu-Thần đã nhiech cụ Thượng Trứ của ta rõ-ràng đó, và rõ-ràng nhiech nặng là cụ kêu xách khoe tên Trứ, có khác nào cụ Trọng Trình đã kêu là thằng Trứ? Cụ Trọng Trình tuy dễ lời miệt-thị, nhưng chỉ kêu cụ Thượng Trứ bằng thằng Trứ và nhà bầy mà thôi. Đàng này cụ Chu-Thần còn liệt cụ Thượng ta xuống hàng tiểu-nhơn nữa.

Cụ Trọng Trình đã nhiech « Thằng Trứ » có lẽ vì trên ba trăm năm trước cụ đã cho Thượng Trứ là phản-bội nhà Lê chẳng, cụ đã bài-bác việc con cháu của cụ-thần nhà Lê đội sớ đứng « Thái-bình thập-sách » cho nhà Nguyễn để đàn-áp những phong-trào cần-vương chẳng? Cụ Chu-Thần cũng nhiech cụ vì cùng nguyên-do với cụ Trọng Trình hay với thời-nhơn và vì thái-độ đáng ghét của cụ Thượng Trứ chẳng? Bề nào, cụ Thượng Trứ cũng bị thị là thằng Trứ !

Thuần-Phong NGÔ-VĂN-PHÁT



Cuồng-đàm

CAO-BỒI

bài của NHỊ-CUỒNG

Không hiểu sao người Việt đặt tên cao-bồi cho đám thanh-niên du-hí du-thực, tung gian-chường cướp đồng-hồ đeo tay, phóng nhân-tuyển về con gái đi học.

Bên Đức, Pháp, Anh, người ta không kêu là cao-bồi, mà gán cho danh từ « Bít-nít » (Beatnik) và khi bọn Bít-nít vượt qua núi Alpes, sang Ý-đại-lợi thì chúng được tặng cho tên Ca-bên-lô-ni (Capelloni), nghĩa là tóc chôm-bôm như râu bấp.

Cũng ăn mặc như cao-bồi lô-canh : áo sơ-mi dài tay xắn lên một tấc, quần ống túm, giày mũi nhọn. Và ở dơ can hồng nôi.

Danh-từ cao-bồi tốt lắm chớ không phải chơi. Miền Viễn-tây ở Mỹ, cao-bồi là thanh-niên chặn bò, mà chặn theo chí-khí giang-hồ mã-thượng, chớ không phải theo hành-tung phá-rối vô-lương. Minh mặc quần nhiều túi, dây nịch da có giắt đạn và súng Coln, áo sơ-mi bầu lật, đội nón vành lớn, cỡi ngựa bắc-thảo, hễ gặp bọn trộm bò liền truy-nã, rút súng bằng-bằng, phía trước, phía sau, bên trái, bên phải, không cần nhắm, bá phát bá trúng.

Có thể nói là cao-bồi nghĩa-dông.

Vùng Á-châu, thời xưa lại có hạng cao-bồi quân-tử như Hứa-Do ghét danh-lợi mà rửa tai, Nịnh-Thích chán đời loạn mà ở ẩn, chí đến ngày nay, trong đồng quê xứ ta cao-bồi trong-sạch là mục-đồng ngồi trên lưng trâu-bò ngày tháng thung-dung, hát hò vui sướng. Chúng hò rằng :

*« Nằm đây chớ phải ngủ đâu,
« Thức mà giữ lấy con trâu, con bò.
« Nằm đây nào đã ngủ cho,
« Thức mà giữ lấy con bò, con trâu.*

Vậy thì danh-từ cao-bồi nói đề mà mến-thương chớ không phải ghét mà khinh-miệt.

Nào, nào anh em cao-bồi Việt-Nam! Người ta đã tặng danh-từ tốt cho mình thì hành-động cho ngon, coi.

Điền này nhớ xưa kia có một gia-đình nợ từ cha tới con sống theo lối cao-bồi, nghĩa là làm biếng (kiếm miếng cho ngon, kiếm vợ cho giòn, nó chửi mà nghe). Chồng thì rượu chè, vợ thì ngồi lê đôi mách, con thì cờ bạc. Bù-lại họ đều là thi-sĩ một cây.

Cha rầy con đánh bạc đọc bài thi, điệu quệ nhưt tấc, nghĩa là thơ vận què một chơn :

« Ác lặn xâm-xâm tới,
« Gà kêu lót-cốt về.
« Quan vẫn, quan đại hết (quan là quan tiền)
« Ghê !

Con ngộ-nghịch chọi lại :

« Một năm mười hai tháng,
« Một tháng ba mươi ngày.
« Hũ nhỏ cạn, hũ to cạn,
« Say !

Bà vợ sợ cha con đánh lộn, ứng khẩu can :

« Nhà rách, vách phải nát,
« Giường trôi, chiếu cũng trôi.
« Cha tật này, con tật nọ,
« Thôi !

Ông chồng thấy vợ bình con, óng lên :

« Ốc tưởng mình ốc vẫn,
« Hay đâu ốc lại trường.
« Mẹ chạch, sanh con chạch,
« Lươn !

NHỊ-CUÔNG
13-12-66

NHỮNG MỐI THAO-THỨC THỜI-ĐẠI :



THỬ TÌM MỘT LỐI THOÁT CHO CON
THÁC-LOẠN HIỆN-TẠI

SUY TA RA NGƯỜI

● Tuân-lý HUỲNH KHẮC-DỤNG

Quen nhau lâu, đến chỗ thân-giao, hai người đối-thoại cũng khó thông-cảm được nhau. Rất có thể tôi dùng lời-lẽ với một ý-nghĩa không phải như anh hiểu. Chỉ khi nào, trong một khoảnh-khắc nào đó, gặp nhau ở một bực, như hai cây đờn so dây trầm-bồng cho đúng cung, đến chỗ đồng-âm thì mới hòa-điệu, và chúng ta mới có cơ hiểu nhau. Vì thế mà người đời thường chúc trong lễ tân-hôn : « loan-phụng hòa minh, sắt-cầm hảo hiệp », và cũng vì thế mà bạn chí thân mới gọi nhau là tri-âm. Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu mới có ý hiệp tâm đầu, mới có yêu thương chât-thật.

Loài người đang sống trong tình-trạng hỗn-loạn, mập-mò, khốn-khổ đáng thương, trăm triệu như một, chẳng những dưới vòm trời Việt, mà hầu hết khắp nơi trên địa-cầu, đều như nhau. Tình-trạng ấy, ngày càng bành-trướng. Ta có thể hình-dung cái thế mạnh của tội-lỗi như nước lụt vỡ bờ, sức tàn-phá mãnh-liệt ngoài tưởng-tượng ! Trong vòng đệ-nhị bán-thế-kỷ này, tâm-địa con người dường như trở thành đen-đúa như tấm gương soi tróc thủy,

như tờ giấy chặm thấm đầy mực đen không dùng được nữa. Biết như thế, người trí-giả tự hỏi : phải ứng-phó làm sao bây giờ, hầu tìm lại ánh bình-minh xán-lạn của thời xưa ?

Ảnh-hưởng tai-hại lan-tràn đến chánh-trị, tôn-giáo, cho nên những sách-vở về chánh-trị, về tâm-lý, cũng như kinh-kệ, giáo-thuyết đều mất hết hiệu-lực. Nhà truyền-giáo các đạo, môn-đồ Mã-khắc-Tur, đều cất tiếng trong sa-mạc mà không ngờ ! Nói đi lặp lại mãi, thét rồi ngồi nghe chán-ngán, cho đó là lời cổ-xúy điều-ngoa, tuyên-truyền xảo-quyệt nhằm mục-tiêu bắt-chánh nào đó.

Lỡ sinh làm người, mang cái nghiệp vào thân rồi, phần đông trong chúng ta, trước cảnh cốt-nhục tương-tàn, nước-non khô-nạn, ai là người không mơ-ước thái-bình, yên-tĩnh, như khách lữ-hành gặp cơn bão-tổ, muốn gặp một mái hiên cho đỡ dầm mình. Chúng ta trông-mong hạnh-phúc ư ? Hay chúng ta chỉ ước chút thỏa-mãn nhứt-thời ? Thỏa-mãn và hạnh-phúc là hai sự khác nhau : thỏa-mãn có thể tìm thấy, chớ hạnh-phúc, tìm đâu cho ra ? Anh đói khát, anh có thể kiếm được chén cơm tô nước ; hết đói khát, thế là anh thỏa-mãn. Anh thiếu ngủ, chừng ngủ được một giấc ngon lành, thế là anh thỏa-mãn. Anh ao-ước hòa-bình ư ? Rất có thể anh được thỏa-mãn một ngày kia. Nhưng tình-trạng thỏa-mãn đó không giải-quyết vấn-đề-thống-khổ của nhân-loại. Nếu ta có một ý-tưởng minh-bạch, cần chi gõ mõ tụng kinh, đi nghe thuyết-pháp, cần chi dựa vào một đoàn-thể, một tổ-chức ? Điều khó-khăn, là phải biết ta muốn gì trước đã. Tôi dám chắc anh cũng không biết anh muốn gì ! Có phải anh và tôi, chúng ta đều muốn tìm cho ra một cái gì vĩnh-cửu, bất-diệt không ? Cái đó, anh gọi là Chúa, là Phật, là Trời, là Chân-Lý, chớ gì ? Để ta bám vào cho vững bụng yên lòng, vì chúng ta như gà lạc mẹ, chim bạt gió giữa trần-gian. Chúng ta không biết mình một cách trực-tiếp, chỉ nhờ giáo-dục và sách-vở, nghĩa là ý-lại vào ảnh-hưởng bên ngoài mà thôi.

Nói trắng ra mà nghe, chúng ta, ai cũng hy-vọng một nguồn vui miên-viễn, bất-biến, đời-dời ; nguồn vui đó, thừa anh, là Chúa Cứu Thế, là ánh sáng của Phật, là Chân-Lý. Sở-dĩ chúng ta muốn đạt đến Chân-Lý vì trong cuộc đời sang, hèn, giàu, nghèo, chúng ta đã từng nếm biết bao hỉ-lạc, nhưng nó cứ tan, cứ biến như ráng đẹp bình-minh ! Quyền-uy, danh-vọng, tài-sản, ái-tình, nhân-nghĩa, thoáng qua như giấc mộng Nam-kha, bưng con mắt dậy chỉ là tay không !

Vậy cái niềm hoan-lạc trường-cửu kia, cái chân-lý quý-báu kia, ở đâu mà chúng ta muốn tìm ?

Người tìm Chân-Lý trước hết có hiểu mình không đã ? Theo tôi, một nhà tư-tưởng không khác với tư-tưởng chút nào, hai thứ tuy hai mà một. Bởi có thắc-mắc ấy nên cần tìm hiểu bản-thể trước, rồi tìm gì hẵng tìm.

Trên bốn chục năm nay tôi đã tìm Chân-Lý khắp nơi mà không thấy ở đâu cả. Rốt cuộc, khi bóng xế non đoài, mới chợt hiểu ra rằng khi chưa biết mình, tư-tưởng không căn-bản, thì sự tìm-tòi vô-ích biết bao !

Nói thì dễ như bỡn, thật ra, không ai muốn tìm hiểu mình bao giờ. Cái khó ở chỗ đó. Anh là thương-gia đầu-cơ cất họng, anh cho vay nặng lời, anh cầm quyền tham-nhũng, anh ti-tiền với bạn-bè, anh dùng chánh-trị mị dân làm nấc thang danh-vọng, anh làm quan ý thế hiếp dân, vất chày ra nước, anh mượn danh-nghĩa đạo-giáo hay đoàn-thể để làm giàu, vân vân và vân vân... bao nhiêu cái tanh-hối, nhớ-nhuốc trong hành-vi hằng ngày của anh, tôi đổ anh dấm, mỗi tối trước khi ngủ, gác tay lên trán mà suy-nghĩ, kiểm-điểm lại và có can-đảm nhìn-nhận đối với lòng anh ! Chắc anh ngại lắm phải không ? Vậy thì chúa-nhứt anh đi nhà thờ nghe giảng đạo, anh vào chùa tụng niệm, hoặc ở nhà mở chuông lần chuỗi làm chi cho thêm tội với Thiêng-Liêng ?

Nếu anh tìm hiểu cá-tính anh, anh sẽ rõ mình ra làm sao, tốt chỗ nào, tệ chỗ nào. Chừng ấy mới gọi là tự-giác, tiết-diệt vô-minh. Tình-trạng tự-tri tự-giác ví như con sông vô-tận ; ta ngấm mình vào được thì thấy yên lòng. Nhờ hiểu mình, nhờ yên-lặng, Chân-Lý mới hiện ra ; Chân-Lý hiện rồi, mới thấy hạnh-phúc manh-nha.

Ta thường tự hỏi : con người là công-cụ hay cứu-cánh của xã-hội ? Anh và tôi, chúng ta là cá-nhân, có nên để bị sử-dụng, điều-khiển, giáo-hóa, kiểm-soát, nặn-nọt bởi những chánh-phủ mạng danh xã-hội, hay trái lại, xã-hội phải phục-vụ chúng ta ? Cá-nhân là cứu-cánh của xã-hội hay là cái hình nộm để cho xã-hội giáo-hóa, khai-thác, giết đây, để rồi cuối cùng, mai kia một nọ, bị đem phơi thây nơi bãi chiến-trường ?

Đó là vấn-đề hiện-hữu trong thế-giới hiện-đại. Giải-đáp sao đây ?

Vấn-đề quá ư trọng-đại, vì nếu cá-nhân là dụng-cụ của xã-hội, tất xã-hội quan-trọng hơn cá-nhân. Nếu sự thật là thế ấy, chúng ta phải coi bỏ cá-tính để phục-vụ xã-hội. Toàn-diện hệ-thống giáo-dục của ta phải tùy theo quan-niệm đó mà hoạt-động và cá-nhân phải biến thành dụng-cụ của xã-hội, để rồi sau đó, bị phế-trừ, hủy-bại. Tuy nhiên, nếu xã-hội phục-vụ cá-nhân thì bổn-phận của xã-hội không khur-khur buộc con người theo bất-cứ khuôn-mẫu nào, xem con người như cây đinh con ốc, mà phải dạy con người quan-niệm thế nào là tự-do, mới hợp lẽ cho.

Hai lập-trường đó, ta hãy xét coi cái nào sai. Muốn giải-đáp cho ổn, không cần thuyết tả-khuynh hay hữu-khuynh, vì như thế sẽ chỉ là vấn-đề chánh-kiến mà thôi.

Tư-tướng là nguồn phát-sinh oán-hận, hỗn-độn. Anh dựa vào tả phái hay hữu phái hoặc dựa vào thành-kinh mà luận, anh sẽ lệ-thuộc tư-tướng của Cộng-sản, của Tư-bản, của Đức Phật, của Đảng Cứu Thế hay của người khác.

Đó là tư-tướng, chớ chẳng phải hành-vi. Hành-vi không thể bị phủ-nhận ; chỉ có ý-kiến về một hành-vi mới khả-dĩ làm đề đề bàn-luận. Tìm ra chân-lý của vấn-đề, ta sẽ không cần đến ý-kiến của ai cả, vì đeo theo tư-tướng, tả, hữu hay trung-lập, không thể nào biết sự thật vậy.

Làm sao tìm ra sự thật ? Muốn giải-quyết vấn-đề ngoài các tư-tướng, cần cố-gắng thoát-ly tất cả lẽ-lối tuyên-truyền. Phải có óc sáng-suốt để nhận-định cho khỏi lạc hướng, nghĩa là không lệ-thuộc một quyền-uy nào. Khi tôi lựa một người điều-khiển để chỉ cho tôi phải suy-gẫm như thế nào, sự ấy chứng tỏ tôi lâm vào tình-trạng hỗn-độn, u-ám ; người chỉ-huy cũng ở trong tình-trạng hỗn-độn như tôi, thì làm sao diu-dắt, hỗ-trợ tôi được ?

Muốn thông-suốt một vấn-đề, chẳng những phải xem xét nó ở mọi khía-cạnh thật kỹ-lưỡng, mà lại còn phải theo dõi nó cho thật lạ-làng, vì một vấn-đề không bao giờ tĩnh, luôn luôn uyển-chuyển uốn mình. Như gặp tai trời ách nước, dơi rét, lụt lội thất mùa, tâm-lý quần-chúng hoang-mang, xao-xuyến, chẳng hạn, vấn-đề gì cũng có bộ mặt mới cả. Muốn thấu-triệt, phải rượt theo bên góc. Thiên-hạ đang cần gấp một cuộc cách-mạng tâm-lý để khởi-xướng một cuộc biến-cách xã-hội.

Thật vậy, trước cảnh hỗn-loạn kinh-hồn của nhân-loại, cần có một cuộc cách-mạng tận gốc. Đời sống hằng ngày tràn ngập những khổ-đau, lo-ngại, sống bữa nay mà không biết ngày mai, trí rối như tơ vò, cho nên người trí-giả ai cũng mong một cuộc cách-mạng tận gốc để giải-thoát nhân-loại. Anh thấy chẳng, chung quanh mình, bao nhiêu đồ-vỡ tan-tành ? Mặc dầu trên mặt vẫn phủ một lớp trật-tự hảo-huyền, song nhìn kỹ sẽ thấy hiện-tượng phân-tán, diệt-liệt ở phía dưới sâu ; một lượn sóng tàn-phá đang xoi khoét cuộc đời ta.

Nói cách-mạng đây, không ám-chỉ một cuộc cách-mạng căn-cứ trên một lý-tướng, vì cách-mạng trên

lý-tưởng, chỉ là sự tiếp-diễn lý-tưởng ấy mà thôi. Cách-mạng lý-tưởng luôn luôn bạo-tàn, đẫm máu, lại vô-ích.

Anh có đồng ý với tôi chăng ?

Nếu anh đồng ý, chắc anh cũng nghĩ rằng những cải-cách ngoài vỏ đều vô-hiệu, như lớp sơn mạ trên kim-khí, không làm sao chịu đựng với phong-sương.

Cần có một cuộc cách-mạng nội-tâm, nhược bằng không thì những cải-biến xã-hội đều vô-bổ. Xã-hội lúc nào cũng tĩnh, cho nên bất-luận sự thay đổi bên ngoài nào mà không song-hành với sự cải-thiện bên trong thì cũng lâm vào trạng-thái tĩnh luôn. Ngoài sự cải-thiện nội-tâm, đừng mong cách nào khác. Không cải-thiện nội-tâm thì hành-động ngoại-cảnh chỉ là sự lặp đi lặp lại, thành thói quen mà thôi.

Xã-hội là gì, nếu không là sự giao-tế giữa loài người ? Cho nên, không có cuộc cách-mạng nội-tâm, nghĩa là sự biến-cải ý-nghĩ, tâm-hồn, nhờ đó mà có khả-năng sáng-tạo, thì xã-hội sẽ nằm yên, không phát-triển được.

Đừng ngạc-nhiên khi thấy sao đời càng ngày càng dơ-bẩn, thúì-tha, mặc dầu các đạo-giáo trên thế-giới không ngưng truyền giáo, các nhà tu không ngưng thuyết pháp. Những lời giảng đạo như nước đổ lá môn, từ tai bên này sang tai bên kia, đi tuốt, lý-tĩnh không giữ lại được tư-tưởng cao-thượng, tốt đẹp nào để suy-gẫm. Chẳng vậy mà loài người xưa sao nay vậy, đã không lành hơn thì chớ, mà lại dữ hơn, nhưt là trong thời-đại khoa-học tiến đến cao độ, vũ-khí tân-kỳ đua nhau tàn-sát nhân-loại, trộm cướp, gian-dâm, dối-trá, ác-độc, hình như loài người thoái-hóa lần-lần, không nhìn-nhận lễ Trời là chi nữa !

Ta chớ hoài-công ngạc-nhiên. Anh hãy tự-vấn : đời sống cơ-cùng, ăn không no, mặc không ấm, trật-tự xáo-trộn, con chửi cha, trò đánh thầy, dân bạo-ngược, quan tham-tàn, chung-qui, những cái xấu-xí, đê-mạt ấy, chính chúng ta tạo nó ra, chớ ai ! Đừng vội trách giai-cấp tư-bản,

giai-cấp vô-sản hay chế-độ độc-tài, vì chính chúng ta là cha đẻ những thứ ấy trong khi giao-thiếp với nhau kia mà ! Lòng anh ra làm sao, nó phản-chiếu ra ngoài làm vậy không sai. Anh tham-lam, xảo-quyệt, có tư-tưởng vay-là như-nhuốc, mọi hành-vi hằng ngày của anh ví như làn vẽ trong bức tranh ô-tạp, bị ngọn đèn pha rọi trợn ra ngoài, cấu-thành một thứ thiên-hạ tham-lam, xảo-quyệt, bất-chánh, ô-trọc. Ta sao, thì thiên-hạ y như vậy. Cho nên vấn-đề của ta là vấn-đề của thiên-hạ.

Chuyện dễ hiểu như thế, lại cốt-yếu, vậy mà ít ai chịu tìm hiểu !

Ta muốn cải-cách xã-hội bằng một lễ-lối, một phương-thức, một cuộc cách-mạng lý-thuyết, song ta quên rằng xã-hội thoát-thai từ ta, nó là con đẻ của ta. Ta trật-tự hay hỗn-độn, thì nó cũng trật-tự hay hỗn-độn như ta. Vậy phải bắt đầu, trong đời sống hằng bữa, tự xét lấy mình, kiểm-tra mọi hành-vi, mọi cử-chỉ, mọi tư-tưởng trong khi tiếp-xúc với người khác. Thành-tâm, ta sẽ nhận ngay rằng bất-luận về việc chi trong đời, hành-vi, tư-tưởng của ta đều bị dục-vọng thường-xuyên ám-ảnh, khắc-nghiệt chỉ-huy. Do đó mới có xung-đột, có chiến-tranh, hết thế-hệ này đến thế-hệ khác. Sinh-hoạt của loài người căn-cứ trên đố-kị, tham-lam. Một anh thuộc-viên bực trung có tham-vọng trở thành ông giám-đốc, nào phải đi làm nuôi sống không đâu ? Thái-độ ấy, phân-tích ra, dĩ-nhiên làm dao-động trật-tự xã-hội. Nếu anh ta biết an phận thủ thường, chỉ làm để nuôi sống một cách đơn-thuần, thì tình-trạng kia đâu có xảy ra ? Ganh-tị và ham-muốn nhập lại, là một trong những yếu-tố nguy-hại nhưt trong cuộc bang-giao giữa người và người, bởi chung ganh-tị và ham-muốn biểu-hiện lòng ao-ước quyền-uy, rồi từ đó, trên nấc thang cao, đưa đến chánh-trị, không bao xa. Anh thuộc-viên kia muốn thành giám-đốc, như nhộng hóa bướm, cũng là một phần-tử cấu-tạo uy-quyền chánh-trị, để rồi đi đến chiến-tranh không sao tránh được.

Trong sự bang-giao giữa loài người, ta dựa vào nền tảng nào, anh thử suy-nghĩ coi? Chắc-chắn không phải dựa vào tình thương, mặc dầu mở miệng thì tình thương tuôn ra đầu lưỡi. Thật ra, hai đối-phương, lúc nào cũng gờm nhau, lòng chất-chứa hận-thù mà mặt nề-nang tôn-kính. Sự thật là như thế. Giả-sử tôi và đối-phương bình-đẳng từ trong tư-tưởng, trong cảm-tình, thì việc gì phải ra vẻ kính-trọng nhau, khách-sáo bề ngoài? Nếu thật bình-đẳng trong tư-tưởng, thì tôi và y là hai người ngang bực ngang vai gặp nhau, chớ không phải một môn-sinh và một thầy giáo, một anh chồng ăn-hiếp vợ hay một chị vợ lấn-lướt chồng. Sở-dĩ có sự ngấm-ngâm chống-đối là do người nào cũng có sẵn trong lòng một nỗi ham-muốn, ganh-tị tiềm-tàng, rồi theo đó mà hành-động trong mê-muội, ngu-si. Có kẻ chán-nản lại muốn lẩn tránh thế-gian, khiến sự hỗn-loạn và cảnh cơ-cùng ngày càng bành-trướng.

Tư-tưởng, tin-nguỡng và ý-kiến thông-thường trong đời sống hằng ngày khiến tâm-trí sai-lạc, u-mê, rồi xét-đoán bất phân chân, ngụy. Anh hãy nhắm mắt lại và rón suy-lý thử coi: bất-cứ tin nơi một thuyết nào và nghiêng về bên thuyết ấy, anh cũng nghịch với thuyết khác và tìm phương bài-xích.

Có người muốn lật đổ toàn-diện một xã-hội để làm một xã-hội mới, theo một chủ-nghĩa nào đó, họ tin rằng trong xã-hội mới con người mới có hạnh-phúc. Kia, đám cuồng-tín đập tượng Phật, bức-hiếp đạo Gia-tô, thủ-tiêu sách-vở, dùng bạo-lực buộc đại-chúng lấy thuyết tam-vô làm trung-tâm tư-tưởng, gọi là xúc-tiến một cuộc cách-mạng văn-hóa. Chúng quyết đào sâu, chặt rễ, vứt đi, một cây cỏ-thụ ngàn đời. Hỡi ôi! Đau lòng thay, dã-tràng xe cát! Âu cũng vì hột giống đem gieo trên thửa đất cằn, tư-tưởng sai-lạc của một nhóm người thống-trị gây nên tình-trạng hỗn-loạn đó. Hối-hùng thay, và cũng thương-hại thay! Khi tôi viết bài này, sừng đang nở rên trời, hai chủ-nghĩa đang xâu-xé nhau, máu chảy thịt rơi... Nói mà nghe,

giả-sử quân cộng-sản thắng, phỏng cuộc cách-mạng xã-hội triệt-để của họ sẽ hữu-ích chăng? Tôi quả-quyết là không, vì cuộc xáo-trộn vĩ-đại kia chỉ ở ngoài vỏ, nhóm thống-trị vẫn còn là những cá-nhân chưa tự cách-mạng nội-tâm, phản-ảnh sẽ là một xã-hội bản-thù, ác-độc, vô căn-bản, thiếu từ-tâm. Thay đổi chế-độ như thế không khác nào đòi chiếc khăn đơ từ túi này sang túi khác, thì làm sao nó sạch được? Đặc-tính của xã-hội là kết-tinh như tuyết-giá, là hương về một tỉnh-trạng, nghĩa là không tránh khỏi mục-nát, dầu luật-pháp có nghiêm-ngặt hay mềm-đẻo tới đâu, xã-hội cũng tiến lần đến chỗ rã-rời, bởi một lẽ giản-dị, là chỉ có cách-mạng cá-nhân mới có chân giá-trị.

Thiệt nghĩ nên nhấn mạnh ở điểm này. Như ta biết, cơ-cấu xã-hội ở Âu-châu, ở Mỹ-quốc, ở Ấn-độ đều chóng vỡ-tan như những lâu-đài tráng-lệ cất trên đất không động cừ, thì trông rạn nứt, rồi sụp đổ có khi. Chừng ấy lại phải cần đến những kiến-trúc-gia mới, để xây-dựng lại trên nền-móng mới, rút kinh-nghiệm trong thất-bại của quá-trình. Phá-hoại thì dễ, kiến-thiết khó thay! Cường-quyền và bạo-lực có bao giờ trường-tồn?

Những vấn-đề trong thế-giới, vĩ-đại, khúc-chiết vô cùng. Muốn am-tường để mong giải-quyết, phải đề-cập một cách giản-dị và trực-tiếp. Giản-dị, là khi phán-đoán, không có thành-kiến, cũng không chịu ảnh-hưởng ngoại-lai. Muốn giải-quyết, không nên nghe những diễn-giả tài-ba, uốn ba tấc lưỡi để hương tâm-trí ta về một chiều, không tin chủ-nghĩa này, lý-thuyết nọ, cũng không phải thay-thế người chỉ-huy mà được.

Giải-quyết vấn-đề, phải tìm cho ra kẻ hữu-trách của chính vấn-đề, kẻ mang trách-nhiệm của lòng oán-hận, của sự bất cảm-thông của nhân-loại đối với nhau. Kẻ hữu-trách ấy, theo tôi, là mỗi con người, là anh, là tôi, chớ không ai khác. Thiên-hạ là tình-trạng bang-giao giữa loài người, không ngoài anh và tôi.

Vậy thì vấn-đề này của anh và tôi, chớ không phải của thiên-hạ; vì thiên-hạ chỉ là cái bóng mà chúng ta là hình. Muốn hiểu thiên-hạ, trước ta phải hiểu ta đã.

Tôi thấy cần nói mãi về điểm này vì chúng ta vô-tâm, cứ tưởng chuyện của thế-giới không phải là chuyện của mình, để cho Liên-hiệp-quốc giải-quyết bằng cách thay-thế người chỉ-huy là ôn. Chuyện đâu có dễ-dàng như thế! Chính chúng ta có trách-nhiệm trước tình-trạng khổ-đau kinh-khủng kia, tình-trạng hỗn-độn tổng-quát và thảm-họa chiến-tranh đe-dọa không ngừng.

Muốn biến-hóa thiên-hạ, ta phải khởi-điểm từ ta, phải tìm hiểu mình một cách chân-thành, không nên để người khác bộc-phát một cuộc cách-mạng hữu-khuynh hay tả-khuynh bên ngoài.

Tự-tri không phải là tự cô-lập, lánh thế-gian, khoác áo thầy tu, dăng đàn diễn-thuyết, bởi chúng ta không thể sống ngoài xã-hội được. Tại thiếu căn-bản tình thương trong sự bang-giao mới sinh xung-đột, đấu-tranh. Nếu ta cải-thiện được cuộc bang-giao ấy bằng cách chan vào một nguồn cảm-thông vĩ-đại, thì việc đó sẽ như lượn sóng từ-bi lan mãi không thôi, đem đến lòng thiện, gạt-rửa tham-si.

Một cuộc cách-mạng thật-sự không theo một kiểu-mẫu, một kỷ-luật nào, tả-khuynh hay hữu-khuynh. Muốn tìm những chân giá-trị, phải biết nó không phải là giá-trị của giác-quan, cũng không phải là giá-trị của cách gói-ghém bên ngoài; chỉ có chân giá-trị mới có khả-năng phục-hưng, biến-thiên và đưa đến một cuộc cách-mạng tận gốc. Muốn tìm chân giá-trị của sự-vật, không am-hiểu mình không được. Biết mình được là bắt đầu học khôn, có thể nói là tái-sinh vậy.

Song, muốn tự-tri tự-giác, phải có định-ý hẳn-hoi. Cái đó mới khó. Huống chi không sách-vở nào dạy cách tự-tri tự-giác, ta phải tự tìm lấy; thiếu chủ-tâm, chớ mong thành công.

Điều chắc-chắn là nếu không tự-tri tự-giác, tự-tưởng chúng ta thiếu nền-tảng, tất không vững-bền. Ta phải tìm hiểu ta trong hiện-tại, đúng như bản-ngã, chớ không như một con người mà ta mong muốn trở thành trong tương-lai. Trí ta phải nhanh-nhẹn, thoát-ly mọi tin-ngưỡng, mọi lý-tưởng, vì hai thứ ấy làm đảo-lộn tri-giác con người. Tôi là một người tham-lam, đố-kị, hung-bạo, thì lý-tưởng bất bạo-động của tôi phỏng có giá-trị gì? Tuy nhiên, muốn biết được mình là người tham-lam, đố-kị, hung-bạo, cũng phải có một tri-giác vô cùng bén nhọn, một bản-tính chánh-trực, thật-thà, một tư-duy thanh-khiết. Biết rõ cá-tính của mình rồi, phải biết hổ-thẹn và ghê-tởm tội-lỗi đã phạm, phải biết hân-hoan khi nhớ lại một việc lành, chịu khó dưỡng cái tốt, bỏ cái xấu và làm trái lại những xuẩn-động đã qua, nghĩa là sửa cả tư-tưởng lẫn hành-vi. Không sát-sanh, không tà-dâm, không trộm-cắp dưới bất câu hình-thức nào, không dối-trá gạt người, không oán-thù nham-hiềm.

Tri-chí suy-nghĩ, lần-lần mới thấy rằng ở đời lúc thanh hồi suy, hiệp tan, tan hiệp, sinh rồi tử, tạo rồi diệt, không có chi là trường-tồn, cái gì cũng không thiệt, không vững, vậy mà, vì vô-minh, mình cứ lầm tưởng là thiệt, rồi bo-bo giữ của sẵn có, lại tạo thêm mãi cho túi tham không đáy, để rồi chịu khổ suốt đời. Chưa được thì ao-ước, nên lòng khổ-sở như khát uống thêm ăn, được rồi lại tưởng là vĩnh-viễn, lo sợ mất đi, cũng khổ; chừng mất đi lại khổ nữa. Vậy từ lúc sơ-sinh, qua thời trung-niên, trải bao phen vật lộn với đời, đến khi tóc bạc da nhăn, loài người lẩn-lóc nổi chìm trong biển khổ, cũng bởi thấy giả mà tưởng là thiệt, thấy khổ mà tưởng là vui, cho nên anh và tôi, tựong-trung chúng-sinh, mới sa-mê theo ngũ-trần đục-lạc là sự thưởng-thức của giác-quan. Ngày nào dứt được hẳn chữ ái của ngũ-quan, tất dứt được lòng ham-muốn thì cây khổ không còn đất mà mọc.

Anh hiểu được anh tức hiểu thiên-hạ. Một ngày kia anh sẽ trở nên người chồng tốt, người cha lành. Con-cái sẽ

lấy gương trong của anh mà soi mình, và, cứ theo đà ấy mà đi, dòng-dõi nhà anh, lớp mới chồng lên lớp cũ, liên-lạc với nhau, tạo một nền-nếp rần-rỏi, không ngại sức tàn-phá của những thể-hệ thiếu căn-bản đạo-đức. Nhiều người được như anh cấu thành một xã-hội có gốc-rễ, qua con bão-tổ hãi-hùng sẽ còn cơ đằm chồi nảy tược.

Đức-hạnh rất cần cho một xã-hội tự phân-tán như xã-hội ngày nay. Thế nhưng, muốn tạo một cơ-cấu mới, phải có khả-năng suy-nghiệm sự vật trong trần-gian với một tinh-thần mới vì lẽ chỉ có kinh-nghiệm trực-tiếp mới hết thắc-mắc, ngờ-vực. Mà kinh-nghiệm trực-tiếp có thể đạt được là khi ta có một tinh-thần đơn-giản, nghĩa là khả-dĩ thụ-cảm. Tinh-thần ấy khiến ta hết sợ-sệt cái ta, mạnh-dạn vạch trần nó ra để bường thiện và dễ tiếp-thụ duyên lành của Thiêng-Liêng hay nói khác hơn, dễ gần Trời Phật, thấu-đáo Chân-Lý.

Suy ta ra người. Xã-hội xấu-xi và suy-dồi đưa đến chiến-tranh. Muốn chấm dứt chiến-tranh, phải tìm hiểu nguyên-nhân. Biết nguyên-nhân chiến-tranh là tình-trạng vô-minh, thì kiếm cách tiết-diệt vô-minh cho bằng được, thấy sự-vật cho chính, lọc-lừa cho phân-minh, bỏ cái tệ, giữ cái lành, không vì ta, mà vì người. Được như vậy, tình thương sẽ bao-la, thanh-nhã, xinh-tươi như nền trời mùa xuân. Kẻ vô đạo-đức mò-mẫm trên con đường tối-tăm, hành-vi của họ phát-sinh từ một không-tưởng, sẽ đưa họ đến họa diệt-vong, đó là dĩ-nhiên, và hợp luận-lý của Thiêng-Liêng vậy.

TUẤN-LÝ HUỲNH KHẮC-DỤNG

Đầu năm 1967



Thư chỉnh-lý một vài sai-làm sân-khấu

PHÊ BÌNH HÁT BỘI

Tuồng San-Hậu

Vai KIM-LÂN và vai TỬ-TRÌNH

Bài của Thân-văn
NGUYỄN VĂN QUI

Bằng-hữu thâm giao, vui cùng hưởng, buồn đồng chia, hoạn nạn có nhau, sống chết gần nhau, đó là tình Lân-Tá. Lân đâu Tá đó. Tá đâu Lân đó.

Kim-Lân và Linh-Tá là rường cột nhà Tề, bởi nên khi hay tin Linh-Tá bị Ôn-Đình sờ sát thì bà Nguyệt-Kiều than :

« (xưa Kim-Lân Linh-Tá hỡi còn, có phải)

« Thử vì tôn, thử vì mới tương giao,

« (chớ như nay Linh-Tá mất rồi, còn một Đồng-kim-Lân)

« Thư hùng khuyết, thư hùng đà nan lập.

Mối liên-quan khấn chặt như thế, nên hễ nói vai Linh-Tá thì không thể không nói Kim-Lân.

San-Hậu thứ nhất, thứ nhì, Kim-Lân không râu. Qua thứ ba, râu đen dài.

Vai Kim-Lân diễn sai ở lớp « Thử Tử-Trình ». Nghệ-sĩ không đặt mình vào hồn-xác Đồng-kim-Lân mà cứ nhớ căn-cơ bản-chất của mình là Nghệ-sĩ Ôi, Mít, Xoài, và lại sợ khán-giả không hiểu mình thử Tử-Trình. Rồi cái thử phải như thiệt nó thành ra cái thử giễu-chơi.

Sao lại sợ khán-giả không hiểu mình thử ? Quên đi chăng, câu lối mình vừa nói với Linh-Tá :

- « Ta còn biết túng mà quyền,
- « Người há chẳng biết suy mà biến, hay sao ?
- « (chừ thò) Hai ta kịp tới, thám thính Lê-gia,
- « Cho biết chánh biết tà,
- « Kẻo rằng chơn rằng giả.

Thử cho biết Tử-Trình theo Tề hay phò Tạ, thì lẽ tự-nhiên mình phải làm cho ra vẻ bề tôi trung Tạ. Chẳng phải chỉ trong lời nói mà chỉ đến điệu-bộ, đứng hẳn về bên Tạ mà bắt tội Tử-Trình theo Tề. Khi Tử-Trình nói :

- « Như ta, dốc cứu Tề xã-tắc,
- « Chẳng qua vì trả nợ tiên-hoàng,
- « Hay lậu mưu phân Tạ-giang-san.
- « Dầu có thác cũng đà rặng tiết.

Không biết chắc miệng vậy mà lòng làm sao, nên hễ vừa dứt lối, thì Kim-Lân Linh-Tá, không nhẹ tay chi cả, kéo Tử-Trình quì xuống (đáng lẽ vật xuống) chớ không phải để Tử-Trình tự quì.

Vừa kéo vừa nói với sắc mặt thù hềm, chớ không phải xui lơ như đã thường diễn :

- « Khá tua chịu phép,
- « Cho hai mổ xuống đao.
- « Lấy đầu người về nạp Tạ-trào,
- « Đừng than trách quì thần trời đất.

Rồi Tử-Trình trối những lời hào-khí và tới câu :

- « Hồn phách xuống chín sông,
- « Khí khái lão đề bêu muôn thuở.
- « Đây, nhị tướng-quân chém đi...

Bấy giờ, hai vai Lâm-Tá chỉ Tử-Trình, chỉ bụng mình, đưa lên một ngón tay, tỏ ý cùng một lòng một dạ, đồng thời nói « Hề », sang bộ làm như khai đao. Đao vừa hạ thì buông đao, quì lẹ xuống đỡ Tử-Trình dậy, miệng nói :

- « Hừ à ! Thị Tề-triều xã-tắc,
- « Chơn lương-đồng miếu-đường.
- « Vạn phúc Tề-triều sanh Nam-chúa,
- « Nhứt triều đế vị đồ trùng quang, đồ trùng quang !
- « Ông trời, ông Phật !

Xưa nay, Lâm-Tá huy đao chém rồi lại ngừng, nói trái tay, cùng đổi chỗ, chém lại. Nước Tề còn mất ở chỗ này, không phải chuyện chơi mà làm trò giễu-cợt. Là tay võ-dũng, chém mặt vót trái, sao lại bảo thuận và không thuận ?



Nói lớp « Thử Tử-Trình » phải phê-bình vai Tử-Trình, có liên-quan mật-thiết với Lâm-Tá.

Trong ba thứ San-Hậu, Tử-Trình diễn sai ở lớp này và vẫn sai từ hồi nào cho đến bây giờ, không hề chịu sửa đổi.

Một phần lỗi ở diễn-giả, một phần lỗi ở khán-giả. Về phần diễn-giả đã nói phía trên. Riêng khán-giả, một phần lớn đều hí-trường để giải muộn, không quan tâm cho lắm đến lối diễn-xuất và câu hát điệu hát. Lại thích trò giễu trên sân-khấu để cười cho trút cơn phiền. Vì hiểu tâm-lý khán-giả ở chỗ đó cho nên nghệ-sĩ ham giễu, dù gặp chỗ không nên giễu, và giễu được hồi nào hay hồi nấy. Trong lòng tính cho chọc cười là có duyên, không trọng nghệ-thuật, cũng trối kệ lời phê-bình.

Sau khi thân, Tử-Trình nói :

- « Cơ-nghiệp Tề dốc gánh,
- « Giang-san thiện phải lo.
- « Việc người đã nấy cho,
- « Há ăn ngon nằm ngủ ?
- « Lòng đây muốn tỏ,
- « Hềm nôi chưa thông.

Tới đây Lâm, Tá ra, Lâm bên cửa sanh, Tá bên cửa tử, lóng tai rình nghe. Tử-Trình đứng dậy, bước tới đứng một hàng với Lâm, Tá.

Diễn sai ở chỗ này : Tử-Trình tiếp lối :

- « *Dĩ thù nhi bảo hộ thứ-phi ?*
 « *Dĩ thù nhi cứu an hoàng-tử ?*
 « *Chước nào đặng thử lòng Linh-Tá,*
 « *Coi thử chàng có dạ trung-thần ?*

Tử-Trình nói đến đây lấy ngón tay trở vào mặt Linh-Tá, quên rằng đôi bên cách vách.

- « *Mưu nào cho biết Đồng-kim-Lân,*
 « *Chẳng biết gã vì Tề hay vì Tạ ?*

Lại xỉ vào mặt Kim-Lân. Cái bậy nhứt là Linh-Tá Kim-Lân lại né, cũng quên rằng mình đang đứng ngoài phòng.

Tử-Trình tiếp :

- « *Thậm tiếc tài hai gã,*
 « *Về đâu Tạ-thị một lòng.*
 « *Phải chi mình có sức anh-hùng,*
 « *Chém đầu Tạ đường như thảo-giái.*

Trong tuồng, văn lối Tử-Trình chỉ có bao nhiêu mà thôi. Tử-Trình buồn cho nghiệp Tề suy-sụp, nói lối ai, nhỏ lệ khi dứt câu « *Dĩ thù nhi cứu an hoàng-tử ?* »

Đến câu « *thậm tiếc tài hai gã* », chỉ đưa ngón tay trở tay mặt, rải phía Kim-Lân, đưa ngón tay trở tay trái rải phía Linh-Tá. Điều này là cố ý trách. Nói hai câu chót :

- « *Phải chi mình có sức anh-hùng*

khoát tay ra bộ võ, và nghiêng răng, cắn hờn Tạ-tặc, đồng thời sè tay chặt xuống để dứt lối :

- « *Chém đầu Tạ đường như thảo-giái.*

Vai Tử-Trình chỉ ngời mà nói đoạn lối này, không cần phải đến gần Linh-Tá và nhứt là không được thêm lối giả của tự mình « *cương* » để nhắc chuyện Tiêu-giang-san rồi nhấc và xỉ vào mặt Linh-Tá.

Tử-Trình là một hoạn-quan nho-văn, tề-chính, mỗi lời nói đoan-trang, mỗi điệu-bộ phong-nhã. Dám chết để cứu Tề, chớ không phải giêu-chơi, ngửa mặt hỏi Linh-Tá : « *Chém thiệt sao ?* »

Thân-văn NGUYỄN VĂN QUÍ

MỘT CUỘC NỖI DÂY

ĐỂ GÓP VÀO BỘ VĂN-HỌC ĐỒNG-NAI :

MỘT ĐOẠN DĨ-VĂNG
KỊCH - NGHỆ MIỀN NAM
Từ Hát-Bội đến Thoại-Kịch

(Tiếp theo)

của Thuận-Phong NGÔ-VĂN-PHÁT

V. — CA-VŨ NHẠC-KỊCH

Trong lúc hát bội xuống dốc và cải-lương xôm giàn, làng cầm-ca trỗi lên phong-trào nhạc Tây-phương : trên màn ảnh, nổi tiếng những bản nhạc như *Symphonie inachevée* của Schubert, *Le Beau Danube Bleu*, *Nuit de Chine*, *Sunset in Vienna*, *Casta Diva* v.v... và đĩa hát thì có phong-trào Tino Rossi với những bản *Partir un jour*, *On n'aime qu'une fois*, *Dis-moi le secret de tes caresses*, *Après toi je n'aurai plus d'amour* cùng Joséphine Baker với bản *J'ai deux amours*.

Trong lúc đó, trận thế-chiến thứ hai lại nổ lên, lật-đổ nước Pháp ở Đông-Dương, quyền cai-trị về tay Nhật-Bồn. Trước mặt người người, uy-tin nước Pháp đã xuống nhiều và, trái lại, tinh-thần ái-quốc và ý-thức độc-lập được bùng

lên. Sinh-viên cao-đẳng ở Hà-Nội chỗi dậy, phát-động hai phong-trào song-phương : Hoài-niệm cổ-nhơn và kêu gọi thanh-niên nam nữ, đề cổ-động cho tinh-thần ái-quốc và ý-thức độc-lập. Họ hoạt-động từ trong học-đường đến ngoài xã-hội, từ thành-thị thẳng tới thôn-quê và từ sân khấu đến miếu đền.

VĂN-NGHỆ SANH-VIÊN

Họ khởi sự đi viếng Yên-Thế, là ổ kháng-chiến của Đề-Thám chống Pháp, ngày chúa-nhật 11-1-1942 và đến viếng đền Hùng-Vương ngày thứ bảy 28-11-1942 và chúa-nhật 29-11-1942. Đó là hai cuộc hành hương đến thủy-tổ và anh-hùng dân-tộc. Họ phổ-biến lịch-sử bằng diễn-thuyết, diễn kịch, ca-nhạc và triển-lãm.

Đề mở màn cho các hoạt-động văn-ngệ đó, ra đời bản tân-nhạc « Sinh-viên Hành-khúc », là lời kêu gọi hùng-mạnh mà ai cũng biết sau này đổi tên, chỉ đổi tên thôi, ra là « Thanh-niên hành-khúc ». Bản tân-nhạc này lúc đó có năng-lực kích-thích lạ thường và đã mở đường khai lối cho tân-nhạc.

« Sinh-viên hành-khúc », « Lên-đường » cùng « Việt-nữ gọi đàn », « Ta cùng đi », « Tráng khí ca », « Bài hát của thiếu-sinh » quả là có năng-lực thúc-giục. Bản « Hồn tử-sĩ », « Ái Chi-lăng », « Bóng người núi Lam », « Bạch-đăng-giang » và « Kinh cầu nguyện » đưa ngược lên dòng thời-gian, tìm dấu danh-nhơn anh-kiệt và đánh thức tinh-thần dân-tộc một cách thấm-thía, mãnh-liệt, trầm-hùng. Còn bản « Hoài xuân », « Con thuyền không bến » và « Nhớ quê hương » êm-dềm, du-đương tuyệt-diệu, với giọng hát trong-trẻo như pha-lè của con « Oanh vàng » là Nguyễn-thị-Thiều, ru dỗ trong-niềm bưng-khuàng hoài-vọng. Với những bài bản độc-đáo ấy cùng Nguyễn-thị-Thiều, con oanh vàng, Phan-thị-Bình trầm-trầm và Trần-văn-Khê hài-hước, nhi-nhánh lại cảm-động, tân nhạc sanh-viên đã đánh mạnh vào lòng ái-quốc và chí độc-lập của thế-nhơn

một đòn tâm-lý, ấy là đòn tâm-lý của cổ-nhạc đánh vào khán-giả cải-lương, và khán-giả hát-bội, ấy là đòn tâm-lý bức-thiết đã đánh trúng nhịp lòng. Đòn tâm-lý ấy còn được đánh bồi mạnh hết cường-độ bởi những bài diễn-văn lịch-sử (của M.V.B. tại rạp Nguyễn-văn-Hảo ngày chúa-nhật 11-7-1943 ở Saigon), những cuộc triển-lãm tài-liệu lịch-sử của sanh-viên trở về Đồng-Nai tại Cần-Thơ (24-6-1943) và Mỹ-Tho (26-6-1943) sau khi đòn tâm-lý đầu tiên đã thật-hiện do Hội Khuyến-Học Cần-Thơ với cuộc sùng-tu ngôi-mộ của cụ Thủ-Khoa Bùi-hữu-Nghĩa, với cuộc lễ hoài-niệm cụ Thủ-Khoa trong đó có diễn-văn, nhứt là có diễn thoại-kịch (Kịch « Nàng Thơ » của Tố-Phang, đã nhắc ở trước), cùng với cuộc triển-lãm tài-liệu về cụ Phan-thanh-Giản tại hội quán Hội Khuyến-Học Cần-Thơ. Đó là đòn tâm-lý làm nhơn-tổ chánh của sân-khấu, làm tiêu-chuẩn cho sân-khấu.

Tân-nhạc của sanh-viên Hà-Nội, cốt-cán và xuất-sắc là sanh-viên gốc Đồng-Nai như Phan-thị-Bình, con oanh vàng Nguyễn-thị-Thiều, M.V.B., Ngô-thiện-Khai, H.V.T., Diệp-M.C., T.N. Hơn, Đặng-văn-T., Nguyễn-thành-Nguyên, Trần-văn-Khê, N. Mỹ-Ca, H. v. Lái, L. H. Phước, v.v... tân-nhạc tiên-phong ấy được về Đồng-Nai theo sanh-viên trong mùa nghỉ hè và được trình-diễn cho công-chúng Đồng-Nai. Cuộc trình-diễn tuy bề ngoài có tánh-cách làm nghĩa, vì nói là để thâu tiền giúp những người-bịnh, trại thanh-niên « Suối Lồ-Ồ », kỳ thật thì bề trong là để cổ-vô cho tinh-thần ái-quốc và ý-thức độc-lập.

Tân-nhạc đó phụ-họa theo thoại-kịch và trôi tẩu giữa hai màn thoại-kịch, chẳng hạn như trong « Một đêm hát » do nữ-sinh tổ-chức và trình-diễn tại nhà hát địa-phương Saigon, đêm 14-7-1943 theo chương-trình dưới đây :

KHAI-MẠC :

Bài hát của thiếu-nữ Việt-Nam
(Âm-nhạc của L.H.P. lời ca của Mai-Lưu,
do các nữ-sinh đồng hát)

PHẦN THỨ NHỨT

(Tục Lụy)

(Ca-kịch bằng thơ và nhạc. Thơ của Khái-Hung và Thế-Lữ.
Âm-nhạc của L.H.P., hòa-âm của Lê-văn-Kính)

- 1.— Mở đầu theo Do majeur
- 2.— Hồi thứ nhứt.
- 3.— Giữa màn theo Mi mineur
- 4.— Hồi thứ nhì
- 5.— Giữa màn theo Sol mineur
- 6.— Hồi thứ ba.
- 7.— Kết-thúc theo Sol majeur

PHẦN THỨ HAI

(Nợ Mê-Linh)

— Ngày xưa, âm-nhạc và lời ca của Hoàng-Phu và Nguyễn-Thanh.

— Cầu-nguyện hai bà, âm-nhạc của L.H.P. lời ca của Lê-khắc-Thiền

— Hồi thứ nhứt của Nợ Mê-Linh, kịch lịch-sử

— Hồn tử-sĩ, âm-nhạc của L.H.P.

— Hồi thứ nhì của Nợ Mê-Linh. Âm-nhạc họa theo, của Lương-ngọc-Châu.

— Một ra đi là không trở về, âm-nhạc và lời ca của Lương-ngọc-Châu.

— Hồn tử-sĩ, lời ca của Phan-thanh-Hòa, do các nữ học-sinh đồng hát.

Cách phụ-họa và phân-phối âm-nhạc trong buổi diễn-kịch đó quả là một sáng-kiến không hề có hồi xưa, thật là một phát-minh. Như vậy tiêu-chuẩn sân-khấu hát-bội là hỉ, nộ, ái, ố và thỉnh sắc song toàn, ở đây sinh-viên đã thật-hiện, chẳng những đầy-đủ, mà còn tấu-bộ hơn,

vì sát theo với non-trí non-tâm đương-thời, đúng với tinh-thần dân-tộc. Nói một thể khác, ca nhạc kịch sanh-viên đã đánh rất trúng đòn tâm-lý. Đã đánh trúng đòn tâm-lý và cứ ra sức đánh cho khéo hơn, để gây mỗi xúc-dộng mạnh hơn, để kích-thích đến cực-độ, như khi trình-diễn vở kịch lịch-sử « Đêm Lam-Son » của Hoàng-Mai :

Tích tường

Âm-nhạc

— *Bóng người núi Lam,*

âm-nhạc : Lương-ngọc-Châu

lời ca : Việt-Tiên

— *Kinh cầu nguyện :*

âm nhạc : L.H.P.

lời ca : Mai-Lưu.

Hồi thứ I « Đêm Lam-Son »

— *Hồn tử-sĩ,*

âm-nhạc : L.H.P.

lời ca : Phan-thanh-Hòa

Hồi thứ II « Đêm Lam-Son »

— *Ta cùng đi,*

âm-nhạc : L.H.P.

lời ca : Mai-Lưu

— *Sóng Bạch-Đằng,*

âm-nhạc : L.H.P.

Hồi-thứ III « Đêm Lam-Son »

— *Tráng-khi ca,*

âm-nhạc và lời ca : Lương-ngọc-Châu

— *Bài hát của thiếu-sinh,*

âm nhạc : L.H.P.

Hồi thứ IV « Đêm Lam-Son »

— *Ái Chi-Lãng*

âm-nhạc : L.H.P.

lời ca : M.V.B. và Nguyễn-thành-Nguyên.

Sanh-viên đã để hết tâm, hết sức và hết công vào diễn-xuất, làm cho phần thịnh của yếu-tố sân-khẩu càng tăng-cường và dĩ-nhiên càng được khán-giả tán-thưởng. Cả Hà-Nội và cả Saigon đều trăm miệng một lời khen hay, như bằng chứng cụ-thể sau đây :

Báo Tin Mới ngày 16-3-1942 :

Hà-Thành đã xúng với mỹ-danh hoa-lệ trong buổi hòa-nhạc long-trọng tại giảng-đường trường Đại-học... Có NGUYỄN-THỊ-THIỆU hát những bản du-dương làm say-mê khán-giả. GIỌNG OANH VÀNG của cô trong những bài NHỚ QUÊ-HƯƠNG, HOÀI XUÂN, CON THUYỀN KHÔNG BẾN, được hoan-nghênh nhiệt-liệt. Xen lẫn vào những bản êm-đềm, có những bài hát trào-phúng ngắn của bạn Trần-văn-Khê (tài-nghệ của bạn Khê làm mọi người nhớ đến Pills et Tabet của người Pháp).

Báo Việt-Cường ngày 19-3-1942 :

Vui-vẻ mà làm việc nghĩa, đó là một tinh-cách của thanh-niên. Thêm một lần, câu nói ấy đã được mọi người nhận thấy trong buổi hòa-nhạc đêm-ấm do Tổng-Hội Sinh-Viên trường Cao-đẳng tổ-chức chủ-nhật vừa qua. Không những giúp bệnh-nhân nghèo, các sinh-viên còn tạo được cho một phần Hà-Nội thanh-lịch hai giờ đồng-hồ giải-trí thanh-tạo quý-báu.

Bao nhiêu những bản-khoản vì cuộc đời và ưu-tư vì công việc, người ta đã quên đi được hết, khi để tâm-hồn chơi-vơi theo tiếng đàn của Bà ENCAUSSE DE GANTIES, của Cô VŨ-THỊ-HIỀN cùng những điệu hát du-dương tuyệt-diệu của Cô NGUYỄN-THỊ-THIỆU và Cậu TRẦN-VĂN-KHÊ. Đáng khen nhất là những bài hát hài-hước, nhí-nhảnh và cảm-động của Cậu TRẦN-VĂN-KHÊ như bài LE PETIT MOUSSE (J. LANG).

Báo Hanoi Soir ngày 23-3-1942

Cô THIỀU đã làm say-sưa khán-giả bằng giọng hát trong vắt như pha-lê của cô trong bản CON THUYỀN KHÔNG BẾN.

(Mlle THIỀU charma l'assistance par sa voix cristalline dans la chanson LA BARQUE VAGABONDE).

Việt-Báo Học-Sinh ngày 23-1-1942

VUI-VẺ TRẺ-TRUNG

Cậu KHÊ có một giọng hát rất hay và những điệu-bộ tự-nhiên lạ-lùng dám để sánh với các tài-tử trên màn bạc, thật là một tài-tử trẻ tuổi nhiều hy-vọng của làng âm-nhạc và kịch-trường sau này.

Trước khi chia tay, ban âm-nhạc lại cử bài HÀNH-KHÚC của Sinh-viên Đông-dương của L.H.P. Lần này tất cả sinh-viên và rất nhiều thính-giả khác đều đứng dậy hát theo. Không có gì cảm-động bằng nghe non ngàn thanh-niên đồng thanh hát bài hùng-hồn, mạnh-mẽ ấy.

Ấy là lần thứ nhất mà người ta được nghe anh em sinh-viên hát chung một hành-khúc. Điệu hát này biểu-lộ một tinh-thần hăng-hái can-đảm, ra đoàn-kết và phụng-sự những chủ-nghĩa hay. Thật là một điệu hát hoàn-toàn giục-dã, bông-bộ có một sức mạnh cảm-hóa lạ-thường, lời-lẽ đanh-thép, khuyến-khích thanh-niên một cách mãnh-liệt, làm nảy-nở trong tâm-trí họ biết bao dũng-cảm, biết bao ý-nghĩ cường-tráng và tự-tin.

Điệu « HÀNH-KHÚC CỦA SINH-VIÊN » rất xứng-đáng làm một bài hiệu-triệu thanh-niên từ Bắc chí Nam.

Trong lúc này là lúc mọi người đang mong chờ, đang hy-vọng nhiều ở thanh-niên, ở lòng hăng-hái, can-đảm và ham phụng-sự của bọn sinh-viên đã tỏ ra rằng họ không phải một nhóm người vì kinh-sử mà họ quên phận-sự quốc-gia, quên những cái nhiệm-vụ cao xa.

Chúng ta hãy mong rằng các anh em sinh-viên tiến lên mãi mãi, để đạt được mục-đích tối-cao của họ.

H.V.Q.G.

Báo Volonté Indochinoise ngày thứ hai 16-3-1942

Cô NGUYỄN-THỊ-THIỀU, vô cùng duyên-dáng trong tà áo « ngà », đã hát bản Hoài-Xuân của Tô-Mạn-Chu bằng một giọng rất êm-dịu như nhung.

Cô THIỀU chấm dứt bằng bài NHỚ QUÊ-HƯƠNG của HOÀNG-QUÝ đã được vỗ tay nồng-nhiệt.

(Mlle NGUYỄN-THỊ-THIỀU, toute charmante dans sa tunique « ivoire », chanta d'une voix très veloutée les « REGRETS de TO MAN CHU »).

Mlle THIỀU termine par la « NOSTALGIE » de HOÀNG QUÝ qui fut vivement applaudie).

Theo tài-liệu trên đây, ô. H.V.Q.G. trong Việt-Báo Học-Sinh đã nhận-xét rất đúng rằng bản « Hành-Khúc của Sinh-Viên » rất xứng-dáng làm một bài hiệu-triệu thanh-niên từ Bắc chí Nam, ngay trong lúc đó là lúc « mọi người đang mong chờ, đang hy-vọng ở thanh-niên » và mọi người muốn cho họ đừng « quên phận-sự quốc-gia, quên những cái nhiệm-vụ cao-xa ». Ô. H.V.Q.G. còn « mong rằng các anh em Sinh-viên tiến lên mãi mãi ». Trong thật-tế đau-khổ, anh em sanh-viên đã tiến lên, đương tiến lên và còn tiến lên, bao giờ giống Lạc-Hồng còn có mặt trong non sông gấm vóc muôn đời yêu quý của ta. Lớp sanh-viên đó đã là bao nhiêu lớp thanh-niên rồi và bài hát « Hành-khúc của Sinh-viên » đã vang-dội khắp các vĩ-tuyến từ thuở 1945 và bây giờ còn hùng-hồn mãnh-liệt đánh vào lòng đồng-cảm nghĩa-khi của con người Việt-Nam ta.

Cũng theo các báo thượng-dẫn, văn-nghệ của sanh-viên ấy đã trình-diễn ở chốn Hà-Thành hoa-lệ, ở đất Thăng-Long thanh-lịch, ở tại nhà hát lớn của đất « nghìn

năm văn vật » và trong giảng đường của trường Cao-đẳng ; văn-nghệ đó chừng dòi trở về Đồng-Nai cũng trình-diễn giữa những con mắt sành thẩm-mỹ của hạng người thanh-tú ở rạp hát Tây Saigon, ở Mỹ-tho và ở Hội Khuyển-Học Cần-Thơ. Đến đâu, văn-nghệ sanh-viên cũng được hoan-nghinh nồng-nhiệt và được thưởng-thức thâm-trầm.

Nhưng phải tiếc là văn-nghệ ca, nhạc, kịch ấy chỉ được trình diễn ở chỗ hoa-lệ thanh-tú, nghĩa là trong giới trí-thức và thượng-lưu. Hoàn-cảnh đương thời nhưt là thời-gian tiền-chiến không cho văn-nghệ ca, nhạc, kịch ấy tiến xa hơn, đến đại-chúng bình-dân, đến làng mạc, để làm phận-sự quốc-gia cao-cả, là đánh thức tinh-thần dân-tộc và nhưt là để coi sân-khấu mới đó có ăn khách không, có đậu giàn không, có thay thế hát-bội và cải-lương được hay không ?

Về Saigon, ngoài những sân-khấu kể trên đây, văn-nghệ sanh-viên còn trình-diễn ở rạp hát bóng Eden, nghĩa là được tiếp-xúc với một hạng khán-giả khác hơn của rạp hát Tây. Rạp hát đã đổi, chương-trình cũng đổi.

Thật vậy, văn-nghệ sanh-viên trình-diễn ở rạp hát Tây theo ba chương-trình :

1) Đêm 14-7-1943 :

- Tục luy, ca kịch,
- Nợ Mê-Linh, kịch lịch-sử, với âm-nhạc phụ-họa.

2) Đêm 21-7-1943 :

- Sinh-viên Việt-Nam qua các thời-đại, duyệt-kịch
- Đêm Lam-Son, kịch lịch-sử cũng với âm-nhạc phụ-họa.

3) Đêm 24-7-1943 :

- Tục-luy, ca-kịch
- Đêm Lam-Son, kịch lịch-sử với âm-nhạc trong lúc bỏ màn.

Chương-trình trên đây không thể còn giữ nguyên hay là pha trộn như trong đêm trình-diễn thứ ba, 24-7-43, mà lại phải thay đổi, phải cải tiến vì hoàn-cảnh chánh-trị từ 1943 đến 1945 đã biến-chuyển mau và mạnh quá chừng, văn-nghệ sanh-viên phải theo kịp bước thời-cuộc, phải lẩn bước thời-cuộc nữa. Cho nên bài « Thanh-niên Hành-khúc » đã biến ra làm bài « quốc-ca » và chương-trình đêm 17-5-1945 tại rạp Eden đã khéo nghiên-cứu cho thích-ứng với hiện-tình chánh-trị, như vậy :

- Quốc-ca
- Bi-kịch : Giấc ngủ trăm năm
- Múa Lào
- Kịch Nguyễn-Trãi
- Kịch : Chiếc vòng ngọc của Đinh-Bộ-Lĩnh
- Vũ-khúc
- Thiếu-nữ Việt-Nam qua các thời-đại
- Hội-nghị Diên-Hồng.

So với các chương-trình đã trình-diễn tại Hà-Nội và tại Saigon những kỳ trước, chương-trình này đã tỏ ra tiến-bộ rất nhiều : nội-dung lịch-sử tuy vẫn y như trước nhưng tánh-cách lịch-sử đã trở nên mạnh-bạo hơn ; hai tiết-mục « Nguyễn-Trãi » và « Hội-nghị Diên-Hồng » đã kêu gọi công-khai mạnh-mẽ toàn dân quyết-chiến đứng lên trả thù nhà, đền nợ nước, lời kêu gọi đã được phát ra bằng bản nhạc « quốc-ca », một cách công-khai, long-trọng và oai-lùng.

Nhưng đứng về phương-diện sân-khấu thuần-túy thì chương-trình đêm 17-5-1945 lại càng tiến-bộ hơn nhiều, bởi ngoài những nhơn-tổ có đầy-đủ kịch-tánh, tức là ngoài tiêu-chuẩn cố-hữu của sân-khấu, chương-trình được điểm thêm một sáng-kiến có một không hai : vũ. Trên sân-khấu hát-bội có vũ, mà là một vũ hùng-tráng của võ-tướng, hoặc một vũ lãng-mạn của ca-nhi, có tánh-cách thâm-mỹ mặc dầu, song vốn xa cách thật-tế. Vũ của

chương-trình này có vẻ gần thật-tế hơn, dường như là từ men nồng châm thêm vào tinh-thần dân-tộc đã được đánh thức nhờ mấy tiết-mục lịch-sử kia.

Trong khoản chừng ba năm, văn-nghệ sanh-viên đã thi-hành một thiên-chức lớn-lao là kêu gọi tinh-thần dân-tộc, đồng thời cung-cấp cho sân-khấu hai nhơn-tổ tối cần là tân-nhạc và vũ-khúc, hai nhơn-tổ chưa từng có mặt trên sân-khấu Việt-Nam xưa nay, hai nhơn-tổ làm cho sân-khấu Đồng-Nai hoàn-toàn mới lạ.

(Còn tiếp)

Thuần-Phong NGÔ VĂN PHÁT

LỜI GHI CHÚ : Tôi xin thành-thật biết ơn Bác-sĩ Trương-ngọc-Hơn đã sẵn lòng cho tôi mượn những chương-trình các buổi đại-hội và dạ-hội sanh-viên 1942 — 1945.

KIM CANG

59, đường PHẠM HỮU-CHÍ (Chợ-lớn)

(Bên hông Y-Viện Chợ-Rẫy)

CHUYÊN LÀM BẰNG MÁY :

Các nắp chai đủ cỡ, bằng nhôm hay bằng thiếc cho các nhà thuốc Tây và nhà thuốc Bắc.

XÁO-TRỘN

(viết theo một câu chuyện có thật)
từ trước Cách-Mạng 1963 ★ Bài của AN CU

Đã hai, ba hôm nay, các trường trung-học công-lập nghỉ Tết rồi. Phong, một giáo-sư quốc-văn, được rỗi-rảnh, không phải đi dạy. Phong định bụng « hoặc soạn bài đề dạy sau Tết, hoặc viết bài báo ». Nhưng sao chàng băn-khoăn quá, một cách vô cớ. Chàng không tập-trung được tâm trí dặng làm bất cứ một việc gì. Phong hồi tưởng : « Lúc học tại Đại-học Văn-khoa Saigon, chàng áp-ủ rất nhiều hoài-bảo... ». Giờ đây, chàng thấy rõ : « Với mảnh bằng Đại-Học, chàng hoàn-toàn bất-lực trước tình-trạng hai mươi mấy năm chiến-tranh của Đất-Nước. Chàng lấy làm xấu-hổ lắm ». Chàng nhìn xung-quanh, lại thấy phần lớn những nhà trí-thức, kể cả những người được may-mắn xuất ngoại du-học, chỉ tự-tạo được một mô-tư-tượng « ích-kỷ, giả-dối, thụ-hưởng », không làm nên trò-trống gì, ngoại trừ việc chưng-bày bằng-cấp chạy theo nhóm này đảng nọ, hoặc có bản-lãnh hơn, ngay tạo ra phe này phái kia đề lấy đa số làm bàn-đạp ; họ không ngần-ngại lợi-dụng cả tôn-giáo, buôn Đức Phật, bán Jésus... Chừng được địa-vị, họ không dám có sáng-kiến, không dám làm gì cho sự hưng-thạnh của xứ-sở, họ chỉ là những tên thơ-lại tầm-thường, miễn sao ngồi lâu được bao nhiêu hay bấy nhiêu trên ngôi cao. Phong buồn, buồn lắm cho mình và cho cả hạng trí-thức miền Nam. Chàng mở magnetophone, nghe vài bản nhạc đề điều-chế tâm thần. Ngay lúc đó thì Phán, bạn của

chàng, một « người thành-công của thời-đại » đang làm chủ hai hãng nhập-cảng loại 15 triệu đồng, bước vô cười mỉa : « Ê nhà chuyên-viên nhờ sọ thanh-niên ! Đêm nay, tao đến dất mây đi chơi đề mở mắt cho mây ». Phong nhìn Phán một giây, trả miếng bằng một cái cười gằn : « Tao theo đảng học-tập với mây ». Cùng đi với Phán, lẳng-lặng nãy giờ, Tấn, một bác-sĩ trẻ tuổi, cũng thuộc hạng có nhiều tiền lắm, nói một cách đằm-thắm : « Có làm việc cũng phải biết « xả hơi », có hồi nghỉ-ngơi ». Phong xếp sách lại, ra đi cùng Phán và Tấn.

Chiếc xe du-lịch của Phán, loại D.S. Citroen hiện trị giá khoảng một triệu bảy, chạy nhằm hướng Chợ-lớn. Phán nói với Phong, giọng thân-mật và thành-thật : « Ê Phong ! Khi nào mây cần diện bánh dặng đi gặp mấy « ông lớn », mây cứ lấy xe này đi, cứ tự-nhiên coi như của mây, dùng bất cứ lúc nào cũng được. » Phong lấy làm cảm-kích. Hồi lâu, Phong nói với Phán : « Thiệt thà mà nói, có người bạn như mây cũng hiếm lắm, nhưng mượn xe người khác đề trang-sức, liệu có ích gì ! » Mọi người yên lặng ; chiếc xe chạy đều.

Phán ngừng xe tại nhà hàng Fuji. Cả ba bước vào. Mấy anh bồi đều biết mặt Phán, chào hỏi ân-cần, lẳng-xăng. Tấn và Phán kêu mỗi người một ly Martel soda, còn Phong gọi một chai xá-xi. Phán lại kêu đồ nhấm, một đĩa khô mực nướng, một đĩa « bạc của » chiên bơ. Tấn nhắc Phán bảo người sếp chiêu-đãi-viên gọi cô Loan nào đó, nhân-ngãi của hai chàng. Người sếp chiêu-đãi cho biết là Loan đã đi « với bạn ».

Lúc Phán trả tiền, Phong thấy số bạc lên tới những 420\$. Phán cho luôn tờ 500.

Người sếp bồi tiễn chơn bọn Phán, vô cùng lễ-phép.

Phán đề-nghị « du ngoạn » một vòng sờ-nách-ba. Phong vầy-nầy, không ưng. Phán cười xòa : « Phong ơi ! Một là mây đội lốt đạo-đức giả, hai là mây hủ-lậu. Mây tưởng sờ-nách-ba là một chốn ghê-gớm lắm chớ gì, thiệt ra chỉ là quán rượu. Nói đến các trò « lạ mắt », thì đâu mà không có, lựa gì sờ-nách-ba. Mây tưởng bọn nhà giáo mây đờng-hoàng, ngon-lành lắm phải

không. Đề tao kể cho mày nghe vài mẩu-chuyện... ». Phong đưa tay lên khoác khoác như bảo đừng nói nữa.

Phán, Tấn và Phong lại lên xe. Lần này chiếc xe quày về hướng Saigon. Đến đường Tự-Do, Phán kiểm chỗ đậu xe, rồi đưa hai người bạn vào một sò-nách-ba. Lần thứ nhất, Phong đặt chân vào chốn này. Căn phòng tối mờ-mờ. Đông người lắm. Mấy cô chiêu-đãi và bọn binh-sĩ Đồng-minh giao đầu nhau thì thầm như những bóng ma-quái. Phong định thần nhìn kỹ : « Các binh-sĩ Đồng-minh là những tay điêu-khắc nắn giỏi, còn cơ-thể của các chiêu-đãi-viên là những mô-hình mềm-mại tiếp nhận mọi sự nhào-nặn tận tâm ». Phán kéo Phong và Tấn tới ngồi trên trường-kỷ đặt dọc theo tường với những chiếc bàn nhỏ thấp xinh-xinh, đối diện với cái tủ bán rượu và thầu tiền. Phán hỏi Phong và Tấn uống gì, rồi lại gọi ba hộp la-ve Phi-luật-tân. Phán nói với Phong đoạn sử oai-hùng của Tấn đã o được cô chủ và có lần khiến hai vợ chồng cô chủ đấu-chương nhau, làm cho chại và ly bay tứ tung. Tấn cười mỉm đặc chí. Phán lại kể tiếp chuyện ông chủ sò-nách-ba này trước kia là một người « không biết mèo mỡ là gì », nay sống giữa bầy chiêu-đãi-viên mỹ-miệu, đâm ra « hảo ngọt » có tiếng, cô vợ trẻ đánh ghen không-ngừng như cơm bữa.

Trong giờ này, bầu không-khí sò-nách-ba mang nặng khối thuốc và hơi rượu, rất hỗn-tạp. Phong nhận thấy những khách khác có lẽ đã quen với các mùi vị này, không còn cảm thấy khó-chịu nữa. Chàng tưởng sắp ngộp thở. Phán lại bàn với Tấn kêu chiêu-đãi-viên để đùa-cợt. Hai người đồng ý, rồi biểu một anh bồi đi kêu. Nhưng chờ kham 15 phút, không thấy « nường » nào lại. Phán lại thúc tên bồi khi nãy, trách sao không kêu gắp chiêu-đãi-viên. Tên bồi lễ-phép thưa có mời mà không cô nào chú-ý. Phán cười và dặn tên bồi kêu lần nữa và phải xưng danh-tánh chàng và Tấn, thì bọn gái tới ngay. Phán quay qua nói với Phong : « Bọn chiêu-đãi coi thường khách Việt lắm, vì bọn này « kẹo » hơn người lính Mỹ, ngoại trừ một vài người Việt dám tung tiền như Mỹ ». Thật vậy, hai chiêu-đãi-viên trẻ đẹp tới. Phán chỉ tay bảo một cô ngồi cạnh Phong. Phong sủa tay

lia-lịa. Sau cùng, một cô ngồi cạnh Phán, một cô ngồi bên Tấn. Phán và Tấn cũng là hai tay thợ nắn giỏi, bàn tay ngón tay hoạt-động không biết mệt. Hai chiêu-đãi-viên để cho hai chàng làm gì mặc tình. Miệng thì nói bô-bô, điều gì không ra điều gì. Phong không nhìn đồng-hồ, đoán chừng thời-gian trôi qua khoảng độ hai mươi phút, có nhiều lắm là nửa tiếng. Phán và Tấn lấy tiền ra, xia cho mỗi cô chiêu-đãi hầu chuyện với mình một ngàn đồng. Phán bảo một trong hai cô có thẻ rời bàn để sẵn-dón người khách khác, giữ lại một cô và giới-thiệu với Phong : « Anh Phong ! Tôi xin giới-thiệu cô Nhung, người đồng-nghiệp tương-lai của anh. Cô Nhung là sinh-viên trong... một phân-khoa đại-học, đã có ba chứng-chỉ, sắp ra cử-nhân giáo-khoa ». Phán cũng giới-thiệu Phong với Nhung, cho Nhung biết Phong là một giáo-sư trung-học đệ nhị cấp. Nhung và Phong trao-đổi nhau một vài câu xã-giao. Phong đi thẳng vào vấn-đề : « Chị Nhung, chị cho phép tôi gọi chị như vậy, và chị tha lỗi cho tánh tò-mò của tôi. Chị mà cũng làm chiêu-đãi-viên sao ? » Nhung hơi nhếch mép để lộ một nụ cười nhỏ và cạn, không nói gì hết, giữ một vẻ trầm-tĩnh làm Phong hơi khó chịu. Chàng yên-lặng. Thời-gian trôi qua nhẹ-nhàng.

Bỗng Nhung phát ra nhiều tiếng cười khàn, rồi nói :

— Tôi thương-hại anh lắm, anh Phong ơi. Mấy anh sống chật-vật trong vật-chất và tinh-thần, lại không dám nhìn vào thực-tế phũ-phàng, luôn luôn tự dối mình và bịp người khác. Mấy anh tô lên cuộc sống nghèo-nàn, thiếu-thốn, hèn-mạt của mấy anh một lớp sơn trong-sạch, cao-quý và đạo-đức.

Anh Phong ! Tôi đã từng làm giáo-sư dạy giờ, đã nếm qua nếp sống của các anh, chán-chê cái cảnh dầy dầy bất-công trong giáo-giới trung-học. Giáo-sư dạy giờ, ba bốn tháng mới lãnh lương một lần, phải sống bằng vay, sống bằng mượn, chịu tiền lời nặng. Còn việc bỏ vào ngạch không lấy tiêu-chuẩn khả-năng nghề-nghiệp và tư-cách con người, mà chỉ nhắm vào bè-cánh hoặc tiền bạc. Anh muốn tôi trưng bằng-cớ không : Bao nhiêu người đã dạy giờ lâu năm, có vài chứng-chỉ đại-học, đôi khi có cử-nhân, vẫn không được bỏ làm giáo-sư chánh-thức.

Bao nhiêu người khác nhờ có bè-cánh hoặc biết chạy-chọt, vừa đậu tú-tài toàn-phần, là được bỏ liền làm giáo-sư chánh-thức năm đó... »

Phong ôm đầu cúi mặt. Nhưng bật tiếng. Hồi lâu, nàng đưa tay nung nhẹ dưới cằm của Phong, làm chàng lại ngẩng đầu dậy. Nhưng thông-thả tiếp :

— Giữa các anh, chị giáo-sư chánh-thức với nhau, cũng đầy đủ sự bất-công : Sự thăng-thưởng, sự thuyên-chuyển, sự bổ-nhiệm vào các chức-vụ điều-khiển cũng không lấy tài, đức làm tiêu-chuẩn ; nếu không nói là tất cả, thì phần lớn chỉ dựa vào bè-cánh, chạy-chọt. Nói có sách mách có chứng, anh có cần tôi trưng bằng-cớ không ?

Nhưng không chờ Phong trả lời, ngửa mặt lên trời cười dài. Nàng lại nói càng cay-độc hơn :

— Trời ơi ! Giáo-sư cao-quý. Anh tốt-nghiệp Đại-học Sư-phạm ; chị đỗ bằng cử-nhân.

Anh Phong ! Anh hãy mở to đôi mắt mà nhìn. Một ông chánh-án bên Tư-pháp, một ông trưởng-ty bên Hành-chánh không chắc đã hơn giáo-sư về phương-diện văn-bằng và đức-độ, ở biệt-thự của chánh-phủ và di-chuyển bằng công-xa. Anh Phong ! Anh thử nhìn lại nếp sống từ ông hiệu-trưởng đến giáo-sư, coi đáng thương đến mực nào. Anh còn hỏi tôi « *chị mà cũng làm chiêu-đãi-viên sao* » nữa không ?

Giọng nói của Nhung nghe xa-xôi và lạnh-lãnh như từ đâu vọng lại. Phong thử ngước ra. Tấn và Phán cười mỉm, coi xấu-xa và đáng ghét làm sao ấy !

Nhung vỗ vai Phong, nhích tới ôm lấy đầu Phong và nói :

— Anh Phong ! Tôi đã từng nghe, bằng chính tai tôi, nhiều giáo-sư già-giận khuyên-lơn học-trò của mình chớ có đi nghề giáo-sư. Đi nghề thuốc, trị bệnh, ngành kỹ-thuật, thương-mãi, kỹ-nghệ, bất-cứ ngành nào, nghề nào, miễn là tránh nghề làm giáo-sư.

Nhưng im-lặng, buông đầu của Phong ra. Bấy giờ, chàng ngo-ngác.

Phán sửa bộ như sắp chen lời. Nhung đưa tay ra dấu ngăn lại, rồi nói :

— Anh Phong ! Anh có biết tôi kiếm đều đều mỗi tháng bao nhiêu không ? Thưa anh : Khoảng từ 150.000đ. tới 200.000đ. mỗi tháng. Ở đó mà làm giáo-sư trung-học đệ nhị cấp với bao nhiêu sự chèn-ép, bất-công, túi-nhục. Mời anh lại nhà tôi nhìn qua một lần cho biết nếp sống của tôi, có đủ tiện-nghi, nào máy télévision, tủ-lạnh, máy điều-hòa không-khí... Tôi xin anh đừng chê cười tánh khoe-khoang của tôi. Tôi không có ý đó, tôi chỉ muốn hé cho anh thấy một chơn-trời mới mà thôi. Giờ đây trở lại chuyện làm giáo-sư : Tôi đã có ba chứng-chỉ, còn thiếu một là đủ cử-nhân, chắc anh cũng phải thấy rằng lấy cấp-bằng cử-nhân đối với tôi không phải là chuyện khó. Trước sau gì, tôi nhứt-định phải đỗ cử-nhân. Nhưng đỗ cử-nhân rồi, sau đó thì sao nữa ? Mỗi lần nghĩ đến cách bỏ giáo-sư vào ngạch, cách thăng-thưởng giáo-sư, cách thuyên-chuyển giáo-sư, cách chỉ định người giữ chức-vụ điều-khiển với bao nhiêu tánh-cách đảng-trị, bè-phái, bao nhiêu thiên-vị, bao nhiêu chuyện chạy-chọt ; còn tại vài trường hiện nay, chắc anh cũng đã thấy bao nhiêu giáo-sư lên mặt hoạt-động nhứt trường, tổ-chức đại nhạc-hội này đến đại nhạc-hội khác và lợi-dụng học-sinh, *đáng lý ra thiên-chức của mình là dìu-dắt giáo-dục*, để làm công-cụ hậu-thuần cho mình. Bọn giáo-sư « băng rừng » này có nghĩ tới kỷ-luật học-đường, sự học-vấn của học-sinh không ? Nghĩ tới một cách « thực-sự tiến-bộ » và với tinh-thần « thực-sự lo cho quyền-lợi của học-sinh ». Mỗi lần nghĩ tới những điều vừa kể, tôi phát « rét lên », tôi phát « rùng mình ». Một điều mà tôi cần nói, một điều mà tôi cần nêu lên : « Hiện nay, trong tình-trạng này, thử hỏi có bao nhiêu giáo-sư giữ được lương-tâm chức-nghiệp, duy-trì được thiện-chí nữa. Không biết chánh-phủ có thấy được, có quan-tâm tới hậu-quả tai-hại của những sự lục-đục, bất-ôn tại một số trường trung-học đối với cả thể-hệ học-sinh như thế nào chẳng ? Không biết Chánh-phủ có lo liệu sớm « bình-định » lại các trường trung-học đó chẳng ?

Phần tôi, tôi thà phá giới, đi làm chiêu-đãi-viên. Tôi vừa kiếm được nhiều tiền và tôi chỉ tự làm hại cuộc đời của một mình tôi mà thôi. Tôi tránh được những điều uất-ức bất-công đầy dẫy trong thế-giới trung-học ngày nay. Tôi không muốn gian-dối với đời, như là tôi không muốn tham-dự vào các việc làm hại thanh-niên thiếu-nữ học-sinh vì tư-lợi của một cá-nhơn mình và của một nhóm nhỏ cùng phe. Anh Phong! Còn điều này nữa: Giữa giáo-sư với nhau, điều-kiện văn-bằng tương-đương nhau, người tốt-nghiệp Đại-học Sư-phạm, người có bằng cử-nhân Văn-Chương hay cử-nhân Khoa-học; vậy mà cũng còn có một số giáo-sư khi được làm hiệu-trưởng một cách bất-chánh, lại sai bè-lũ của mình buộc những giáo-sư khác phải ký kiến-nghị ủng-hộ mình. Anh nghĩ coi: Những người ký kiến-nghị ủng-hộ đều lấy làm ảm-ức, thấy mình bị hạ nhục. Những vị không ký cũng mất vui.

Không hiểu tại sao hiện nay Chánh-phủ còn dung-dưỡng những hành-động bất-chánh và tạo mầm rối-loạn đó? Tôi ghê-tởm lắm.

Nhung gục đầu xuống, thồn-thức. Phong thấy lòng buồn nôn, đưa tay nâng cằm Nhung lên, nhưng không nói ra lời. Nhung lấy khăn chặm lên mắt, lại tiếp giọng run-run:

— Anh Phong! Anh kêu Phán giới-thiệu với Thân. Anh này đã đỗ cử-nhân giáo-khoa Khoa-Học, không chịu xin đi làm giáo-sư. Còn trẻ tuổi, anh thi trở lại vào học tại Đại-học Sư-phạm để trốn quân-dịch, rồi anh ta mở sò-nách-ba; hiện nay anh ta rất nản lòng đối với ngành giáo-sư.

Đến đây có một người Mỹ đi tới xin lỗi bọn Phán rồi lỗi Nhung đi. Câu chuyện bị chãm-dứt ngang.

Chừng ra về, Phong có cảm-giác như đất động dưới chơn và sấm nổ trên đầu. Chàng lăm-bẫm như hóa-điên:

— Nhung đang làm đi hay ta đây đang làm « đi ».

Phong bưng mặt khóc nức-nở giữa sự ngạc-nhiên của Phán và Tấn.

AN CU

(Viết ngẫu hứng hai Tết Đinh-Mùi, 10-2-1967)

bóng-dáng thời-gian

XUÂN HẬU CẢM

Văn-minh... nho-nhỏ

● Tuần-lý HUỖNH KHẮC-DỤNG

Cũng như mười mấy năm qua, năm Đinh-Mùi đến, nhà tôi không ăn Tết. Gần Tết, không mua sắm chi hết, khuya hăm-chín, thiên-hạ đốt pháo vang trời, mình tưởng-tượng như họ đốt giùm mình, cũng xong. Nhà có con nhỏ ở, nó về quê, nên cửa trong cổng ngoài đều đóng chặt, không đợi khách mà cũng chẳng muốn đi thăm ai. Muốn trốn khách ba ngày xuân, tôi đã rao trước: « Năm nay về Mỹ-Tho, mừng ba mới lên ». Yên trí rằng như vậy tránh được cái tục « xông đất ».

Vậy mà sáng mừng một, chưa 8 giờ, bỗng nghe ai nhận chuông. Thăng cháu nhỏ chạy ra cổng rồi chạy vào hồn-hẽn nói: « Có khách, có khách! ». Tuần-Lý vội-vã thay quần-áo, chỉnh-tề bước ra... Mèn dết ơi! Thăng bạn Khả-Dĩ! Nó nghiêm-nghị trong chiếc áo dài the đen lưng-thùng, đầu đội nón phớt đạo-mạo và tề như là bộ râu ba sợi le-the, coi thiệt là dị-hợm! Nó ề-ạch dẫn chiếc xe gắn máy mới tinh vô đề dựa tường, rồi cười hì hì, chìa tay cho tôi bắt:

— Năm mới, chúc anh dồi-dào sức khỏe, mát-mẻ, sạch-sẽ và chị ngưng đẻ...

Miệng thì cười nhưng lòng tôi không mấy vui. Vì nhè đầu năm mà gặp cái trụ này thì xui không biết sao mà nói!

Đưa bạn vô phòng khách mời ngồi xong-xuôi, tôi đi pha trà và mở gói thuốc Bít-tót mời bạn. Nó tía-lia:

— Bờ ơi, làm gì mừng một Tết mà coi bèo-nhèo dữ vậy? Vui lên đi, mình đi coi hát bóng, bóí đầu năm. Năm nay là năm Bà-con mà! Phải tiếp xuân cho đúng mức chứ?

— Mỏa không Tết-nhứt gì hết, Khả Dĩ ạ. Chỉ có nời thịt kho, vài đờn bánh tét và mớ dưa giá. Trưa nay ở ăn cơm với mỏa đi? Trời ơi, giá gì mà 70đ một kí, quít đường 800đ., bông 1.200 đồng một chục? Mua không nời. Thôi, để cho người giàu mới dùng. Chỉ có họ mới dám phung-phí vì đồng tiền họ dễ kiếm hơn mình, công-chức quèn, ăn lương chết đói.

— Mây là công-chức cao-cấp kiêm thi-sĩ thi-siéc, mà còn rên; như mỏa đây, lở lính lở làng, không đồ nho cũng chả đồ tây, làm ngày nào gặm ngày nấy, mà mỏa còn không rên thay. Mây nhà cao cửa rộng mà lúc nào cái mặt cũng chù-ụ, như muốn trù-ẻo ai vậy! Tết năm nay nghe đờn nhà-nước sẽ không trừ tiền vay Tết, ai không vay trước, cũng được lấp-bên lấp-biểu, tại các cha chán đời, ngày tối cứ rên hoài, chớ nhà-nước Cách-mạng ưu-đãi các cha đến tột độ kia mà? Nói theo mấy ông cụ Bắc, biết hông? À, Tuần-lý ơi, hồi hôm, cạnh nhà mỏa, có bà kia, lên ban-công trên lầu cúng giao-thừa. Đứa con trai năm tuổi ngồi chơi, coi đốt pháo. Thành-linh một viên đạn ở đâu không biết, rơi trúng đầu nó, ngã lẩn! Chớ vô Đờn-Đất mồ gắp, tội nghiệp, đứa bé chịu không thấu, đi luôn! Khốn-nạn thật! Tội-nghiệp hai ông bà quá! Con nuôi cho tới bây lớn, gắp phải một tai-nạn vô-lý như vậy...

— Tội-nghiệp! Hình như với cái cách nghinh xuân « văn-minh » ấy, đã có cả trăm người chết hoặc bị thương rồi. Hồi các nhà thương mới biết rõ con số nạn-nhơn chớ vào cứu-cấp. Lúc đầu thấy xẹt lửa trên không, mỏa tưởng là pháo bông, chừng biết là họ bắn súng thay cho pháo, trong bụng mỏa sợ cho thường-dân, mà không khỏi. Khổ cho dân lương-thiện, nhứt là khi kẻ vô-tâm kia là người vô trách-nhiệm. Họ chơi với súng đạn cũng như con-nít chơi pháo. Chắc thượng-cấp của họ cho phép giỡn như vậy hay sao chớ, đạn đầu mà phung-phí quái-gờ như vậy?

— Ai mà cho phép chơi kỳ vậy mậy? Vậy chớ mậy không thấy đọc theo đường đi Đà-lạt hay đi Hậu-giang, tụi nó đi bắn

chim, bắn cây trụ lô-mết nát hết đó sao? Chơi văn-minh mà! Vậy mí là oai. Việt-cộng nó mí ngán chớ? Có súng để làm gì, tao hỏi mậy? Chưa có cơ hội giết giặc, thì móc ra « le » với đào trong các đờ giải-khát, các rạp hát, rửa con mắt ngon-lành mà đỡ tổn xin. Chừng nào Cu-Xê nó hốt, hăng hay...

— À! Mây nói có lý gẫm: đời văn-minh, ở cái đất nhiều nghìn năm văn-hiến, miệng phải văng tục, tay phải chơi văn-minh, theo lối ấy, chớ ngày văng xương, kệ cho văn-hóa. Trai thế-hệ có khác! Âu cũng là một thứ yên-hùng.

— Ê! Mà tao nghĩ lại, cũng tại ba cái thẳng da trắng làm gương xấu cho dân mình, mậy à. Cái giống gì mà chỉ biết có tiền thôi, ngoài tiền ra không còn trời trăng gì nữa. Không phải quơ đũa cả nắm, nhưng phần đông chúng nó sống vật-chất, đạo-lý không chỗ đứng, thiệt là « dân-chủ » theo lối cà-răng căng tai. Tao càng thấy chúng nó và lũ đầy-tớ, sao trong bụng tao nó rờn-rột rờn-rột hoài!

— Khả Dĩ ơi! Mây biết nói vậy, sao mắc-mớ gì mà mậy đề râu??? Râu người ta là râu hùm, râu mậy le-the như râu Lý-Toét tao coi không được, về trưa nay cạo mẹ nó đi cho rồi!

— Bậy bạ, mậy! Tại tao hay nhờ hồi nhỏ, nên không mấy tốt chớ. Quá 50 mà không đề râu như mậy, coi không nghiêm-trang đó nghe? Thằng cháu kêu tao bằng chú, năm nay mới 19 mà đã đề được sáu bảy tháng rồi, tao thấy kỳ quá, nhiech nó, nó cười trừ. Thôi tao đành phọt-phe tụi nhỏ, rán đề bộ râu, tao biết không tốt lành gì, nhưng cũng làm thử coi, năm nay đúng tuổi tao, tướng-tinh là ông Đề, họa may có làm ăn khá hông. Hôm nọ, đi tắc-xi thấy thẳng cha tài-xế có bộ râu khá-cây... Cha con nó thấy người ta làm quan, xúm nhau nhái cho giống, thiệt hết chỗ nói! Đó cũng là một biểu-hiệu văn-minh, hả mậy?

— Người đời kỳ quá... Bên Tây, mấy con đằm có râu, nó râu sều mình, hể rảnh là nhổ là cạo, là xúc thuốc, mà tụi râu nó cứ chọc tức, nó mọc hoài. Bên này tụi mình lại vái cho nó mọc, nó lại thờ-ơ. Có đứa le-the ba sợi, như mậy.

Bạn tôi đưa hai ngón tay lên mân-mê mấy sợi râu... dề, vàng ngoách, rồi nói :

— Mới đề nó khó chịu quá : bắt vuốt hoài. Thăng cháu tao nó đứng xa xa dòm rồi che miệng cười. Thấy tao ngó, nó đi tránh chỗ khác. Tiên-tồ nó ! Nó đề thì không sao ; chú nó mới bắt-chước coi bộ như nó muốn kiêu-ngạo chớ ! Đờ Trời đánh thánh đấm ở đâu ! Học thì làm biếng một cây, rầy hoài như không ! Sử không thuộc, địa cũng mù-mờ, anh-văn, pháp-văn, toàn là tiếng bời. Tối ngày cứ chạy cà-cồng, đi chơi rong, tới giờ về ăn cơm, rồi đi ngủ. Tao nuôi ăn, cha nó đóng tiền trường, may quần-áo, đề nó đi chơi. Cuối năm trượt vô chuỗi rồi đón giám-khảo mà đập ! À, Lý ơi, tao mượn chiếc Suzuki của nó đó. Hôm nay đi được mấy lần, coi bộ tiện ghê, bõ. Đường lúc này kẹt xe quá. Đờ dân-chủ, tắc-xi không kéo đờng-hồ, cứ mỗi cuốc đập năm, sáu chục, một trăm, đi hồng đi... thôi ! Có khi tao phải cuốc bộ từ trường về nhà 3 cây số, gần tiếng rưỡi. Đường chật, xe nhiều, sợ xe nhà binh nó nhai, uổng mạng. Hôm thăng cháu tập tao lái đến nay, tao khoái chí tử, khỏi nô-lệ ba cái thằng tắc-xi và xích-lô mắc toi, làm eo mình. Hồng chừng Tết sang năm tao còm-măng một chiếc xe thứ này, đi sướng hơn xe hơi a mầy. Lái cũng không khó lắm.

— Thôi đi, ông, coi chừng có ngày sếu hàm hạ đa ! Mầy không thấy ông bác-sĩ gì đó, hôm trước cũng đi thứ xe này, bị cam-nhông cán nát đầu đó, không ghê sao ? Già rồi, đừng mỗi cái mỗi bắt chước bậy !

Khả-Dĩ vuốt râu, hớp ngụm trà, nói :

— Ấy ! Xi-gòn này, ai cũng đi xe gắn máy, dễ lạn qua lạn lại, chớ còn xe hơi, nhứt là thứ xe thùng của mầy đó, đi chật đường nhà nước, lại hao nhớt hao xăng. Xe Suzuki, Honda, là biểu-hiệu văn-minh, mầy biết hông ? Cũng như máy truyền-hình vậy.

— Văng xương chớ văn-minh ! Còn gì nữa, nói coi Khả-Dĩ ?

— Quần túm ống, tóc Bít-Tờn, áo dài không cở, sơ-huỳnh-gôm. Mấy thứ đó, trong nhà tao không theo. Chỉ có thằng mắc-dịch nhỏ cháu tao, nó đề tóc dài như con gái, đi tiệm uốn tóc, sấy

tóc, nhuộm tóc vàng, đánh móng tay nữa, bõ ơi ! Dị quá ! Vậy mà Ba nó chưởi, nó nói : « Đờ văn-minh mà Ba ! » Còn cái quần, mỗi lần bạn phải nín hơi, thót bụng, nhờ một đứa bạn kéo nhằng-nhằng mới bạn được. Vừa gài nút, vừa thở như heo. Ngồi chòm hòm đâu có được ! Lại còn có cái mốt chà dưới đất cho dờ rồi mới bạn. Những cái dị như vậy, tao không ưa, tao chỉ khoái cái gì tiện-lợi, như xe Suzuki mà thôi : — Vớ lại bộ râu. Mà tao già rồi, dề là phải. Như mầy, mầy râu nhẵn-nhụi, áo-quần bảnh-bao, họ nói là già dề. Tao cũng không hùa xuống đường, lên đường gì hết. Chỉ dạy học lương-thiện kiếm cơm thôi. Nói chuyện với chỗ bạn thân, mới mầy tao mi tớ, chớ đối với người lạ, tao giữ-gìn từng câu từng lời. Không phải như thằng Thích gì đó ? nó xúi người ta đi biểu-tình chống chánh-phủ, dám đem bàn thờ ra đường, coi Trời Phật như không. Khi nó hỏi « Đờng ý không ? », dám đờng hô : « Đờng ý » nó liền la trong micro : « Đờng-bào chịu chơi rồi đó ! ». Ít ngày, sau, định đi tán dóc nữa, kể bị ắc-xi-đăng, tét đít, hết ham chơi !

— Hèn chi Nhị-Cuồng viết : « bọn thích thịt quay » cũng phải !

— Tao muốn mời mầy một chầu xi-nê, nhưng tao e gặp nhiều biểu-hiệu văn-minh khác, mầy buồn thêm. Trong rạp, thường gặp thanh-niên hút-thuốc, khạc nhổ, gác chun lên lưng ghế người khác, rung lia rung lịa như khi mắc phong. Miệng nhai sơ-huỳnh-gôm nhóc-nhách, nhai đã rồi dấn dưới ghế, bỏ trên tóc mầy cô gái, đứa nào nhờn-từ thì phun đờng gạch cho nó dín cứng chơi. Còn ếch bắt-cặp thì họ quan-sát nhau một cách rất là... văn-minh đủ miền thượng-hạ. Ngoài đường, hôm nọ, có ông đi xe hơi gặp một thằng nhãi, cở cháu tao, đi xe gắn máy, lạn trước đầu xe ông. Ông ló cở ra, la nó : « Đi gì vậy ? Không sợ chết à ? ». Nó nghinh đờng, và đáp gọn hơ : « Đi vậy đó ! Có sao không ? ». Ông kia nhảy xuống đờng cho nó một thoi vô ngực, cả người lẫn xe đã rù nhau nằm xuống một lượt. Lính lại, ông kia trình giấy tờ, lính xúc yên-hùng non về bót. Té ra nó gặp thứ quạu mà không dề. Trưa đó, mặc sức tía nó chờ cơm ! Một lần nữa, đường Võ-Tánh, lúc 9 giờ đêm, hai thằng ranh con, mặt bắt-lương, đi xe gắn máy, kè-kè theo một thiếu-nữ 17, 18, đi xe Vélosorex, ép cở vô lẽ, rồi

chận đường hỏi: « Khuya rồi, cơm nước hồng lo, lo đi chơi hả? mượn Soléc tí được hông mình? ». Cô vừa ngừng xe, vừa đáp, tỉnh khô :

— Dạ, được. Xin hai anh cứ tự-tiện. Em về bộ cũng được. Nhà cũng gần đây.

Mừng hóm, Một trong hai vị yên-hùng bước lại chiếc Solex, vừa giỡm chạy thì, nhanh như cắt, cô nọ nhảy tới, khóa cò tay nó, kê lưng xuống, vụt một cái ra phía sau, thẳng ăn-cướp nhào lặn hai vòng như chiếc gối dài, không cựa-quậy. Thẳng thứ nhì buông xe, rút dao bấm nhảy lại định đâm cô gái. Tức thì, nghe « hự » một tiếng, con dao nằm gọn trong tay cô gái, còn đấng yên-hùng thì ôm dạ-dày, thân-hình gãy cúp làm đôi. Lính nghe la « ăn cướp », chạy lại chở hai cậu về bót, cho muối xơi một đêm, ngày sau giải tòa. Quân ăn-cướp cạn, chắc-chắn là đồng-đôi quân-tử Đồng-Xuân vô đây tiếp-tục cái thói xấu ấy, bêu xấu cho dân lương-thiện. Bọn đó cần con roi mây hơn là Trại Giáo-hóa, là nơi chúng càng bị lây thêm vi-trùng. Chỉ có cách nặng tay đòn, nó mới chừa cái mỹ-tục của bọn « mở cửa đồ thùng nhé? » và « O.K. Salem! » vì chúng là thứ nhẩn rận cần chí thuở nào. Cũng là nạn-nhơn của xã-hội vô tở-chức. Nhà lâu, xe đẹp, bộ cánh sang, chỉ là lớp diêm tô bên ngoài thôi.

Nói tóm lại, biểu-hiệu văn-minh của thời-đại này là hàm râu, đẹp có, xấu có, cây súng vô tình, con dao mua lén, chiếc xe gắn máy, bộ tóc Bít-Tờn, cái quần chẹt ống, bộ ngực cao-su, sơ-huynh-gôm, và còn nữa...

Nhưng, xin thưa mau: « Đó chỉ là những mảnh vụn-vật của cái văn-minh nho-nhỏ mà thôi! »

Tuần-Lý HUỖNH KHẮC-DỤNG

Mùng 4 Tết Đinh Mùi



TAO-ĐÀN

Lòng trong lòng khói lửa

Đêm Bệnh-Viện

● của TRẦN VĂN LINH

Vào bệnh-viện đến nay bao ngày tháng?
Ba tháng sao dằng-dẳng quá ba năm?
Đêm hôm nay ngoài phố cảnh trắng rằm,
Cửa đã khép phòng tôi sao lạnh quá,
Trông con tim như sắp đông thành giá!
Đờng-hồ bên, giờ rơi rụng qua giờ
Đèn ẻo-lả, lò-mò run theo gió,
Bóng chập-chờn, trên tường vàng nháy nhót
Tiếng chắt lưỡi thần-lẫn, nghe não-nuột.
Đêm càng thâu, càng gieo rắc cô-đơn,
Một bệnh-nhân ho rũ-rượi từng cơn
Cuối dãy trại ai trở mình rên siết
Chiếc giường sắt cũng họa theo ken-két
Tiếng khua ly vang dậy cả đêm trường
Nơi dãy nhà quần-quai dưới đau-thương.
Tôi cố-gắng nhưng không sao ngủ được;
Ngoài sân vắng bóng trăng dài lướt-thướt...
Cây u buồn lấp-lánh giọt sương đêm
Lá vàng rơi xào-xạc dưới chân thêm.



Tôi nằm mơ cuộc đời người khô-mạnh
Đang thướt trắng trước chung trà đĩa bánh.
Vào giờ này thành phố đã lên đèn

Nơi trà đình, bao kẻ choáng hơi men ;
Trong điệu nhạc, ở bên tà áo mỏng,
Họ chỉ biết cái vui trong kiếp sống !
Lòng nao-nao tôi nhớ cảnh quê-hương
Nhớ làng xưa đang tràn ngập trắng sương
Nhớ nhà cũ bờ sông xanh mong đợi
Nhớ những cây cao, tàn dày bóng tối
Nơi có lần tôi hẹn ước cùng ai.



Tôi van-lơn : Hỡi những người mạnh-khỏe !
Trong cuộc vui, nhớ rằng trên nhân-thế,
Có những người đang lê nặng cuộc đời
Không mong gì, hết xây mộng ngày mai...
Nghĩ đến họ dù chỉ trong khoảnh khắc
Niềm thương-xót theo gió đêm hiu-hắt.
Đến nơi này sưỡi ấm những hồn đau.

Trồng Cây Mùa Chinh-Chiến

Trồng cây này, tôi gọi vào lòng đất
Một nỗi niềm cho thế-hệ mai sau :
Mong ngày qua tàn nẩy nở xanh cao
Bên đường vắng lá cành hòa nhạc gió
Bóng âm-u đầy lời chim gẩn bó
Sẽ mời người lữ-khách mệt dừng chơn
Trên đường dài đầy cát bụi cô-đơn.
Tôi ước mong người lữ-hành nghĩ đến
Kẻ trồng cây giữa ngày mùa chinh-chiến
Khi non-sông mờ-mịt lửa binh-đao
Khi giếng-nồi đang cuồng đại giết nhau
Những giá-trị thiêng-liêng đều đổ vỡ
Một thế-hệ tự bôi danh muôn thuở !
Người ấy nghĩ : « giữa thời kỳ tang-tóc,
Thời tối-tăm của non-sông gấm vóc,

Cũng còn người không tuyệt-vọng tương-lai
Trong đau-thương vẫn nghĩ đến ngày mai
Một ngày mai huy-hoàng của đất-nước...
Đề thể-hiện cho lòng tin bất-diệt,
Trồng cây này cho thế-hệ về sau
Hưởng hoa-trái cùng tàn cây bóng mát
Tàn cỏ thụ là bức thơ không chủ
Thơ tạ lỗi của người không tên tuổi ! »



Tôi tưởng-tượng người lữ-hành thấu hiểu
Lời nhắn này xuất phát từ lòng tôi :
Giữa thế-hệ tôi và thế-hệ người,
Có liên-tục, đó là hồn đất-nước.

Làng Tôi (I)

Cứ mỗi đông sang gió lạnh về
Bâng-khuâng hồi nhớ cảnh làng quê
Bao năm xa-cách vì chinh-chiến
Gợi lại lòng sao cũng nào-nề.



Làng tôi bé nhỏ dọc sông xanh
Uốn khúc cùng sông bám vịnh gành
San-sát nhà tranh soi bóng nước
Bờ dĩa xanh mướt suốt năm quanh.



Tôi nhớ ngày xưa với những chiều
Bên bờ sông vắng gió điều-hiu
Nước lay đám sậy cò run nhẹ
Tắc lòng tràn ngập bởi thương yêu.



Tôi nhớ những đêm ngập ánh vàng
Vầng trăng soi sáng dãy tràng giang
Thuyền câu xuôi mái theo dòng nước
Con đò nằm đợi khách sang ngang.



Có những hoàng-hôn lòng tịch-mịch
Bờ sông tôi lắng tiếng chuông ngân
Lan ra từ đỉnh đồi cô-tịch
Vài hồi phôi sạch nổi băng-khuâng.



Đã biết bao đêm mộng trở về
Sống ngày còn lại dưới trời quê
Canh thâu tỉnh giấc hơi sương lạnh
Đêm buồn bao phủ cả sơn khê.

TRẦN VĂN LINH

GHI CHÚ : (1) Bạn Trần Văn Linh là nhà thơ sanh trưởng tại một vùng khét tiếng miền Nam từ năm 1945 trở về sau : Tân-uyên.

Trại cưa máy HƯNG-ĐẠO

393B, ĐẠI LỘ TRẦN HƯNG-ĐẠO
SAIGON

- Làm môi-giới mùa bán các thứ gỗ Dầu, Sao, Bông-Lăng
- BÁN ĐÒN TAY VÀ VÁN BÀNG LẮNG
- CHUYÊN MÔN ĐÓNG THÙNG ĐỦ CỠ

BÓNG-DÁNG THỜI-GIAN

Cuốn phim k_hói lửa

NHỮNG CHUYẾN ĐI

● Truyện ngắn của NGUYỄN HỮU-TRI

Năm giờ sáng ba Thẻ đã vác bao cà ròn đi cà-nhắc đến bến xe dò. Anh rảo mắt nhìn, rồi bước lại chỗ bàn người bán vé, nói :

— Anh bán tui mua tấm giấy xe.

Gã bán vé đang kiểm-điểm cùi biên-lai dưới ánh đèn neon, ngẩng lên :

— Về đâu ?

— Dia An-Giang.

Gã bán vé cầm cây viết nguyên-tử vẽ ngoằn-ngoè trên lưng chừng mặt bàn.

— Trăm tư.

Ba Thẻ cau mày :

— Ủa, bữa nay nước xuống rồi, đường không ngập sao cũng trăm tư ?

Gã bán vé ngã lưng vào thành ghế rùn vai :

— Nước xuống! Nước xuống mà vỏ, ruột, xương nhót không xuống. Đường xá hư lở, đồ-đạc mau rơ, mau mòn.

Ba Thẻ nài-nỉ :

— Thôi, trăm hai đi, anh.

— Không được. Còn vài chỗ. Kèo nài một lát dây huyệt đôi bây giờ. Xe thơ, khỏi kẹt « bac », đi « đĩa rét » mà.

Một thiếu-nữ đi lại uể-oải cúi mình dài tới, hai cùi chõ chống lên mặt bàn. Gương mặt nàng phờ-phạc sau làn phấn lốm-đốm hoen, cắt mắt lơ-đờ dưới đôi mày cong vút. Gã bán vé cười :

— Mãn giờ rồi hả ? Mệt à ?

Thiếu-nữ nguyệt mắt :

— Quỷ nà !

— À, mình vừa quen với một gã bên Mỹ mới qua, gã có tính-cách hào-hoa phong-nhã. Mình giới-thiệu cho. Mặc tình mà đào... mà bối. Bằng lòng không ? Đền ơn gì ?

Thiếu-nữ cười. Những lọn tóc quăn lăn-lóc trên đôi má.

— Còn phải hỏi. Đền ơn xứng-đáng.

Ba Thề áp-úng

— Trăm... ba đó, anh.

Gã bán vé và thiếu-nữ vẫn chuyện vãn thân-mặt, không cần nghe ba Thề. Bỗng tiếng còi xe vang lên, Anh lơ đang sắp-đặt đồ-dạc trên mui, cất giọng oang oang :

— Mời bà con lên xe, sắp chạy rồi.

Ba Thề lật-đặt móc túi lấy tiền để trên bàn.

— Anh bán cho tui đi. Trăm tư nè.

Gã bán vé viết tháo ít chữ trên tấm vé, rồi xé đưa cho ba Thề. Ba Thề nhận vé, đoạn vác bao cà ròn đi lại cửa xe vừa bước lên, thì anh lơ gọi vọng xuống :

— Bao gì đó tía non ? Đem trong xe không được, chạt-chội lắm. Đưa đây, để trên mui.

— Bao quần áo và đồ lật-vật, để trên mui... sợ rớt mất.

Anh lơ cười nửa miệng :

— Đừng nói chơi cha nội. Có cánh cũng chưa chắc bay được nữa a. Đưa đây.

Ba Thề căn dặn :

— Buộc chắc-chắn giùm anh ghen.

— Ủ, đưa lên.

Ba Thề nhón gót vươn mình đưa bao cà ròn cho anh lơ, rồi đứng ngắm-nghĩa. Những chiếc xe dò, chiếc thì hành-khách chạt-nịch vừa chạy, chiếc thì còn thừa khách hoặc trống trơn. Tiếng hành-khách cãi nhau chõngõng, có người gặp nhau chào hỏi ; tiếng mời mua quà, mua đồ chơi trẻ em của những người xách trên tay đi bán dạo. Ba Thề bước lên xe tìm chỗ ngồi. Mùi khói thuốc, mùi mồ-hôi và hơi người xông ra nồng-nực. Bỗng có tiếng người giục :

— Chạy chớ. Hành-khách đầy-đủ rồi. Chạt như gài mằm. Ngọt chết mẹ mấy đứa nhỏ còn gì.

Anh lơ đáp lại :

— Năm phút nữa.

Rồi có tiếng hần-hộc :

— Cứ nói mười phút, năm phút hoài mà cứ nằm ì một chỗ.

Lát sau từ tiệm cà-phê anh tài-xế mặc quần ống chạt, áo « sơ-mi » sọc bở ngoài, mang dép Nhứt-bồn đi ưỡn ngực lại. Anh mở cửa xe bước lên ngồi, lật tay xem đồng-hồ rồi gọi vọng ra sau :

— Xong chưa mày, Xứ ?

Anh lơ la lớn :

— Rồi. Chạy.

Anh tài đặt tay lên vô-lăng, chân đạp ga, tay vô số con cót. Tiếng máy rền khừ khừ. Hai vệt đèn pha chiếu thẳng tới. Chiếc xe từ từ chuyển bánh bỏ lại sau quang cảnh bến

xe ồn-ào trong sáng tin sương tẻ lạnh. Xe chạy quanh co dưới ánh đèn điện đỏ vàng vọt xuống mặt đường. Một chiếc xích-lô từ ngõ hẻm ló đầu ra giữa lộ. Anh tài nhanh chân đạp phanh. Chiếc xe sựng lại. Tất cả hành-khách đều ngã mình tới, rồi giật lùi. Anh tài quát :

— Muốn tự tử hả ?

Chiếc xe lô qua khỏi. Anh tài lại đạp ga. Chiếc xe gầm gừ như giận-dữ, rồi chồm lên lao mình tới.

Xe ra khỏi thành-phố trời sáng hẳn. Người thì ngã mình vào thành « phô-toi » ngủ, đầu nghiêng qua lắc lại theo đà xe chuyển mình ; kẻ thì chuyện vãn thi-thào với người bên cạnh.

Buổi sáng nắng ngả-nghiêng. Những cột dây thép đứng nghiêng mình phơi trong nắng ấm. Thỉnh-thoảng những chiếc xe chạy ngược chiều qua nhau rút gió ngoeo-ngoeo. Chiếc xe đang đi nhanh bỏ những thừa ruộng hai bên đường lùi vun-vút lại sau lưng, bỗng hạ dần tốc-độ. Anh tài tặc-lưỡi :

— Thôi, chết cha rồi !

Phía trước quãng đường lô-nhò như vồng khoai, dưới rỗng nước bùn lấp-lánh. Chiếc xe đỗ lại, thùng xe rung rung theo nhịp máy nổ nhỏ đều đều như lo sợ. Anh tài thở dài.

— Mời bà con xuống đi bộ giùm chút. Xe qua lầy. Xứ, xuống xem đường, mầy !

Hành-khách đồng xuống xe. Anh lơ cũng nhảy xuống, hẳn chạy đến trước đầu xe đứng đối-diện, tay giơ lên điểm điểm oai-vệ như viên chỉ-huy ra lệnh.

— Tới đi. Bên trái nghen. Ở... ở đó.

Chiếc xe bò lần tới. Đầu chồm lên, rồi cúi xuống, mình nghiêng qua lắc lại lảo-đảo như say rượu. Anh lơ bỏ tay nọ xuống, giơ tay kia lên.

— Ê, nói bên phải một chút. Coi chừng nghen. Ở... ở kia, lấy lại, lấy lại. Rồi, chết tổ !

Bánh xe lột xuống rãnh bùn. Anh tài nổi nóng nhảy xuống đóng cửa cái rầm, rồi hai tay cong cong, rảo bước tròn mắt nhìn bánh xe.

— Đ... mẹ, dẫn đường vậy đó hả mầy, Xứ ?

Anh lơ gãi đầu :

— Thi bảo « xếp » lấy lại mà...

— Lấy con c... Đường vậy mà nói bên phải chi rồi lấy lại.

Anh lơ cất giọng ngao-ngán :

— Xin bà con cô bác vui lòng đẩy tiếp giùm xe qua lầy.

Anh tài-xế bước lên xe. Tất cả hành-khách bu quanh sau xe, đẩy. Anh tài nắm chặt vô-lăng, chân đạp ga. Chiếc xe gầm gừ, gắt-gông. Bánh xe quay tròn rền-rẹt mặt bùn. Tay chân anh tài hoạt-động tới tấp. Hành-khách cố đẩy. Chiếc xe từ từ bò qua khỏi vũng lầy. Anh lơ reo lên, nhẹ nhõm :

— Thoát-nạn rồi! Mời bà con lên.

Hành-khách lại lên xe. Chiếc xe chuyển mình rồi chạy bâng-bặng, thỉnh-thoảng vượt qua những lỗ thủng ổ gà. Những người ngồi những hàng banc sau nhất tề nhảy mình lên đầu kê mui xe, rồi rơi xuống. Ông khách ngồi sau lưng bà Thẻ càu nhàu :

— Ngồi đằng sau vồng thấy tổ, ruột gan lộn bọng, tim phổi muốn đứt, vậy mà nài-nỉ bớt một đồng cũng hồng được.

Bà Thẻ trở mình, nhìn người bạn đồng-hành ngồi bên, hỏi :

— Anh dia đâu ?

— Dia Kiến-Phong.

— Ủa, sao hồng đi xe Kiến-Phong ?

— Tui tới trễ. Xe Kiến-Phong đầy khách chạy trước rồi. Đi xe này đến « bắc » Mỹ-Thuận tui xuống, rồi đi xe chuyên dia nhà. Còn anh dia đâu ?

— Dia An-giang. Mùa nước lụt năm nay miệt Kiến-Phong hư-hại nhiều ít, anh ?

Anh bạn đồng-hành thở dài :

— Mực nước lên cao quá. Nhà cửa cây cối nằm nước, chỉ còn ló nóc, ló đọt. Ngoài đồng thì nước lằng như biển. Có vài người đau chết, phải cò chì hòm, rồi đóng tréo đề ngoài vườn xa nhà, chờ nước hạ sẽ chôn. Mùa-màng rầy-bái thiệt-hại lối 70%. Nhà cửa hư sập cũng bộn. Nghèo quá, tui lên Saigon vào sở Mỹ làm mượn kiếm tiền, nhưng chẳng dặng bao nhiêu. Một bầy con như ở kiến !

Như thác nước lâu ngày ứ đọng được dịp khơi nguồn tuôn chảy, anh bạn đồng-hành tiếp lời, giọng chán-nản :

— Khổ ! Hết mùa nước rồi đến mùa khô, ban đêm thì bên trong ra bảo đắp mò, ban ngày thì bên ngoài bảo ban mò. Trên thớt dưới thớt, trái chuối ở giữa chảy hết nước, xẹp lép !

Giọng ba Thề buồn buồn, thông-cảm :

— Nước chảy đâu đâu cũng tới. Tỉnh An-giang thì an-ninh hơn các nơi khác, nhưng mà nước lụt cũng thiệt-hại to. Tui làm ba chục công ruộng mà một được có mười mấy gạ, hồng đủ lúa giống, đâu nói tới lúa ăn.

Ba Thề xòe hai bàn tay, tiếp lời :

— Túng quá, tui lên Saigon gành hồ mượn, ngày trăm mấy, mà cơm nước gần một trăm, ý là hà-tiện đó a. Đồ ăn mất thẩu mây xanh. Xi-măng ăn tay nứt-nẻ hết. Vậy mà hòm tui đi chợ Bến-thành mua đồ lại bị điếm móc túi hết năm trăm.

Ông khách ngồi sau lưng ba Thề cất tiếng chen vào :

— Thời loạn-lạc nó khổ vậy đó đa. Chiến-tranh gì mà hồng chịu thôi. Miệt hai anh còn đỡ nhiều, khổ bao nhiêu

đâu. Vùng tui ở kia, tiếng bom đạn tới ngày nghe nhưc óc. Hai bên thường đụng nhau nhiều trận kinh-khủng. Chết quá ! người ta sợ tản-cư muốn hết. Vợ con tui chết, tui cũng bỏ xứ đi lang-thang.

Cả ba đồng lặng thinh, sự lặng-lẽ xâm-nhập một cách đột-ngột. Trên gương mặt mỗi người lộ vẻ suy-tư như mặc-niệm nỗi đau-khổ và chết-chóc của những người đã hứng chịu. Chiếc xe vẫn giữ tốc-độ đều đều. Gió tạt vào mon-trón tóc, mặt, mũi mọi người, gây cảm-giác êm-dềm. Một nỗi buồn dềnh lên bao vây tâm-hồn ba Thề. Mùa nước lụt năm 1961, thất mùa, anh gởi thẳng Quý, đưa con hai tuổi của anh vừa thôi bú cho nội nó, rồi vợ chồng anh xuống chiếc ghe-cui đi mua bán. Anh mua ba khứa miệt Rạch-giá rồi chèo về bán các chợ miền Hậu-giang. Sự mua bán như thế, cuộc sống có phần tương-đối dễ chịu. Một buổi chiều anh đậu ghe lại bờ kinh ăn cơm. Chiều dịu nắng, gió mát. Vợ chồng ăn bữa cơm ngon miệng. Ba Thề tính với vợ chuyển sau chỗ thuốc bánh vô bán rồi sẽ chở ba khứa, có hàng đi hàng dia, một công hai việc lợi hơn. Chị Thề ngưng đũa nói vậy hồng được mình, chỗ thuốc bánh phải có thuế-vụ, mà thuế cao thì bán hồng lời, còn lậu lậu thì khó quá. Chị rướm nước mắt tiếp lời tui tính chuyển này dia ghé thăm nhà. Tui nhớ con quá ! Đêm hòm tui nằm chiêm bao thấy ôm con cho lú, giạt mình thức dậy con đâu không thấy mà hai vú sữa căng-thẳng. Vì nghèo phải bóp bụng đi lo làm ăn, chớ ai nỡ xa con lúc nó còn nhỏ. Rồi sẵn đó mình chở chuối, miệt Rạch chắc bán khá. Ba Thề cảm-động nói mình tính vậy cũng được. Bỗng có tiếng sùng nổ. Chị Thề đón-dắt giọng lo sợ hỏi sùng gì bắn đó mình ? Ba Thề bình-tĩnh trả lời chắc lính dân-vệ bắn chim. Rồi tiếng sùng mây nổ lên từng loạt, từng loạt như pháo tét ; tiếp theo tiếng « một-chè » nổ ầm ầm ; tiếng người la rền-rỉ : tiến lên, tiến lên. Hoảng-hốt vợ chồng anh bỏ đũa sửa-soạn nhỏ sào chèo đi nơi khác. Bỗng một trái « một-chè »

rớt ngay chiếc ghe. Một tiếng nổ long trời. Ba Thề ngất lịm.

Ba Thề tỉnh lại thấy mình nằm trên chiếc giường sắt trong bệnh-viện. Chân anh băng vải trắng, toàn thân đau nhức. Người y-tá đang đặt thủy lấ nhiệt-độ anh. Anh cố hình-dung cảnh hãi-hùng đã xảy ra. Anh hỏi vợ anh đâu? Người y-tá nói vợ anh nằm trại nữ, và bác anh nghỉ khỏe đừng hỏi nữa. Quá mệt nhọc, anh lại thiếp đi. Tỉnh-thoảng anh tỉnh lại hỏi vợ anh đâu. Người ta cũng lặp lại câu vợ anh nằm trại nữ và bệnh tình cũng thuyên-giảm. Linh cảm anh như báo trước sự không lành về vợ anh.

Hơn tuần lễ sau người y-tá mở băng chân anh và bảo anh tập đi. Anh lần vách đi thấy đau thốn; ít hôm anh đi không đau nữa nhưng gân rút lại hai chân bước không đồng, anh phải mang tật cà-nhót.

Bác-sĩ cho biết anh lành bệnh và cho giấy ra bệnh-viện. Anh hỏi thăm trại vợ anh nằm để đến thăm. Bây giờ người ta nói hôm chở vợ chồng anh vào bệnh-viện thì vài giờ sau vợ anh tắt thở vì vết thương nặng, và nghe đâu chiếc ghe anh đã bể tan-nát. Anh nghẹn-ngào: « Chết! Vợ ... tui chết! » Nước-mắt tự dung rướm chảy tràn trên đôi má anh. Anh hỏi thăm vợ anh chôn đâu. Người ta nói vợ chồng anh mất giấy căn-cước không biết địa-chỉ để báo tin thân-nhơn, nên chôn vợ anh ở nghĩa-địa. Anh liền đến nơi. Những năm mộ lô-nhò cũ mới. Anh đâu biết mả nào của vợ anh. Anh lại hỏi thăm. Họ chỉ đây là ngôi-mộ của người đàn-bà trúng miêng « một-chê » chết chôn cách đây lối hai mươi ngày. Anh ngồi cạnh mả khóc kể. Anh không ngờ bữa cơm chiều bên bờ kinh là bữa cơm cuối cùng vợ anh già-biệt anh. Anh lượm từ cục đất đặt lên ngôi mộ để xoa-dịu lòng người đã chết. Vợ anh đã từng cùng anh chia cay xẻ ngọt trên chiếc ghe trôi nổi giữa dòng sông. Mỗi buổi sáng đẹp trời, anh chèo lái, chị chèo mũi. Mỗi mái chèo hỏ xuống, chị uốn mình uyển-chuyển theo đà mỗi mái đầy dậu-dàng trên làn nước. Tỉnh-thoảng chị ngẩng nhìn anh

nở nụ cười âu-yếm. Anh cũng cười đáp lại. Rồi những cơn mưa tâm-lã, chị co-ro thu mình trong bộ đồ ướt đầm, và khẽ rùn mình qua từng làn gió lạnh cắt da. « Tui nhớ con quá! Đêm hôm tui nằm chiêm-bao thấy ôm con cho bú, giật mình thức dậy con đâu không thấy mà hai vú sữa căng-thẳng. Vì nghèo phải bóp bụng đi lo làm ăn chớ ai nở xa con lúc nó còn nhỏ ». Nhớ con mà không được gần con! Không nở xa con mà phải xa con vĩnh-viễn! Đó phải chăng là lời trăng-trối cuối cùng của vợ anh. Một nỗi buồn âm-ỉ trĩu nặng lòng anh. Anh dành ôm hận trở về quê. Mỗi bước đi anh ngấp-ngừng nhìn lại ngôi mộ nằm tro-trọi giữa nghĩa-trang hoang-vắng. Lúc ra đi đủ vợ chồng ghe cộ, khi về anh chỉ thui-thủi một hình một bóng, lại mang tật nhắc chân.

Ba Thề sống độc diễn và buồn tủi giữa cuộc đời chán-nản mênh-mông. Nhiều đêm dang yên giấc, bỗng anh giật mình thét lên lời kinh-khủng, hoặc ú ớ gọi vợ. Rồi anh ngồi dậy vui mắt nhìn ngơ-ngác. Con người anh gầy-gò hốc-hác. Nhưng con anh, đứa con duy nhứt của vợ anh để lại. Anh có bốn-phần đùm bọc chở che con và gầy-dựng tương-lai con để vui lòng vợ nơi chín suối. Anh cố lãng quên nỗi-niềm nhớ-nhung vợ lo tranh-dấu với lẽ sống nuôi con. Và anh nhận thấy cuộc sống đơn-độc có nhiều thắc-mắc trong cảnh gà trống nuôi con. Vài năm sau anh tục huyền. Vợ anh là một góa phụ, chồng đi lính chết trận, cũng để lại cho vợ đứa con gái hai tuổi tên Bê. Anh chị thông-cảm và yêu nhau vì hoàn-cảnh tương-tự. Năm nay thằng Quý lên 7 con Bê lên 5. Mùa nước lụt năm nay nhà anh xiu, anh trụ cột cho khỏi sập. Người ta đồn nhơn công Saigon trả giá cao. Anh hy-vọng đi chuyến này kiếm tiền về sửa nhà và chi-tiêu trong gia-đình, nhưng anh hoàn-toàn thất-vọng.

Tiếng mời mua quà lạnh-lãnh của những cô gái:

— Ôi xá-lị, thầy; cam sành ngọt mát, cô. Mua giùm em.

Và tiếng anh lơ vãng lên:

— Mời bà con xuống, xe qua « bac ».

Hành-khách xuống xe, rồi lữ-lượt đồ dồn xuống cầu và ba Thề cùng đi trong đám người ấy. Những tà áo dài thời-trang của những thiếu-nữ bay phất-phới như đoàn bướm-bướm lượn. Những thanh-niên mặc y-phục chỉnh-chặc hiên-ngang nện mạnh gót giày từng bước một. Xe từ từ bò xuống. Chiếc « bac » há miệng nuốt đoàn người và xe rồi lội nhón-nhờ qua bờ bên kia nhả ra. Người và xe bươn-bả lên cầu. Hành-khách đồ-xô lên xe tìm lại chỗ ngồi. Anh bạn đồng-hành ngồi cạnh ba Thề lúc nãy nói anh xuống tại đây đón xe về Kiến-Phong. Hai anh nở nụ cười lao-động chào thông-cảm. Tiếng máy nổ, chiếc xe từ từ lao mình trên con đường nhựa đã hư lở qua mùa nước lụt.



Ba Thề vác bao cà ròn đi cà-nhắc vào nhà. Thằng Quý con Bê bung dây thun ở hàng ba. Nghe tiếng động, chúng ngảnh nhìn rồi vừa nhảy dựng lên vừa la rối-rít :

— Tía dia ê ! Tía dia ê !

Chúng bỏ cuộc chạy ra, dứa nắm tay đưa niu áo ba Thề đi vào. Ba Thề đặt bao cà ròn trên bộ ván rồi ôm hai con hôn chùn-chụt.

— Hai con nhớ tía hồng ?

— Nhớ ! Nhớ !

Anh nhìn vào nhà, hỏi :

— Má con đâu vắng ?

Thằng Quý nhanh-nhau :

— Má đi mượn gạo đặng nhà bác hai.

Ba Thề mở bao lấy con chó bằng mũ, đưa cho thằng Quý.

— Gì đây ?

Thằng Quý reo lên :

— Con chó. Con chó mập ù !

Ba Thề cười :

— Chó « bẹt-rê » của nhà giàu đó a.

Con chó nằm bở hai chân tới, cổ đeo dây da đầu lắc qua lắc lại, mắt trợn trừng. Thằng Quý thích-ý vừa đưa tay khều đầu chó vừa chòm miệng sủa :

— Quấu quấu, quấu !

Con Bê bệu bạo.

— Tía hồng mua cho con !

Ba Thề lật-đật thọt tay vào bao lấy ra con chim đậu trên nhánh cây. Anh nấn nấn sửa lại, rồi đưa cho con Bê, giọng âu-yếm :

— Phần con gái út đây nè. Mai điều đó. Con trai chơi chó con gái chơi chim.

Con Bê cười khúc-khích, cầm nhánh cây vuốt-ve con chim.

— Chích-chòe ! Chích-chòe !

Bông chị Thề đội thúng gạo đi vào, chị mừng ra mặt.

— Ủa mình ! Mới dia tới hả mình ?

Ba Thề cười :

— Dia tới nãy giờ mà hồng ai đón rước.

Chị Thề dỡ thúng gạo xuống, chị lột khăn đội đầu lau mồ hôi rướm lấm-tấm trên trán, quanh chiếc mũ, nguyệt yêu chồng.

— Ai ở không mà hoan-nghinh đón rước. Hôm rày người ta trông ngày trông đêm mà hồng thấy dia.

— Thì nán lại làm kiếm tiền. Một ngày đờ một ngày.

— Kiếm kha khá hông mình ?

Giọng ba Thề buông thỏng :

— Chút ít vậy.

Chị Thề chép miệng :

— Thời-cuộc bây giờ khó làm ăn quá !

Ba Thề thọt tay vào bao kéo ra xấp quần áo. Anh soạn ra từng bộ.

— Đây, tui mua đồ cũ họ bán ngoài chợ đây. Phần tui bộ ka-ki cho chắc ; má nó hai bộ đồ bà ba, thằng Quý con Bê mỗi đứa một bộ đồ vải bông.

Thằng Quý con Bê mừng rỡ bỏ chó bỏ chim chạy lại.

— Đồ mới ta ! Đồ mới ta !

Chị Thề nói :

— Khéo dơ con, để dành bộn đi ngoại.

Chị cầm bộ đồ bà ba vuốt vuốt, trầm-trồ :

— Đồ bằng hàng mới còn tốt quá ! Mắt rẻ mình ?

— Nói hơn đồ mới một chút chớ gì. Trăm thứ món nào mà rẻ. Bán siết ga.

Chị Thề cười :

— Thôi, xếp lại, dơ hết. Ủa ! kẻ tay mình sao nứt-nẻ vậy mình ?

— Hồ xi-măng ăn chớ sao !

Giọng chị Thề nhẹ và trầm :

— Để tui mài trái mặc nưa xức cho mình. Mình nghĩ cho khỏe, đi tối ngày, mệt. Tôi hứng chà được con cá lóc lớn, rộng chớ mình dia. Sẵn có bắp chuối hột trở vừa hết, tui nấu cháo ám mình ăn. Chiều rồi.

Chị Thề bung thúng gạo đi thẳng sau bếp. Hai đứa bé tiếp-tục đùa chơi chó đùa chơi chim. Ba Thề nhìn theo vợ, rồi nhìn con. Cả trùng-dương quá-khứ trôi về vồ-vập ký-irc anh. Chị Thề trước kia, vợ chánh anh, là người đàn-bà tinh-tinh chân-thật, nhưng mực thước và chu-đáo. Chị yêu chồng thương con và hết lòng lo-lắng gia-đình. Chị có tinh-thần khắc-kỷ. Mỗi khi có lỡ-lầm điều gì, chị rất ăn-năn và nhiên-hậu không bao giờ tái-phạm. Chị cố tránh những

điều đòi chối như những người đàn-bà ngồi lê đôi mách. Khi tiếp-xúc với khách, chị cân nhắc từ lời nói. Nếu là câu chuyện quan-trọng chưa giải-quyết kịp, theo thói quen chị nhắm hơi cặp mắt lại, đầu gật gật dùng kế hoãn binh, rồi mới trả lời với kẻ đối diện. Chị sống nếp sống lễ-giáo tiêm-tàng nơi tâm khảm người phụ-nữ Đông-phương. Nhưng chị lại vẫn số. Mà chị vẫn số hay một nạn-nhân thời cuộc ? Ba Thề cảm thấy lòng rung rung xúc-động. Chị Thề bây giờ, vợ thứ anh, tinh tình hồn-nhiên, vui tính và nói nhiều. Chị cũng yêu chồng thương con và lo-lắng gia-đình, nhưng dễ-dãi không chú-trọng lắm. Những mẩu chuyện vui buồn luôn luôn quẩn-quít đậu vào óc chị, rồi lại múa-may bay đi một cách thung-dung không vướng bận. Chị rất tốt lòng là đối với thằng Quý chị vẫn thương không phân biệt con ông con bà, vậy nên không xảy ra cảnh mẹ ghẻ con chồng hục-hặc. Đáp lại ba Thề cũng thương con vợ chính như con của mình. Mà hai đứa bé cũng khấn-khít nhau như tinh máu mủ. Vì thế gia-đình vẫn được đầm-ấm. Trước kia chị Thề theo người chồng trước đi linh đống chõ này chõ nọ, nên chị có những lời-lẽ văn-vẻ của kẻ thị-thành. Chị thường dùng những danh-từ : Thời-cuộc, tình-hình, hoan-ngình, tiền «lấp-bênh», tiền tử-tuất, nhưng bất-chấp sự áp-dụng đúng chỗ hay không. Ba Thề nhìn lơ-dãng. Một luồng gió thổi ào tới, lá cây rung-động, mây trắng xôn-xao di-chuyển trên bầu trời cao-vút. Chiến-tranh thay đổi cả cuộc đời anh, từ thề-xác lẫn người nội-trợ. Con anh, thằng Quý, đã học lớp tư. Anh cố-gắng lo làm nuôi con ăn học, gây-dựng tương-lai con như lời đã hứa với vong-linh vợ. Thằng Quý học giỏi nhưng hơi lười. Trước đây ít tháng nó bỏ học theo trâu, anh giận đánh nó hai roi. Nó khóc, la ui cha ! ui cha ! Nó khóc không bằng lòng anh khóc nức-nở đã từ lâu và mãi mãi, vì thương đứa con không mẹ, nhưng anh buộc lòng răn dạy vì sợ nó thất học như anh. Vấn-đề tám biển tết năm rồi lại càng khuyến-cáo sự thất-học của anh. Ba ngày xuân nhứt, theo tục-lệ ông bà phải có liên đối đỏ cho

vui nhà vui cửa và lời chúc sang năm mới được may-mắn. Anh dán xong tấm biển, rồi treo lên giữa nhà. Anh đứng ngắm-nghĩa. Tấm biển viết ba chữ Phước mãn đường. Ông thầy năm Tín viết xong có cắt nghĩa cho anh nghe: phước mãn đường là phước đầy nhà. Vậy mà anh lại quên phứt nghĩa chữ đường. Không lẽ phước đầy đường. Anh suy-nghĩ cố nhớ mơ-hồ chữ đường nghĩa là nhà. Mà cũng không lẽ, gia mới là nhà. Vì trong sổ khai gia-đình anh là trưởng gia-đình, là người lớn làm chủ nhà. Anh phân-vấn chữ đường và chữ gia. Sự bực-bội trời lên ray-rứt lòng anh. Bỗng chị Thề đi chợ về: Thấy chồng đứng ngắm tấm biển, chị cười ca tụng: Chà! tấm biển đẹp quá! Ba chữ gì đó mình? — Phước-mãn-đường. — Phước mãn đường nghĩa là gì vậy mình? Ba Thề khẽ cau mày: Nghĩa là phước đầy... đường. — Sao lại phước đầy đường? — Ờ... ờ thì cầu chúc cho mình có phước đầy nhà... tràn ra đường. Phước nhiều chớ sao. Chị Thề cười ngặt-ngheo nói phước nhiều quá mà vẫn nghèo hoài. Ba Thề cố đào trí nhớ, à... à ông thầy năm Tín giảng chữ đường rộng nghĩa hơn chữ gia, đường là nhà chính, Tổ đường là ông Tổ trong bà con thân-tộc; chữ gia là một nhà, một gia-đình. Anh cảm thấy tâm-hồn thoải-mái, nhẹ-nhàng. Anh mỉm cười tự thẹn sự cắt-nghĩa lối-bịch của mình với vợ vừa rồi. Lúc nhỏ anh ham chơi hơn ham học, giờ đây tiếc rẻ thì đã muộn. Nhỏ mà không học lớn mò sao ra, và biết thì nói không biết thì dựa cột mà nghe, thật chí-ly và thắm-thía vô cùng. Hiện giờ anh chịu thiệt-thòi trên mọi phương-diện; thiếu lời lẽ giao tiếp hằng ngày với chúng bạn, với đời, không lý-hội, rất ráo danh-từ tin-tức trên báo-chí, trong radio, không nhận-xét sâu-sắc vấn-đề.

Nhưng anh tự an-ủi và hãnh-diện, có sĩ thì cũng phải có nông, song phương trên hai lãnh-vực: văn-hóa và kinh-tế. Nhà nông là một vai trò chính-yếu trên bình-diện kinh-tế, một công-tác quan-trọng quốc-gia. Anh an-phận và hăng-say với nghiệp dĩ nhà nông. Có lần anh nghe thẳng Quý học

bài học thuộc lòng, « Bảo trâu »: « Trâu ơi! Ta bảo trâu này! Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta, Cày cày vốn nghiệp nông-gia. Ta đây, trâu đấy, ai mà quản công? Ngày mai ruộng lúa đầy bông, Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn. Dẫu rằng vất-vả khó-khăn, Cùng trâu, ta tiến phăng phăng không lùi.»

Anh nắng chiều đỏ nhẹ trên cây ô-môi, chảy lan trên mặt sân. Hơi mát lên dần. Khói cơm chiều bốc lên lẩn lộn quanh-co, rải-rác trong thốn xóm.

NHẤT-QUÁN NGUYỄN-HỮU-TRI

Hãy đọc và cổ-động

Nhật báo QUYẾT TIẾN

8 TRANG

Chủ nhiệm: HỒ-VĂN-ĐỒNG

Giám-đốc chánh-trị: ĐỖ BÁ THẾ

Tổng-Thơ-ký Tòa-soạn: TRƯỜNG-SƠN

Phụ-trách văn-ngệ: HỒ NAM



Tin tức mau hơn, đủ hơn, đúng hơn. Xã luận sắc-bén.

Nhiều thiên khảo-cứu giá-trị về giáo-dục, khoa-học, chánh-trị, kinh-tế, văn-ngệ.

— Nào... lão Bà vật nó ! Nếu không có bài ấy tao đã không làm bài sau đây. Nghe nhé ?

*Ai ốm nhom ốm nhách
mà cái miệng lách-chách,*

Em đây,

Em đây.

Ai bộ như bán thiu

lại có tật nói kêu,

Tài chưa bằng xu nhỏ,

Nói bậy chúng lêu-lêu ?

Em đây,

Em đây.

Ai chợ đồ chợ đen,

Ai tranh trước hám quyền,

Nịnh bợ, câu nước đục,

Ghế gậy ôm đầu rên ?

Em đây,

Em đây.

Coi bộ đặc-ý, Khả-Dĩ làm mặt nghiêm, hỏi : « Khá không, bồ ? »

Tôi phì cười và đáp :

— Thôi, ông nội ơi ! Tôi lạy ông nội đề người ta yên ! Ông nhái giáo-sư Cồn trong bài *Nàng Nhạc và Nghệ-sĩ* :

*Em đây, em đây, em là Nhạc, em yêu đời, em không Thời-gian,
em không Không-gian, trăm năm em vẫn trẻ, ngàn năm em vẫn xinh,
đêm nay em đến với mình, so đây nắn phím tang tình tình tang...*

Bài của ông Cồn hay đáo-đề mà mầy nhái bậy-bạ, nghe chướng tai quá ! Có người từ khi lọt lòng mẹ đã ham làm quan rồi. Kê họ ! Tại họ khoái ăn trên ngai trước, nên nhoi cho khỏi chỗ tối-tăm thì mặc họ, việc gì đến mầy, hơi đầu chọc chúng ghét ? Khi người ta muốn có tên tuổi, thì thọc-léc nàng Thơ, mong rằng khi chánh-phủ bị « kẹt » nhớ đến người ta. Trời, bộ mầy tưởng ! Cao cờ lắm đó ! Nhưng tội-nghiệp cho kẻ bắt

tài, tưởng đâu hễ hơi bút vài tua là thơ ra xối-xả như nước sôi Tri-An, chớ không dè cái thứ văn chương... chương đó sẽ bị đào-thải như đũa hài-nhi thiếu tháng, vừa sanh thì tử, trong kẻ tóc đường tơ.

— Ừ ; mà tại tội nó ba xạo, lỗ-bịch mà không biết mất-cỡ, muốn làm cha hoài, ghét ghê !

— Nếu nó biết là lỗ-bịch thì đâu có làm trò cười cho mầy ? Ở đời, được voi đòi tiên : người xấu thì hay diện, lùn thì muốn cao, cao lại muốn thấp bớt, gầy thì chích thuốc cho mập, mập thì muốn gầy bớt. Nhiều cô uống thuốc không có thầy thuốc coi chừng, ít lâu ốm nhom, rầu thúi ruột ! Làm thầy kiện vắng khách nhào vô chánh trường thứ thời-vận, họa may có khá hơn không ; không có họ, thì cũng tội nghiệp mấy lão thầy bói ! Văn xuôi luộm-thuộm thì làm thơ chơi... Lạ quái gì. Làm « thơ » mà được báo đăng thì sướng như trúng số không bằng. Dành-dụm được mớ tiền, in được tập thơ, nhờ khen giùm, thì còn sướng nào bằng sướng này. Nhưng có khi gặp thằng cha chơi đâm hòng, khen chưa dứt lời là chề ngay lập-tức, mới là chết !

Bạn Khả-Dĩ tiu-nghỉu ra về, tôi suy-nghĩ về vấn-đề này lung lăm. Nên không ngại múa riu qua mắt thợ, muốn có đôi lời cùng « lục-châu chư quân-tử », gọi là phân-bua vậy thôi. Không có ý chê-bai ai, vì tánh tôi, ai cũng biết : cung-kính bất luận người nào.

Từ Thế-Lữ trở đi, người ta đã nói, đã viết nhiều về thơ cũ và thơ mới. Thơ cũ là thơ Đường, các cụ hồi trước hay làm đề vịnh mây vịnh gió, than trách, biểu-lộ tâm-tình khúc-chiết. Thơ cũ có niêm-luật hẵn-hoi, thơ mới là thơ tự-do, chủ-trương ra ngoài khuôn-khò chật hẹp. Gọi là « tự-do » vì lẽ ấy. Có thứ thơ mới, ví-dụ như thơ Bạch-ngà, chẳng hạn, đồ theo số chữ của thơ Pháp, sắp cho gọn, tùy sở-thích của tác-giả, gieo vần cũng tùy ý, thơ đó cũng có nhịp-nhàng, có âm-điệu, khi đọc lên không ngưng-ngập. Nhà văn Nguyễn Vỹ, sành thơ cũ, lại hay thơ mới, cũng như nhà văn Đoàn Thêm, thơ của hai vị ấy tràn-ngập sắc hương, nhạc và ý. Dưới đây, xin chép vài bài để chứng-minh.

Đêm nay xuân về,
Bốn bề,
Vui xuân,
Bốn bề
Trần-trề
ái-ân.
Nhưng đêm xuân về
Lòng ta nặng nề
Rỉ-rả,
Buồn-bã,
Bâng-khuâng.

NGUYỄN VỸ

Thi-sĩ thay đổi vị-trí của vần một cách tinh-xảo. như trong
nhiều bài khác, thay vì viết :

*Sương rơi nặng trĩu
Trên cành dương-liễu,*

Nguyễn Vỹ viết :

*Sương rơi
Nặng trĩu
Trên cành
Dương-liễu...*

(dùng hai chữ cốt đề cho người đọc hình-dung sương chậm rơi
từng giọt một... dễ gợi buồn)

*Nhưng hơi
Gió bắc
Lạnh-lùng
Hiu-hắt
Thấm vào,
Em ơi,
Trong lòng
Hạt sương
Thành một
Vết thương.*

(NGUYỄN VỸ)

Như bài *Ấn hiện* sau đây, của Đoàn Thêm, đáng cho là thơ :

*Qua mi mắt những tia vàng lấp-lánh,
Của trăng thu hờ-hững vén chân trời,
Gọi tâm-tình dâng bổng quăng chơi-vơi,
Vướng mây bạc gió vờn tan mộng trắng.*

ai đọc cũng nhận đúng như thế. Thơ « mới » đó.

Kề thêm bài « *Đôi bóng* » của Nguyễn Vỹ, cũng là thơ « mới »
cho tiện việc nói chuyện.

*Ai ngồi mơ trên lầu
Bên hương hoa ?
Ai thần thơ trên cầu
Đêm sương sa ?*

*Ai ngâm câu thơ sầu,
Trao mối tơ muôn màu
Gió đưa lên lầu
Gởi người trong mơ ?*

*Ai tương-tư trên lầu
Phải người yêu Thơ ?
Tóc sầu
Buông tơ,
Mắt sầu
Buông mơ,
Nhìn sao Mai,
Hỏi ai
Chờ ai
Bên cầu ?*

*Ai đêm đêm âu-sầu
Đi êm-êm trên cầu,
Nhìn sao Mai,
Hỏi ai
Chờ ai
Trên lầu ?*

*Bóng ai đang bước
Êm-êm
Trên cầu
Trong đêm
Nhiệm-mầu,
Bên trời vương tơ,
Bên người
Trong mơ...*

NGUYỄN VỸ

Một bài khác : Có lẽ nào ? của Hồ Văn Hào :

*Qua cửa sổ gió lùa bao sinh-khí
Lá và hoa cợt với nắng hanh vàng,
Chim trên cành vui cất tiếng ca vang,
Không-khi hợp chất gì trong-trẻo quá.*

HỒ VĂN Hào

Rồi như những câu :

*Ta lắng nghe tim dội bước trên đường,
Gió trong lá thì-thăm cơn ly-biệt ;
Chim ngừng hót để chia niềm mến tiếc,
Chiều buồn buồn rơi nhẹ khắp không-gian!*

HỒ VĂN Hào

Nhà thơ Song-Mai tức Giáo-sư Trần Văn Hương, có lần nói với tôi : « Theo tôi nghĩ, không có thơ mới, thơ cũ, chỉ có thơ dở, thơ hay mà thôi ». Tôi đồng quan-niệm với Trần quân. Vậy, thưa bạn, thơ là gì ?

Thơ là lối văn diễn-tả, sắp-xếp thể nào cho gọn. Nếu là thơ cũ thì phải cần-thận theo niêm-luật, 8 câu 5 vần, 56 chữ, phá, thừa, trạng, luận, chuyển, kết, đầu cho ra đó, trọn bài thành một khối theo đề đã chọn, không đề trùng chữ, còn nếu cố ý cho điệp thì phải có lý-do, người đọc hiểu ngay, chớ không phải lỡ đề điệp rồi cãi bướng... Thơ 4 câu 5 chữ 3 vần, nhiều bài, vẫn dài tùy ý, cũng theo niêm-luật cho chỉnh, vẫn không ép không

gượng. Loại lục-bát hay song-thất lục-bát cũng tùy-thuộc định-luật của nó. Loại về tuy không khó làm, nhưng ý tứ phải rõ-ràng khuôn-khò chắc-chắn. Quan-trọng nhất, là trong thơ phải có nhạc. Thơ tả tình phải có bề sâu, kín ; thơ tả cảnh phải vẽ được cái đẹp tươi sáng hay u-buồn của cảnh-vật ; thơ quốc-sự phải gọi được lòng yêu quê-hương, đất nước. Thông niêm-luật là cần, song thiếu ý tứ thì bài thơ chết ngắt ! Làm thơ như vậy không khác nào nắn tượng người không cân-phân, khúc trên ngắn, khúc dưới dài, đầu đem cầm-bào mà khoác cho pho tượng ấy, cũng hoài công uổng của ! Bảo là thơ, thì phải có thi-vị, có hồn thơ, có thể truyền cảm cho người đọc người ngâm. Thơ cũ có niêm-luật, thì thơ mới cũng có quy-củ, chớ không phải muốn viết sao thì viết. Viết bừa bãi là làm thơ con cóc :

*Con cóc trong hang
Con cóc nhảy ra.
Con cóc nhảy ra,
Con cóc ngồi đó,
Con cóc ngồi đó,
Con cóc nhảy đi... !*

Đừng làm thơ sai niêm rồi hô là « thơ mới », tội-nghiệp cho vong-linh các cụ lắm. Đừng viết không ai hiểu, rồi nói là « thơ huyền-bí » hay « thơ đóng kín », tội nghiệp cho Xuân-Diệu, Thế-Lữ lắm, các anh ơi !

Bất luận ở vòm trời nào, Thơ ? cũng là mỹ-thuật tuyệt-vời, trọn- vẹn, là bức tranh linh-động, là khúc nhạc suy-tư (... La poésie, art suprême et complet, peinture qui se meut et musique qui pense (Émile Deschamps).

Thơ là cái gì... êm dịu, nhẹ-nhàng, gây xúc-động tâm-tư. Người cầm viết có cảm, thơ mới có tứ, có hương. Bài thơ hay gọi cho người ngâm một nguồn cảm-xúc, lắm khi phải rung nước mắt, và rợn da gà. Khi đọc hết bài thơ hay, hình ảnh, ý tứ, giọng nhạc hãy còn ngân vang trong lòng. Thi-sĩ phải là người có tâm-hồn yêu nghệ-thuật, biết « ru với gió, thở cùng trăng »,

biết thưởng-thức thiên-nhiên, thả hồn lửng-lơ theo cụm mây vàng lửng-thững hay dòng nước biếc lơ-dờ. Thi-sĩ nghe được tiếng « gió lướt-thướt kéo mình qua cỏ rỗi, đêm băng-khuảng đôi miếng lẫn trong cành » (X.D.), nghe được lời hoa ngọt lịm lúc ánh nguyệt chan hòa...

Thi-sĩ khéo tìm lời châu ngọc, kích-thích tưởng-tượng của người đọc, rồi, nhờ nhạc-điệu bổng-trầm đem vào câu văn bóng-bầy nhứt là khi có gieo vần, thì mới làm được bài thơ hay, có thể ví với râu chuỗi ngọc ánh long-lanh trên cổ mỹ-nhơn. Thi-sĩ là người giàu tưởng-tượng, giàu tình-cảm, cho nên không cứ miền nào trong nước hay ngoài nước, hễ thơ hay là thơ hay, mà thơ dở là thơ dở, gọt-giũa thể nào cũng dở và đọc lên nghe chướng tai, chớ không như một nhà phê-bình kia chê thơ miền Nam khô-khan. Hễ là thi-sĩ thì không cần đứng trước cảnh đẹp mới tả được cảnh đẹp, có biết mùa thu mới tả được trời thu, hễ là thi-sĩ, tất có phép tạo ra đủ thứ, vì họ thấu vũ-trụ vào câu thơ, dễ như bỡn. Thiết nghĩ, nên bỏ quách cái thành-kiến nông-cạn ấy thì mới có quyền nói... Thơ mà không sợ bị Khã-Dĩ nó cười là « dốt hay nói chữ » !

Tại nó mới có bài này. Ai có giận tôi chịu, ai thù nó thì xóc miềng sành rửa nó đi, coi nó chừa cái tật chọc các bực cao minh hay không ?

TUẦN-LÝ

HĂNG HIỆP - HÒA

393, đại lộ Trần Hưng Đạo, Saigon

Điện-thoại : 24.447

Chuyên bán vật liệu xây cất

Ciment — Ván ép — Giấy ép isorel — Formica —
Fibro-ciment — Dụng-cụ vệ-sinh — Gỗ xẻ.

DỊCH SÁCH

ỨC-TRAI THI-TẬP

(Thơ chữ Hán của Nguyễn-Trãi — 88 bài)

(Tiếp theo)

● Bản-dịch của AN CU

BÀI THỨ NĂM :

題 伯 牙 鼓 琴 圖

鐘	期	不	作	鑄	金	難
獨	抱	瑤	琴	對	月	彈
靜	夜	碧	宵	涼	似	水
一	聲	鶴	唳	九	真	寒

全唐詩集唐僧詩安能得黃金鑄作鍾子期

PHIÊN ÂM :

Đề Bá Nha Cổ Cầm Đồ

Chung Kỳ bất tác chú kim nan
Độc bāo dao cầm đối nguyệt đàn
Tĩnh dạ bích tiêu lương tự thủy
Nhứt thanh hạc lệ cửu cao hàn

CHÚ THÍCH :

Cồ (鼓) : khảy lên, khua lên.

Tác (作) : Lấy trong Kinh Thi, chương Đại Nhã, bài Vực
Phác có câu : « Châu vương thọ khảo, hà bất

tác nhân » nghĩa là Châu vương sống lâu, sống thọ, sao nói là không sống. Chữ « tác » đây có nghĩa là sống.

Chú (鑄): làm bằng kim khí.

Dao (瑤): sắc đẹp của ngọc ; dao cầm là cây đàn có sắc đẹp của ngọc, tức cây đàn quý.

Tiêu (宵): mây.

Cao (臯): Vững nước động nhiều. Lấy trong Kinh Thi, chương Tiêu Nhã, bài Hạc Minh có câu : « Hạc minh ư cửu cao » nghĩa là con hạc kêu dưới vũng nước sâu chín chầm.

DỊCH NGHĨA :

Đề tranh Bá Nha đánh đàn

Chung Tử Kỳ không còn sống, lấy vàng đúc lại người cũng khó,
Cô-độc ôm đàn ngọc đối mặt cùng trăng mà khảy
Đêm lặng-lẽ với làn mây xanh mát lạnh như nước
Một tiếng hạc kêu khóc, lạnh suốt chín chầm.

Trong tập thơ Toàn Đường, bài của Đường Tăng có câu :
« ước gì có được vàng đúc tượng Chung Tử Kỳ ».

(Còn tiếp)

Xin nồng-nhiệt giới-thiệu cùng độc-giả :

TỜ ĐUỐC TỬ-BI hiện phát-hành đến 20.000
(hai chục ngàn) số mỗi
tháng và đang tăng lên hơn. Ra cả ngoại quốc.

ĐẶT LẠI MỘT VẤN-ĐỀ VĂN-HỌC :

Thề Song Thất Lục Bát trong văn nô-mi phương Nam

● Bài của NGUYỄN-THANH-LIÊM

Nhìn về nền văn Nôm ở Nam Hà từ Đào-duy-Từ đến Tôn-thọ-Tường, Phan-văn-Trị... nhà văn-học-sử không khỏi ngạc-nhiên khi phải ghi nhận một sự-khiến lạ-lùng này : không một tác-phẩm nào được viết bằng thể song thất lục-bát. Ông Phạm-thế-Ngũ gần đây, đã nhận-xét về sự-khiến đó như sau :

« Về hình-thức thì văn Nôm miền Nam cũng có đủ các lối thi phú quen thuộc, song thường quảng-dụng câu lục-bát và cũng chỉ tiến đến câu lục-bát thôi (không biết đến thể song thất). Lại thường nghiêng về khuynh-hướng bình-dân, đưa lục bát vào các bài ca văn dài và đề cao thể vè, đem câu vè nói cả những điều thuyết-lý cao xa như trong Sãi Vãi. Đó là một đặc sắc khác với miền Bắc ». (1)

Tại sao văn nô-mi miền Nam không biết đến thể song-thất lục-bát ? Thật ra trong đoạn trích-dẫn trên đây, ý của Ông Phạm-thế-Ngũ muốn nhấn mạnh ở nét đặc-biệt của hình-thức văn Nôm phương Nam là chỉ quảng-dụng thể lục-bát và vè, chớ không sử-dụng thể song thất lục-bát.

(1) Phạm-thế-Ngũ: Việt-Nam Văn-học-sử giản-ước tân-biên, quyển II, tr. 202—203.

Nếu cho rằng nhà văn nô-mi phương Nam thật sự không biết đến thể song thất lục-bát thì không có lý. Vì tuy thể song thất xuất-hiện ở miền Bắc, và tuy Nam Bắc ở vào thể phân-tranh khiến cho sự qua-lại trao-đổi khó-khăn đi nữa, nhưng đã có các nho-sĩ từ Bắc vào Nam giúp chúa Nguyễn thì không thể không đem theo với họ tất cả những kiến-thức văn-học ở Đàng Ngoài. Việc phổ-biến một thể thơ như vậy không có gì khó-khăn cả. Đào-duy-Từ chẳng hạn, không thể không biết đến thể thơ song thất được khi thể thơ này « manh-nhà vào đời Lê, đã thành-hình vào đầu đời Trịnh » (1).

Như vậy, theo tôi nghĩ, thể song thất không xuất-hiện trong văn Nôm miền Nam vì nó không thích-hợp với nhà văn ở đây, do đó không được dùng đến.

Nhưng tại sao thể thơ này không thích-hợp với người Đàng Trong ?

Ai cũng nhận thấy thể thơ này tuy thành-hình ở đầu đời Trịnh nhưng phải đến thế-kỷ thứ XVIII mới đến chỗ cực thịnh để sang đầu thế-kỷ XIX nhường địa-vị đó lại cho hát nói. Các tác-phẩm đánh dấu sự cực-thịnh đó là *Chinh-phụ ngâm-khúc* (bản dịch của bà Đoàn-thị-Điềm), *Cung-oán ngâm-khúc* của Nguyễn-gia-Thiều và có thể kể thêm *Ai tư văn* của Ngọc-Hân Công-Chúa. Sở dĩ như vậy là vì thể song thất lục-bát, tự cách cấu-tạo của nó, là một hình-thức trữ-tình thích-hợp nhất « để diễn-tả những tình-cảm ảo-não triền-miên, nhịp-nhàng quấn-quít » (2). Chính vì thế nó được dùng với một thể tài đặc-biệt : sự thờ-than, lời oán trách, nỗi buồn-thương thâm-thiết của con người, nhất là con người trong thân-phận yếu-đuối khổ-đau của số kiếp. Nó chính là những tiếng nức-nở của quả tim-người, tiếng rên siết của cái « tôi » đặt trong hoàn-cảnh giới-hạn (situations-limites) như chiến-tranh (Chinh-phụ ngâm).

(1) Phạm-thế-Ngũ, soạn-phẩm đã dẫn, tr. 150.

(2) Phạm-thế-Ngũ, soạn-phẩm đã dẫn, tr. 153.

như định-mạng khắt-khe và phi-lý (Cung-oán) hay là cái chết (Ai tư văn). Hoàn-cảnh giới-hạn đó chỉ có ở Đàng Ngoài vào thế-kỷ XVIII, với không-khi chiến-tranh nặng-nề, thăm-trạng tranh giành giết chóc đến ngọt-ngạt, nhất là cảnh đói khổ của nhân-dân, tất cả đều làm hiện-hiện cái khổ-sở phi-lý của kiếp người. Nhà văn, với bản tính đa-cảm, không thể không xúc-động mạnh trước cảnh khói lửa loạn-ly, không thể không buồn thương thân-oán không-khi chiến-tranh đó mà ít nhiều họ đã nhận thấy tình-cách phi-lý. Nếu trong cuộc Nam Bắc phân tranh, người Đàng Trong có thể tìm thấy chánh-nghĩa khi phải đứng ra bảo-vệ quyền độc-lập của họ, thì ngược lại người Đàng Ngoài không khỏi chán-nản việc đi chinh-phục ở phương xa. Cái phi-lý xuất-hiện từ chỗ đó; nhưng càng phi-lý hơn khi chiến-tranh lại phát mạnh-mẽ trong cái thể tranh-giành xâu xé lẫn nhau giữa Trịnh Mạc, giữa nhà chúa và các người nổi loạn, kéo dài gần thế-kỷ. Đó chính là đề-tài của Chinh-phụ ngâm mà ai ai cũng biết. Đến sự sa-đọa thối-nát của Triều-đình, không-khi ngọt-ngạt như một tai-ách, một cơn dịch đe-đọa kiếp sống, trạng-thái phân-hóa của xã-hội Đàng Ngoài vào cuối thế-kỷ không thể không gây ấn-tượng sâu-sắc trong tâm-hồn thi-sĩ về cái vô-nghĩa, cái khổ đau cùng tâm-trạng nổi loạn của con người trong cõi vô thường. Đó chính là đề-tài của Cung-oán vậy. Con người băn-khoăn lo sợ, mất hết niềm tin, giữa cuộc đời đen tối, trước hoàn-cảnh giới-hạn; đó là nguồn hứng, cũng là nội-dung của văn-chương thế-kỷ XVIII ở Đàng Ngoài. Nội-dung đó, nguồn hứng đó đòi hỏi phải có một thể văn thích-hợp về hình-thức. Điều song-thất lục-bát tương thiên với âm-vận dồi-dào, nhạc-điệu nhịp-nhàng uyển-chuyển, liên-tục bởi nhiều đoạn tứ cú — mỗi đoạn là một chu-kỳ trở đi trở lại (như strophe trong thơ trữ-tình Pháp) như nỗi buồn thâm triền-miên, đã đáp-ứng đầy-đủ nhu-cầu của nhà văn đề diễn nội-dung và nguồn hứng đó.

Xã-hội Đàng Trong vào thế-kỷ XVIII, trái lại, không bị nhuốm độc như thế. Chỉ có một việc chiến-tranh, nhưng chiến-tranh tự-vệ, chiến-tranh để duy-trì sự sống, cho nên không phi-lý, kể như có danh-nghĩa, có niềm tin. Ngoài ra bao nhiêu ý-chí, sinh-lực đều dồn hết vào công việc khai-khẩn, chiến-đấu lao-nhọc với thiên-nhiên để biến những vùng đất hoang-vu thành những cánh-đồng phì-nhiều, và từ đó phải tiếp-tục xây-dựng, kiến-thiết... Tất cả mọi người đều cùng một hướng đi, một niềm tin, một cuộc sống không có những thắc-mắc băn-khoăn, không có những bất-mãn nổi loạn, không có những tình-cảm chán chề sâu thẳm. Nói đúng ra, những tình-cảm ấy không có dịp, không có chỗ để chen vào đời sống của họ. Nguồn hứng của Chinh-phụ, Cung-oán, không phải là nguồn hứng của nhà Nho ở đây; nội-dung của Chinh-phụ, Cung-oán không thể có được trong một tâm-hồn an nghỉ. Vậy thì thế thơ song-thất lục-bát còn được dùng đến để làm gì?

Văn-chương cũng như khoa-học, triết-lý, tôn-giáo... tuy không phải là sản-phẩm của thời-dại — xã-hội, nhưng điều-kiện xã-hội — thời-dại mới thành-hình và phát-triển được vậy.

NGUYỄN THANH LIÊM

Xưởng Kỹ - Nghệ

CHẤM - NGUYÊN

SỐ 817, ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI (CHỢ LỚN)

Điện-thoại : số 37.197

CHUYÊN **GIÀY** BẰNG NHỰA

LÀM **GIÀY** HÓA HỌC

đủ cỡ từ trẻ con đến người lớn

KIỂU ĐẸP — BỀN TỐT — GIÁ RẺ

Những mối thao-thức thời-dại

MỘT VẤN-ĐỀ GAY-CÁN

Vai-trò Phụ-nữ

TRONG VIỆC GIÁO-DỤC

★ Bài của bà VIỆT-THƯỜNG

Ít lâu nay người ta bắt đầu tỏ vẻ biết lo cho con cái và, có lẽ, cho cả người lớn nữa. Người ta kêu báo-chí và tiểu-thuyết nhằm đầu-độc tâm-hồn quần-chúng độc-giả (kể cả người lớn lẫn tuổi thơ), người ta kêu phim ảnh đồi-trụy làm băng hoại suy đồi tinh-thần dân-tộc, người ta kêu... người ta kêu không ngớt và người ta không ngớt kêu gào lạnh-mạnh, xây-dựng, cứu-chữa...

Song trên thực-tế làm gì để lạnh-mạnh, để xây-dựng, để cứu-chữa thì... chưa thấy, chỉ nghe nói mà thôi.

Nhiều hội được thành-lập có những cái tên thật kêu, thật đẹp, song cho tới nay cũng chỉ kêu, đẹp ở cái tên thôi. Rồi thuyết-trình, diễn-văn, rồi đả-kích, chê-bai, chỉ-trích, đề-nghị...

Tôi công nhận thiện-chí và nhiệt-tâm quý vị, song quá lâu, quá mỗi vì chờ đợi nên quả có nản lòng nhiều ít. Bởi lẽ giản-dị là tôi quan-niệm rằng : *tất cả thiện-chí, nhiệt-tâm của bất cứ cá-nhân hay hội hè nào đều phải thể-hiện bằng việc làm cụ-thể, dầu nhỏ-nhoi đi chăng nữa, chớ không phải chỉ nói suông mà thành-công được.*

Một số người đổ lỗi cho chiến-tranh, một số khác lại nhờ vào chiến-tranh mà trục lợi. Ấy thế là đâm ra đánh giặc miệng với nhau ầm-ĩ !

Cảnh sa-đọa không vì đó mà bớt chút nào.

Văn-nghệ chưa có triệu-chứng gì là lành-mạnh.

Phim ảnh tiếp tục hở ngực phơi đùi trắng-tráo khiêu-dâm, tạp-chí, sách báo không ngừng đem thứ ái-tình hạ-cấp đề-cao bản-năng, ca-ngợi thủ tánh ra câu độc-giả. Đôi khi lại mạo nhận là Trí-Thức Hiện-Sinh kể-lễ dài-dòng không đầu không đuôi về « cuộc đời phi-lý, buồn-nôn, chán-nản » hiện nay. Món hàng ngoại-hóa này được nhập-cảng và ai ưa-chuộng thì có vẻ là một kẻ sành-đời, nhìn xa thấy rộng ; không ngờ rằng chính tại nơi sản-xuất (Tây phương) đang cho là một « loại dịch » và người ta lấy làm lo-ngại, nhiều bậc thức-giả đã lên tiếng cảnh-cáo con em.

Tinh-thần phụ-nữ càng ngày càng quá tệ, ấy thế mà có ai nói tới thì các bà lại phản-đối ầm lên, rõ-ràng là các bà không biết đến danh từ « phục thiện » là gì !

Dĩ nhiên tôi không dám cãi lại các bà, nhưng chỉ lưu ý các bà một điều này : là mời các bà hãy dạo một vòng ngoài phố và ghé mắt vào các hiệu sách xem qua trước khi la-ó lên như thế.

Trước hết các bà sẽ như chúng tôi không chối-cãi vào đâu được rằng mấy nơi đó phản-ảnh trùng-thực cái mà các bà gọi là Tinh-Thần Phụ-Nữ Việt-Nam, nó ra sao ? Thưa rằng cái đẹp về thể-xác quả đã được khai-thác tận cùng triệt-đề. Cũng đùi lờ-lờ, cũng ngực thật ngực giả thì nhau cao như chóp núi, cũng đầu mày cuối mắt liếc xéo, nhìn xiên khác chi là minh-tinh ngoại-quốc đâu ?

Nhưng nếu quý bà lật bên trong các bà sẽ thấy rõ-ràng hơn : nào một cô giáo kia cầm đồ học-trò 18 của mình, nào nữ-sinh mới 13 mà biết cách lúi cuồn ông già gần kề miệng lỗ (*Lolita Việt-nam mà lị*) và còn vô số nàng Kiều 66 (những nàng Kiều giả) cứ ngang nhiên bóc-lột ngoại-kiều, phê-phỡn

bám vào chiến-tranh và làm tử-nhục mẹ cha mà cứ leo-lẻo chưỡi chiến-tranh và đề cao chữ hiếu !

Một số tuần-báo mạng danh là của phụ-nữ thì có những mục như : « Trau-dồi sắc đẹp », « Sắc đẹp trước đã », « Làm cách nào ta chinh phục đàn ông ».

Kể đó những trang quảng-cáo thì cực-kỳ hấp-dẫn đại khái như sau : « Quý bà hãy dùng kem A. mà nuôi da, để làn da mịn màng tươi trẻ, khỏi cần dôi phấn », « Sinh đẻ nhiều sợ nhăn da bụng hãy dùng kem B. cam đoan bụng săn thon đẹp không sai », « Cứu tinh của nữ-giới đây : Dùng thứ thuốc này nhũ hoa nảy-nở, xinh-đẹp vô-cùng, đã được hoa-hậu C. công nhận (hay ca-sĩ Đ.) viết thư ngợi khen ». Đôi khi các thi-sĩ bỗng dựng làm thơ quảng-cáo, đại loại như : « Em tôi là đóa hoa-khôi, tóc đen, da trắng đẹp thời nhất vùng, (xin lược bỏ bốn câu kéo dài quá). Còn chi là đóa hoa-khôi, người yêu vắng bóng bạn thời lánh xa. Em ơi ! muốn cho nhan sắc mẫn-mà, tóc huyền đen mượt... dùng mà Biocrème ».

Còn nhiều câu thơ lục bát giọng rao hàng như vậy nữa, nhưng tôn-trọng Sự-Thực mà không có những tờ báo đó thuận tầm tay nên tôi sợ viết sai các ông bà thi-sĩ kiện, nên chỉ đơn cử một ví dụ trên thôi, mong quý ngài thông cảm.

Điểm đặc-biệt là các báo phụ-nữ dành rất nhiều trang quảng-cáo như thế, nào chữa tàn nhang, nào nuôi da mặt, nào làm nảy-nở bộ ngực, nào trừ được da bụng nhăn-nheo, rồi mực thời-trang, rồi phần nổi lòng thắc-mắc, tâm-sự lòng thông, để làm nơi gặp gỡ đưa tin của bậc trai tài gái sắc, và luôn luôn có tặng hình màu của ca-sĩ, minh-tinh cho quý độc-giả thân-yêu.

Có điều ngược đời này xin cũng thưa luôn : là họ càng dạy độc-giả chăm nom cho làn da bộ ngực thì làn da của độc-giả càng sợ ánh-sáng mặt trời, và những bộ ngực ngày càng thu hẹp kích thước, trái với lòng kỳ-vọng của đời bèn : người viết cũng như người đọc ! Lại không ?

Tôi xin trân-trọng thề rằng tôi không có nói ngoa, bởi sự-thực sờ-sờ ra đó : có ai thấy làn da tươi mát của ai đâu ? toàn thấy màu phấn quét lên đó chớ ! Và nếu dùng thuốc, kem bảo hạng rồi mà được như ý muốn có sao chớ nào, chớ nẩy đầy những cao-su độn ngực phơi bày và lúc nào cũng có khách hàng ? Có sao người ta phải dùng cả cao-su nội-hóa vì nhập cảng đắt và đôi khi... qua chưa kịp ?

Tôi biết rằng sự-thực mà tôi trình bày làm phật ý các bà, nhưng biết làm sao ? Đền như quý bà bắt bẻ chuyện đó can gì đến « Vai trò phụ-nữ trong công việc tốt đẹp là việc giáo-dục » mà đề-cập ! thì tôi xin mạn phép thưa luôn : rất là quan-trọng. Bởi vì ngày nay trẻ con không chỉ học ở trường mà còn học rất nhiều ở xã-hội và ở mẹ cha, nhất là ở mẹ nữa, dĩ nhiên.

Ấy thế mà hễ ra đường là thấy giả-dối, ở nhà thì thấy giả-dối, đến cô giáo cũng giả-dối, chúng còn học được sự thành-tín ở chỗ nào ? Đó là chưa kể loại sách báo trên, nó là những độc-tổ cho con trẻ và cả quý bà không ít.

Trẻ con, nhất là trẻ gái cần chi quan-tâm đến đức hạnh, công, trình ? bởi vì chỉ cần một bề ngoài cho hấp-dẫn, chỉ tô mảy cho khéo, vẽ mắt cho xinh là được lừng danh nổi tiếng kia mà !

Và theo đúng luật tự-nhiên : hễ một bèn nặng cân thì bèn kia phải không có « gam » nào, vậy chớ ngạc-nhiên khi có người kêu là phụ-nữ ngày nay sẵn-sàng đổi chữ Trinh lấy vào đồ-la khi mà các bà có ăn học, có tiền của mà còn lừa chõng ăn vụng và hạng con ông cháu cha, hạng nữ sinh ho-hớ thì coi sự đi bèn ngoại-kiểu là một điều rất ư vinh-dự !

Tình-trạng ấy nếu không quan-tâm đúng mức thì còn hòng bần chi đến giáo-dục cho nhọc sức, hoài công ?

Cho nên chúng tôi nghĩ rằng các bà không nên « nóng mặt » khi nghe ai chỉ-trích, mà chính các bà có bổn-phận phải làm sáng-sủa tinh-hình, các bà phải làm sao cho con em

và tất cả phụ-nữ thâm nhập rằng cái ĐẸP BỀ NGOÀI LÀ THỨ CHỐNG TÀN PHAI CHỚ CÓ NHỌC CÔNG TRAU-DỒI GÌN-GIỮ, rằng muốn được BÌNH-ĐẲNG với đàn ông, ta chớ có NỖ-LỆ CHO SẮC ĐẸP, mà nên lo mở-mang kiến-thức mình cũng như cảnh-tình chị em khác, giáo-dục lại hàng phụ-nữ đừng có chạy theo xa-hoa vật-chất, giúp đỡ những chị em nghèo có nghề-nghiệp làm ăn, chăm-sóc con em về Tam đức CÔNG, NGÔN, HẠNH, đừng lo chi đến đức DUNG, cái đó các cô không cần phải dạy đâu, các cô biết sớm hơn ta tưởng.

Song quan-trọng nhất và trước hết quý bà phải tỏ ra là người mẹ xứng-dáng và giúp kẻ khác làm mẹ xứng-dáng, nếu không sự dạy-dỗ sẽ trơn tuột như nước đổ lá môn thôi, đừng làm vô ích.

Phải chỉnh-đốn lại hàng ngũ giáo-chức, nếu quý vị thấy rằng nếp sống sa-đọa hợp với qui-vị thì qui vị cứ tự-do, song tốt hơn qui vị nên xoay nghề khác hợp cùng sở-thích, bởi vì qui vị làm bậy là một điều đáng trách rồi, qui vị còn cố-động cho công việc đó thành một phong-trào thì lại bậy hơn, và đáng ra quý bà phải lên tiếng về điều này hơn là tức-giận người ngoài.

Ngoài ra các bà cũng không được quên những môn ăn tinh-thần của trẻ, và của nữ giới nói chung. Quý bà phải xắn tay áo xuống bếp thì vừa, chớ đừng khoanh tay ngồi chờ ai nấu cỗ dọn lên, vô-ích. Họ sẽ vì LỢI RIÊNG của họ dọn toàn độc-tổ mà thôi.

Làm thế nào để đàn bà con gái trong mọi tầng lớp xã-hội ý-thức được rằng : MÌNH LÀ CON NGƯỜI y như nam giới, là một phần tử hữu-ích trong xã-hội và sự làm đẹp bề ngoài quá mức tức là lãng quên NHÂN-CÁCH của mình, nô-lệ cho sắc đẹp là ngấm công-nhận sự trở thành NỖ-LỆ CHO ĐÀN ÔNG vậy. Ngày xưa khi « Đứng lên gánh vác sơn-hà, Trưng Triệu há mùng chi sơn phấn ? » Vậy mà nay chúng ta lãng quên điều đó, còn hòng chi được đả ngộ xứng-dáng, ngang hàng với đàn ông ?

Các bà hãy xông ra xã-hội, nhưng xin đừng coi nhẹ gia-đình.

Nhưng trước hết và quan-trọng hơn hết là các bà phải làm gương tốt cho con em. Nếu các bà tránh trút bồn phận, lão dối trong khi cư-xử và sống xa-hoa, phóng-túng thì kết-quả trái với điều mong-ước, tôi xin nhắc lại.

Sự thật-thà đó rất cần thiết để trẻ TIN TƯỞNG và nó biểu lộ ở làn da thật và cái bộ ngực không độn cao-su của các bà mẹ thời nay.

Chớ dẫm vào đường mòn lối cũ là tung ra những bài diễn-văn, thuyết-trình dài ngoằng, dài ngoằng, vì trước nay cho ta thấy cái kinh-nghiệm đáng buồn này: những việc đó chỉ gây tiếng tăm cho cá-nhân thôi.

VIỆT THƯỜNG

KIẾN - TRUNG

464, đường Minh-Mạng (Chợ-lớn)

CHUYÊN TIỆN

- đồ phụ-tùng Vespa, Lambretta
- đồ phụ-tùng xe hơi
- đồ phụ-tùng các loại xe gắn máy (Nhật, Pháp, Đức, Ý...)

LÀM KỸ — MAU LẼ — GIÁ PHẢI CHĂNG

TAO-ĐÀN

Lắng nghe hồn nước đây

mùa xuân trong đất... trong thơ

của KIÊN-GIANG HÀ HUY-HÀ

*Gió chướng hiu-hiu lạnh
Chấm dứt mùa mưa dầm
Cá rời khỏi ao dầm
Tìm nước đường sông cái*

*Lúa trở màu vàng mơ
Miền Tây đẹp như thơ
Bông tranh chào gió chướng
Rau muống vượt lên bờ*

*Tương tư mùa gió bắc
Cây vông đồng trở bông
Ứng má hồng con gái
Đang nắng giữa đồng không*

*Lá trầu Cái Tàu Hạ
Bơi xuống xuống Hậu Giang
Ghe than từ Chác Băng
Lên Sài-Gòn bán lửa*

*Xuồng cui đầy vú sữa
Chở dừa khô Bến-Tre
Ghe Lái-Thieu, bận về
Khảm mắt đồng Châu-Đốc*

Nước mắt hôn Phú-Quốc
Chạy buồm vô đất liền
Khô gộc miền Rạch-Giá
Cưới khô thiều Hà-Tiên

Nấm rơm miền Long-Mỹ
Che dù nửa mặt trăng
Hội xuống ghe Ngã Bảy
Hát gheo duyên cô Hằng

Cớm đẹp dò Vàm Cống
Thương bánh ống Trà-Vinh
Cô gái Miên mắt đục
Mê kếp hát sân đình

Thuốc rê bến Châu-Giang
Tỏa khói mộng mơ-màng
Bay tìm hương Gò-Vấp
Hẹn kết duyên đá vàng

Xuồng Phước-Hải mình thon
Đẹp như gái một con
Hứng gió nồm, mơ ước
Làm vợ ghe Cà-Vom

Đỏ lòng dưa Cầu Đúc
Không đời trái hồng Tàu
Dưa Đai-Loan, dưa Mỹ
Để sánh thờ mảng cầu

Nón bài ca xứ Huế
Mang tình gái cổ đô
Gởi vô miền cuối Việt
Phao cầu kết duyên tơ

Hải đăng chào hải yến
Tìm cánh nhạn Gò-Công
Muối Bạc-Liêu mặn nồng
Thường về sân Bà-Rịa

Hương trầm đỉnh Trường-Sơn
Về Nam tìm khói rơm
Vượt Hải-Vân, đèo cả
Khói nào cũng thơm-thơm

Đôi đèn trao sính lễ
Xe bằng sáp mật ong
Đêm hoa chúc động phòng
Hương trầm thơm chần gối

Rễ đước bám phù-sa
Cho đất bồi ra xa
Bờ bãi thành rừng mắm
Đất biển mình bao-la

Khói cơm chiều bày cao
Vương vấn quanh lò gốm
Thâm-tình trong ca-đạo
Chảy hoài theo nước lớn

Trong đất, mùa xuân luôn mở hội
Cho ngàn hoa máu, nở vô-danh
Đất làm thịt nạc ôm xương cốt
Là nước Việt-Nam : Tổ-quốc mình

Từ mặt đất, bàn chân đứng dậy
Từ khi tiếng khóc mới tu oa
Sữa là máu đất, cơm là thịt
Nước Việt-Nam này : Đất nước ta

Ngàn trang chưa viết hết tình ca
Tình núi, tình sông, tình cỏ hoa
Nghèo đói vẫn làm thơ chúc Tết
Nửa khuya, nghe máu ói trào ra

Máu họng trào ra hòa máu đất
Mùa xuân trong đất nở không mùa
Ngày mai ta chết, xin chôn cất
Giữa đất quê hương, dưới bóng dừa

Kiên-giang HÀ HUY-HÀ

bóng-dáng thời-gian

Cuốn phim khói lửa

CÂU - CHUYỆN KHÔNG TÊN

● *Truyện ngắn của MINH-QUÂN*

Không! quả là không bao giờ tôi có thể tưởng tượng, có thể tin rằng Thân chết thật. Nó quá trẻ, quá hiền lành, quá đứng đắn... mà trên vai lại đầy trách-nhiệm. Dĩ nhiên trước sau chi rồi con người cũng xuôi tay nhắm mắt trở về cùng lòng đất, nhưng tôi cứ nghĩ một cách tức tối rằng: tại sao Thân lại chết đột-ngột, bất-ngờ, vô-lý đến như vậy? chết trong khi mới 26 tuổi đầu, cũng « vào đời » trong lúc các bạn khác đang còn vô-tr, vui-vẻ hay trốn tránh không chịu nhận trách-nhiệm trước cuộc đời. Làm sao Thân lại có thể chết trong lúc mẹ già đang cần nhờ, bảy em đại vẫn còn nương tựa vào Thân, ba con chưa một đứa lên năm và đứa con thứ bốn mà vợ Thân, một người đàn bà ốm yếu cả về mặt thể-chất lẫn tinh-thần, sắp sửa khai-sinh.

Thân vốn là bạn thân của em trai tôi từ lúc còn ở bậc tiểu học. Đạo đó, trung bình tôi gặp Thân ngày một lần, có khi hai. Từ khi vào trung học thì ít hơn. Lúc Thân vào học ở Sài-gòn thì mỗi năm chỉ đến nhà tôi một lần vào dịp hè, cỡ một tháng có khi hơn. Đạo đó tôi còn ở một thành phố vùng biển. Tắm biển với chị em tôi, chơi với các cháu, chụp một ít hình làm kỷ-niệm rồi về. Thân rất ít nói, chỉ cười, mà cũng không bao giờ cười to như các em tôi.

Trong những cuộc tranh luận giữa mấy chị em, Thân đứng ngoài không bao giờ góp ý, thỉnh thoảng thấy hai đối thủ có vẻ quá căng, Thân nhắc:

— Gì mà căng dữ vậy? nóng chi dữ vậy...

Làm cho mỗi người thấy sự vô-lý của mình — vì thật ra cuộc bàn cãi có gì là quan trọng đâu: khi thì là một câu gì trong sách, một cá nhân nào đó có lời nói hay hành-động hơi khác người một chút mà lũ em tôi đưa thì khen, đưa thì chê; khi thì các cậu tú đơn tú kép đó thảo-luận sôi-nổi về « sự phi-lý của cuộc đời » hoặc cho rằng « đời vô-nghĩa, trách-nhiệm là gì, thiện ác mà chi, tất thấy đều vô-lý tuốt » và bị tôi lên tiếng rầy rà, khiển trách — cũng may, Thân là một trọng-tài hiền-lành không phạt ý một ai, và cả bọn đều nhận thấy mùa hè ngắn-ngủi, chỉ gặp chị trong một tháng không nên cãi-cọ, mất hòa khí đi.

Tuy nhiên, các em tôi vẫn không ngớt chê Thân là « người không có chút sáng-kiến » cứ lặp lại những gì trong sách, cứ đi theo con đường vạch sẵn, không dám làm « cách mạng » — Xin hiểu cách-mạng đây có nghĩa là dám tiêu trọn tiền cơm cả tháng trong mười ngày, không dám ghé vào phòng trà ở mấy đường Lê-Lợi, Tự-do vài lần dù đã ra trường và đã vợ con đang-hoàng như bao đồng-nghiep khác.

Chẳng bao giờ Thân tỏ vẻ phạt ý vì những lời chỉ trích đó.

Nó thường mang tặng tôi những cuốn sách mà tôi dặn đi dặn lại các em mua cho nhưng các cậu ảm viện có là bạn học không có thì giờ đi tìm hay là « tìm hoài mà không thấy ». Thân không bao giờ nói chuyện nhiều với tôi nhưng một tác-giả nào tôi ra, Thân đều biết.

Thân vẫn giữ lệ mỗi năm đến nhà tôi vào dịp hè sau khi ra trường và cả khi có vợ con rồi.

Ít lâu sau, cha Thân mất. Lúc đó Thân đang dạy ở một tỉnh vùng cao-nguyên bèn xin đổi về tỉnh nhà và may

sao, được chấp-thuận. Tôi rất quý mến Thân vì nó chưa bao giờ than khổ-nhọc, sợ trách-nhiệm như những thanh-niên khác, Thân là một người con có hiếu, một người anh tốt, một người chồng và là cha hiền. Ở trường, học-trò rất thương mến ông thầy trẻ đó.



Một hôm tôi đang ngồi may áo thì nghe tiếng động ở ngoài ngõ, nhìn ra : Thân mồ hôi đầm áo, tay xách một cái xách gọn đang lúi-húi mở chốt cửa ngoài. Tôi ngạc-nhiên hỏi :

— Em vào có việc gì ? đang niên-khóa mà ?

— Em được gọi đi Thủ-Đức, thưa chị.

— Trời đất ! em đi lính làm sao được ?

Tôi nửa đùa nửa thật nói với Thân. Nhà giáo cũng cười, nói :

— Sao không được chị ? khối đũa còn nhẹ cân hơn em mà cũng... em chỉ sợ...

— Sợ chết hẳn ?

— Đâu có, chị ; em chỉ sợ không đủ lương cho mọi người ở nhà...

Tôi làm một con tính rất nhanh : một vợ, ba con, bảy em và mẹ ! đó : chừng đó người đều trông cậy có một mình Thân. Vậy mà nó phải đi lính, mà đi lính lúc này... Tôi vội vàng xua ngay những tưởng-tượng mới chớm trong đầu, bảo Thân :

— Không sao, hình như những sinh-viên như em đều được lãnh lương sai biệt...

Trong những tháng đầu học tập, Thân thường viết thư cho tôi kể chuyện học tập khổ-nhọc — lần đầu tôi thấy Thân kêu khổ-nhọc — và nơm-nớp sợ không được lãnh lương kịp gọi về cho mẹ và vợ ở nhà. Thân ao ước được chúng tôi lên dự lễ hôm gần Alpha để nhân tiện được chúng tôi đón về nhà chơi.

Song tôi, hôm đó đang bị nhà tôi rầy về một cậu em công-tử nên vừa bực mình, vừa buồn không muốn nói.

Tôi rất ghét phải nghe thế này : « ừ chào ! mấy ông em công-tử của mợ lúc nào cũng... » (từ lâu, nhà tôi quen coi Thân như em trong nhà) song tôi không muốn anh ấy liệt Thân vào các công-tử chút nào, tôi cho đó là một sự « xếp hàng » rất bất-công.

Còn hai hôm nữa là đến ngày lễ gần Alpha. Thân gọi về chúng tôi giấy mời của trường. Nhà tôi cầm giấy lên, hỏi tôi :

— Thế nào ? mợ có định đi không ?

— Tùy ý anh.

Tôi đáp gọn, may thay anh vui-vẻ nói :

— Mình phải đi chứ ! lên dự lễ cho Thân nó vui, nhà nó xa, trong này đâu có ai. Với lại mình có lên đón, có xe, người ta mới cho về ngay, còn không phải đợi đến sáng hôm sau nhà trường mới có xe cho xuống Sài-Gòn.

Tôi mừng lắm vì thấy nhà tôi quên câu : « các công-tử » cố hữu của anh.

Sau ngày gần Alpha, Thân thường về Saigon vào chiều thứ bảy. Mỗi ngày, nó có vẻ rảnh-rỗi hơn lên, các thư từ không kêu than nhưng thỉnh-thoảng tỏ ý lo vì ở xa, không ai chăm-sóc các em sợ chúng dễ hư đi.

Đêm quân đội đảo chính nhà Ngô, tôi thức trọn đêm vì lo-ngại cho tính-mạng Thân. Ai lại vặn radiô thì nghe càng về khuya càng nhiều quân trường lên tiếng theo phe cách-mạng, riêng quân trường Thủ-Đức vẫn chưa tỏ thái-độ.

Mãi đến năm giờ sáng tôi mới nghe loan tin quân trường Thủ-Đức đã ngã theo cách-mạng, mừng quá tôi vội-vàng qua phòng bên đánh thức em tôi báo tin để cho nó biết, thế mà nó vẫn âm ừ, làm như quên phắt bạn thân mình đang ở trong trường.

Mấy hôm sau, Thân về Saigon, chị em tôi được dịp nghe Thân kể ở trong trường các cậu lo sợ làm sao, sự chống-đối ra sao, em tôi nói :

— Cậu dài số đấy! đêm đó chị lo cho cậu quá, thức cả đêm mãi đến khi nghe tin trường cậu theo quân cách-mạng chị mới đi ngủ đấy.

Những ngày đó là những ngày vui không chỉ của riêng Thân mà ngay cả chị em tôi. Thân cắt-nghĩa cho tôi biết nghĩa bốn chữ « cư an tư nguy » trên vai áo và chuyện những ông đầu bò trong quân trường ra sao, chúng tôi cười lẫn ra.

Song còn một tuần sau cùng sắp ra trường thì Thân bỗng đứng buồn rữ.

Đó là lần đầu Thân nói chuyện nhiều với tôi. « Em thấy sợ » giọng Thân rầu rầu. Tôi cố tìm lời an-ủi Thân.

— Nếu em thoát được lần này thì em sẽ được về phép trọn một tuần, vợ em sắp sinh...

— Thoát? em nói nghe như là người « vào sinh ra tử » nhiều rồi vậy... sao bỗng nhiên tinh-thần cậu lại xuống đến mức đó?

Vẫn bằng giọng rầu rầu ấy, Thân kể cho tôi nghe cái chết bất ngờ của mấy người bạn đồng khóa hôm rồi, chuyện đổi phương đột nhập sau quân trường hạ sát một sĩ quan khóa trước và cả chuyện đoàn xe của Thân đi tập bị mìn...

— Còn đúng một tuần nữa em mãi khóa?

Tôi cố gọi chuyện. Thân trả lời.

— Vàng! đúng một tuần. Chiều thứ bảy em sẽ ghé qua ngủ lại nhà chị một đêm, sáng sớm ra xe đồ...



Trưa thứ sáu, sau bữa cơm lũ trẻ đã lên gác. Tôi đang cúi-húi đánh răng ở ngoài sân thì nghe tiếng xe nổ rền và

đỗ xích trước nhà, thốt nhiên tôi thấy lòng hồi hộp lạ lùng, tiếp đó tiếng gõ cửa vàng lên cấp-bách làm tôi càng lo hơn, vội-vàng đi lên.

Trông thấy bộ quân phục thấp thoáng trước hiên, tôi lại càng kinh hoảng (Thân không bao giờ gõ cửa, mỗi bận về, nó đi vòng ngõ sau hay gọi tên các cháu, hoặc réo : « Chị ơi ! », còn khi nào không về được thì viết thư vào ngày thứ bảy, nhờ một bạn được ra mang lại, thế mà hôm nay mới thứ sáu lại có người về, rõ là chuyện bất thường rồi). Tôi nghe một lần lạnh buốt chạy dài theo sống lưng, run tay cho đến mở hoài không xong cái khóa, tuy nhiên cứ cố trấn an : không có lý, không có lý nào...

— Thưa bà, bà là thân nhân anh Thân, bà là...

— Có chuyện gì? nó bị thương?

Tôi hỏi dồn không nghĩ đến trả lời. Người sinh-viên trước mặt tôi thấp giọng xuống :

— Thưa bà, anh ấy chết rồi!

Chết rồi! Tôi lão-đảo đứng dựa vào bức tường, tay nắm chặt cái bàn chải răng sững sờ không thốt được một lời. Người sinh-viên tiếp :

— Quân trường đã đánh điện về quê anh ấy và khi lục tìm những di-vật của anh thì biết rằng anh có một người chị ở đây, chúng tôi lại báo tin. Thưa bà, chúng tôi...

Trông bộ dạng tôi, người thứ hai từ phía sau bước đến :

— Vàng, bất ngờ quá, thưa bà! anh em chúng tôi ai cũng...

— Xin phép bà, chúng tôi còn phải báo tin cho những gia-đình khác, xin chào bà.

Và họ buồn bã bước lên xe, tôi sực tỉnh chạy theo :

— Xin hai ông cho biết xác em tôi... tôi có thể đến trường thăm không?

— Thưa bà, xác anh hiện nằm trên Cộng-Hòa, quân y viện Cộng-Hòa...

— Cảm ơn hai ông, tôi sẽ...

Nhưng khi họ khuất rồi, tôi bối-rối không biết « tôi sẽ » làm gì, tôi chưa biết Cộng-Hòa nằm đâu và nhà tôi thì chiều bận một cuộc họp và ăn luôn tại đó không về nhà, anh đã có nói trước khi đi làm, lúc sáng.

Tôi không khóc được, tin đó đến quá bất-ngờ, quá đột-ngột làm tôi lặng người đi. Tôi không thể đợi đến tối, không thể nằm nghỉ hay ngồi yên được, tôi sức nhớ đến hai em tôi và mặc áo gọi xe đến báo tin cho chúng biết.

Đưa nào cũng kêu lên « vô-ly », « vô-ly » và tôi cũng kêu theo. Em trai tôi nói :

— Em có hai giờ học, cỡ năm giờ chiều em mới rảnh, nếu chị muốn thì chị em mình đến thăm xác Thân một chút.

Em tôi đi rồi, tôi thất-thều trở về, sống với chết sao mà nhanh-chóng quá, lạ-làng quá đến như vậy, hờ trời ? Kỳ quái một cái là tôi không thấy thương người chết mà cứ bị ray-rút về những người còn lại : mẹ Thân sẽ ra sao ? vợ Thân sẽ ra sao ? lũ trẻ, con và em Thân sẽ ra sao ? rồi tôi lan-man nhớ đến những người trạc tuổi Thân, đồng-nghiep cùng Thân, đã nhờ thân thể hay tiền bạc mà khò vào quân ngũ, tôi nghĩ... tôi nghĩ... đến như thế đâu.

Tôi vợ một tờ báo nhưng không đọc được chữ nào, vợ cuốn sách rồi lại buông xuống, ruột gan như có lửa nung, lo sợ vu-vơ đủ chuyện.

Nhưng sau cùng em tôi cũng đến, đón tôi lên bệnh-viện Cộng-hòa thăm xác Thân. Ngồi trên xe tôi cứ nhấp-nhôm hỏi chừng và khi xe vừa đỗ xuống là tôi nong-nả vào trong. Người gác cổng chặn chúng tôi lại hỏi, khi nghe lý-do, liền đưa chị em tôi vào một bàn giấy. Trên một bàn nhỏ, một quân-nhân ngồi tay cầm cây bút nguyên-tử

đỏ đang dò-dẫm trước một trang giấy chi chít những tên. Anh ta đọc lên :

— Nguyễn văn Thân, à ! để coi Nguyễn văn Thân... Nguyễn... chết hay bị thương ?

Không hiểu tại sao tận lúc đó mà tôi còn nuôi cái hy vọng rất hảo-huyền là : Thân không chết, nó chỉ bị thương... người đem tin lầm.

Anh ta lẩm-nhẩm một lát rồi ngẩng phắt lên trả lời tôi dứt-khoát :

— Không ! chết rồi, ảnh chết rồi, không có bị thương.

— Tôi muốn thăm xác em tôi.

Tôi nói như cái máy, như có một người nào trong tôi nói câu đó chớ không phải chính tôi, tôi nghe tiếng nói đó rất lạ, như của một người lạ...

— Mời bà đi theo ngã này, đến thẳng chỗ bồn hoa kia rồi rẽ tay trái, đoạn cứ đi thẳng là đến nhà xác.

Chị em tôi đi theo lối của người lính chỉ. Nhưng khi đến nơi thì người ta hẹn đến mai sẽ cho thăm. Tôi đứng nguyên chỗ, kỳ kèo.

— Bà có nhận xác không ?

— Tôi muốn được thăm trước đã...

— Không được ! phòng lạnh, ra vô hoài « hư hết ba cái xác », ai muốn thăm thì chờ sáng mai, khi liệm hẳn thăm, trừ khi muốn nhận về nhà thì không kè.

— Tôi là chị người chết, tôi xin được thăm, và tôi sẽ đứng đây cho đến lúc nào tôi được vào đó.

— Bà này... thôi được ! bà lại đặng kia, nói sao với ông già giữ chìa khóa hễ ông cho là được.

Tôi sắp ngã chạy lại chỗ ông già giữ chìa khóa, nhưng khi ông bằng lòng giao cho tôi cái chìa khóa thì lại bị ngăn bằng ba tiếng : « hết giờ rồi ». Tôi cúi gập hết sức chỉ

muốn gậy gỗ lên, song chợt thấy đằng xa đi lại phía tôi một đồng ngũ và vốn là đồng hương của Thân. Gặp tôi, cậu ta có vẻ mừng và tôi cũng mừng không kém. Cậu khuyên tôi :

— Chị không nên nóng giận, ngày mai chị sẽ được thăm Thân. Không biết gia-đình Thân tính sao ? Có định đem xác Thân về quê không ? tai-nạn bất-ngờ chớ nào đã chiến-đấu cho cam ? Tụi em đang tập...

— Bao nhiêu người chết, anh ?

Một thanh niên đứng cạnh tôi hỏi chen vào.

— Cả thầy 7 anh, mà ba bốn anh là nhà giáo... cùng quê với tôi có hai người : Thân và H.

Người sinh-viên chưa dứt lời thì hai chiếc xe nhà nôi đui nhau chạy về hướng nhà xác, trên có mấy tràng hoa tím.

Một người cất giọng mỉa-mai :

— Chết mà cũng phân giai-cấp ! đời thế đấy ! Thân thì nằm trong nhà xác với mấy thằng nghèo, còn... ông bạn giàu thì từ trưa đến giờ không biết bao nhiêu người phúng viếng, toàn xe chính-phủ !

Đội người thanh niên đi khuất tôi mới hỏi bạn của Thân điều muốn hỏi từ đầu :

— Em có thấy Thân chưa ?

— Chính em đứng bên cạnh nó khi nó bị mà. Chính em bồng nó lên, máu vấy khắp người em. Tội nghiệp ! vợ nó sinh chưa hở chị ?

— Cũng sắp, chị chỉ nghe Thân nói thế tuần rồi.

— Khốn khổ, mẹ già, em đại, vợ... à ! chị chưa trả lời em : ngoài đó tính sao ?

— Chị không biết...

— Hay là chị bàn với mẹ Thân và vợ Thân chôn nó ở đây cho tiện ? đem về làm gì tốn kém, nhà nghèo... chị

nghĩ sao ? Chôn ở đây có nghĩa-địa quân-đội đó, và tiện cái là chính-phủ lo hết, chị nên nghe em...

Một thoáng rất nhanh tôi nghĩ đến gia cảnh Thân và cảm thấy lời đó rất chí lý, song tôi không có quyền quyết-định, vì tôi lấy danh-nghĩa nào được bây giờ ? tôi chỉ là một người chị hờ của Thân mà thôi. May thay lúc đó em trai Thân cũng vừa lên tới. Cậu là một giáo sinh. Tôi đem chuyện đó bàn và cậu lại nói xuôi theo :

— Em chẳng biết thế nào, tùy chị, chị cũng như chị ruột tụi em.

— Chị nghĩ đến sự vất-vả nếu mang xác Thân về quê, mẹ em thì già còn chị dâu em... chị muốn tránh cho hai người đàn bà đó... Nếu em bằng lòng thì chị sẽ tính lại với anh, chị không ngại gì nhưng chỉ e mẹ em có trách-móc gì không, thế thôi.

— Vẽ chuyện. Chị đừng nghĩ chuyện đó. Cốt cho anh ấy yên thân.

Ba chị em cùng về. Đêm đó tôi hết sức thuyết-phục nhà tôi, anh cứ sợ gia-đình Thân bắt lỗi thôi, nhưng sau cùng anh bằng lòng lên nhà thương lo giúp, vì tôi cam đoan là không ai trách cứ chị.

Trọn một đêm, tôi cứ chập-chờn cố tưởng-tượng đến cái chết của Thân song vô-ích, tôi chỉ thấy, mỗi khi tôi chợp mắt đi một tí, cái bộ đi hơi rớn ngực về phía trước của Thân, giọng nói hiền-hòa của Thân, nụ cười kín-đáo của Thân và cứ thế, người chết lừng-lững ra, vào, lên, xuống như lúc sống. Tôi nhớ cả những giòng chữ trong mấy cuốn sách Thân mua tặng tôi, những lá thư Thân gửi cho tôi và nhớ nhất là cái lần Thân tặng tôi cuốn lịch 1964 của quân trường Thủ-đức bìa đỏ chói, cuốn lịch đó, tôi cứ tưởng nhà trường tặng cho sinh-viên nên vui-vẻ nhận nhưng khi được biết Thân bỏ tiền túi ra mua thì tôi tỏ ý không bằng lòng, bảo :

— Chị không muốn em phi tiền như thế.

Thân có vẻ phật ý, lần thứ nhất Thân cãi lại tôi :

— Chị đã bao giờ thấy em phi tiền chưa ? Em muốn tặng chị một cuốn lịch vậy mà chị cũng...

Tôi vội vàng nói :

— Không, chị nghe nói trong trường bán cái gì cũng đắt lắm, nên muốn em để dành tiền...

Đêm nay như dài hơn những đêm qua, tôi cứ thao-thức, nhớ... nhớ và mỗi lúc chớp mắt một chút thì thấy Thân lững-thững ra vào, tuyệt-nhiên không thể thấy được cái chết thảm-khốc mà người bạn kể ban chiều, tuy tôi mong rằng mình sẽ tưởng-tượng được một phần sự thật.

Đêm sao dài quá, tôi chỉ nòn nóng mong chóng sáng.

Rồi tôi lại nghĩ đến vóc dáng mảnh mai của vợ Thân, đến một bà mẹ quê mùa chất-phác và tôi thấy chán-nản dâng ngập lòng tôi.



— Mợ ở nhà, để tôi lên đó lo cho, đàn bà lên đó làm chi.

Giọng nhà tôi như truyền lệnh. Tôi đành cởi cái áo dài đen ra, quay xuống, song không hiểu sao nhà tôi lại đổi ý :

— Được rồi, nếu mợ muốn nhìn mặt nó một lần...

Tôi lại mặc áo vào, theo anh ấy lên xe.

Trong lúc nhà tôi tất tả tìm gặp ông này, ông khác, văn phòng nọ, bàn giấy kia thì tôi với em trai Thân chỉ ngồi chờ đến giờ liệm mà nhìn mặt, chẳng giúp được chi. Chờ mỗi tôi đưa mắt quan-sát chung quanh.

Trước hiên nhà xác một cái áo quan bằng gỗ đánh vẹt-ni bóng loáng có phủ tấm hàng đỏ, trên cắm một hàng nến trắng. Quá phía trong, một cái bàn thờ trên có đặt hình bán thân của người quá cố, khói hương thoang thoảng, hai vòng hoa trắng và ba tràng hoa tím dựng dọc theo bộ ngựa

kê áo quan. Từng chiếc xe, công có, tư có liên tiếp vào phúng diếu. Người ta cho tôi biết người chết là bạn đồng ngũ của Thân, một giáo-sư trung-học, nhà nhận xác chôn riêng, bình như trừ người này và một người nữa còn thì tất cả đều giao cho « chính-phủ ». « Ai ở xa mà muốn đưa về, chính-phủ cũng bằng lòng. » Nghe được câu sau cùng tôi lập-tức tìm gặp nhà tôi và đưa đề-nghị ấy ra bàn. Bởi tôi nghĩ rằng được chôn ở quê nhà là điều ai cũng muốn, trừ khi tốn kém không làm được. Nhà tôi lại tất tả chạy đi. Một lát sau, tôi được nhà tôi cho hay là điều thỉnh-cầu được nhận. Viên sĩ-quan phụ-trách việc đó cho tôi biết rằng chúng tôi không tốn một phí khoản nào, ngay cả phí khoản mua áo quan cho người chết. Nhưng yêu-cầu có người theo xác dọc đường. Chuyện đó thì chẳng khó-khăn chi, em Thân cùng theo xác vậy.

Nói là 10 giờ sáng liệm xác nhưng hơn 10 giờ vẫn chưa rục-rịch, tôi nóng ruột một hai nhất-định xin mở cửa nhà xác vô thăm. Qua hai lần cửa, chúng tôi đứng trước một cái xác còng queo, tím ngắt, người chết bị lột trần chỉ còn có chiếc quần đùi sọc xanh, tay chân nguyên- vẹn nhưng mất hẳn đi một phần mặt và cổ phía trái, hám dưới chỉ còn một bên, mắt nhắm kín nhưng mặt thì hơi ngẩng lên, máu khô, đông cứng lại. Một mùi máu tanh nồng bốc lên, không phải do từ xác Thân mà những xác bên trong, nhưng tôi không đủ can-đảm nhìn ai cả. Trông Thân nhỏ hơn, gầy hơn khi sống. Tôi nhìn đăm đăm lên cái xác vô-tri đó và thi-thầm không thành tiếng : « Vĩnh-biệt em ». Cái ý tưởng không nên để cho mẹ Thân và vợ Thân thấy cảnh này càng làm tôi thấy nên liệm sớm phút nào càng hay. Song vẫn không làm được, vì phải đợi...

Chúng tôi trở ra. Dầu sao, tôi quyết chờ đến khi liệm xong mới trở về.

Những chiếc xe Jeep liên tiếp ngừng trước cửa nhà xác và chuyen nhau những băng-ca phủ kín từ đầu đến

chân, có cái như phủ trên một đồng giẻ lau, không dầu không chân chi nữa. Tôi bắt đầu hoảng sợ.

Một người đàn bà bế nách con, ngồi bệch dưới gốc cây tỉ-tê kêu khóc. Chị kể lể làm tôi nghe đến bực mình. Rồi bà cụ ăn mặc nom sang trọng từ đâu sà tới trước cái áo quan có đèn hương và những vòng hoa sang-trọng cất tiếng khóc con nảo-nuột. Thỉnh thoảng giọng bà ráo hoảnh trong những lời chưởi bới thật đanh đá, chua cay. Bà đòi đèn con (!) bà chưởi... chưởi... bỗng có tiếng « xuyt, xuyt » ra hiệu của một kẻ nào đó và người ta được biết Thiếu-tướng Chỉ-huy trưởng Quân-trường đến viếng xác các sinh-viên tử nạn.

Bà cụ già ngừng chưởi bới, thiếu phụ cũng ngừng khóc để đón người khách quý. Thiếu-tướng đến trước bàn thờ ngỏ lời phân ưu cùng tang quyến, tôi nhân cơ-hội đó nói với nhà tôi nhờ ông can-thiệp để Thân được liệm ngay cho. Cùng một lúc tôi giục ông cụ già cha của một nạn nhân khác dẫu từ miền Trung tiếp lời với nhà tôi, viện cớ rằng phải liệm xong để chiều mang về nhà ga cho lên toa kíp chuyển tàu đêm đó. Nhà tôi còn do-dự thì tôi nói :

— Anh nói liền đi, chớ không đến tối cũng chưa liệm cho mà xem.

— Thế nào trong ngày nay cũng liệm xong, thúc-giục cái gì ?

— Nhưng nếu không giục họ nhanh lên thì chốc nữa mẹ Thân vào, tôi không muốn để bà ấy thấy thi-thể con bà như vậy, tội-nghiệp người ta ! biết chừng còn có cả vợ nó...

Nghe thế nhà tôi dậm cuống, anh cũng không muốn cho hai người đó thấy xác Thân như tôi, và anh đi thẳng đến trước Thiếu-tướng, tôi thở dài nhẹ-nhõm trong lòng.

Nhờ sự can-thiệp của Thiếu-tướng, tôi thấy ông Trung-úy lại xách cặp chạy và không quên lời cả nhà tôi theo, trước khi lên tiếng ời gọi một vài ông dưới quyền chia cắt công việc chi đó.

Thiếu-tướng lững-thững đi dưới bóng cây trở lại xe, nhưng ông chưa đến nơi thì tự đứng người đàn bà khóc bên gốc cây nhảy xổ đến, hung-hãn như chực xé ông ra, như ông là thủ-phạm giết chồng mình. Chị ta xĩa xối vào mặt con người hiền-lành đó và tôi thấy ông đứng nghe một cách kiên-nhẫn. Khi chị ta dứt lời, ông ôn-tồn an-ủi chi đó và móc ví lấy ra một xấp giấy bạc dày cộm dúi vào tay chị. Người đàn bà lấy tay áo quét nước mắt, ngần-ngừ hồi lâu mới nhận tiền, lí-nhí cảm ơn.

Tôi thở dài một cái.

Song người đàn bà bỗng hối-hận về hành-động của mình, chị chạy theo sau lưng Thiếu-Tướng gọi giạt lại :

— Nè ông, tôi không có thêm tiền của ông đâu ! trả chồng tôi lại đây, mau !

Thiếu-tướng quay lại, ngạc nhiên :

— Kia chị... chị phải biết điều một chút...

Chị đàn bà gầm lên :

— Hả ? ông nói cái gì ? ai biết điều ? biếu ai biết điều ? coi chừng, đừng có ý tiền ! tôi trả lại ông.

— Nay chị, tôi không phải là cấp trên của chồng chị, anh ấy ở binh-chủng khác. Tôi ở trên Thủ-đức, chị nghe ra chưa ?

Vài tiếng cười rộ lên làm người đàn bà bẽn-lẽn, song Thiếu-tướng vẫn ôn-tồn tiếp :

— Tôi biết chị khổ lắm, ai mà không khổ khi mất một thân nhân ? tôi giúp chị là vì muốn giúp chớ nào tôi có biết mặt mũi anh ấy ra sao mà chị làm dữ với tôi, cho dẫu chị tìm ra cấp chỉ-huy của anh ấy đi nữa, cũng không sao làm cho chồng chị sống lại. Hãy nghe tôi, nhen ầm cháu về kéo nằng, nó bịnh giờ.

— Không cần bịnh, chết thôi !

Thiếu-tướng nở một nụ cười gượng-gạo lên xe, bỏ mặc chị đàn bà ngoan-cổ.

Chị ta nhìn theo :

— Hừ ! binh-chúng khác !

Nói xong, chị nhặt tiền lên cho vào túi áo cài kim cẩn-thận và tiếp tục...

Tôi đứng lặng phi cười trước màn bi hài kịch diễn ra quá nhanh trước mắt.

Một tiếng động nghe « bịch » sau lưng, tôi vừa quay lại thì cũng vừa thoáng thấy một đôi giày nhà binh bay qua khung cửa sổ, đôi giày vấy máu của một quân-nhân, xác còn đặt trên băng ca, phủ kín bằng chiếc mền len màu nâu sẫm, chưa được mang vào nhà xác, vì còn chờ liệt xác Thân và mấy người kia, chốc chốc mở cửa ra vô hoài « hư hết ba cái xác » !

Tôi nhìn đăm đăm vào xác chết : mền vẫn còn được phủ thân trên, nhưng hai ống chân thì bày ra, tái ngắt và trần trụi, kẻ gian không chừa cả đôi tất của nạn nhân !

Tôi thoát hoa mắt lên song vẫn còn kịp thấy loang-loáng bên thanh cửa sổ một bóng người xuất hiện ! Và tôi chợt hiểu tại sao xác Thân chỉ còn độc chiếc quần đùi !

Nhưng không phải chỉ có chừng đó đâu, trời ạ ! Từ cổng sau, một chiếc xe nhà binh, thứ lớn, lừ lừ xông tới, nhả xuống thêm cái xác nữa. Người đàn bà tê-tái nhảy theo cái xác. Chị không nguyên rửa, chườm bó mà chỉ nức lên từng hồi trong tiếng khóc. Tôi thoáng nghe : « Anh ấy ở đơn vị nào, hả chị ? ».

Người đàn bà không trả lời câu hỏi mà chỉ gục lên chiếc mền len phủ ngoài xác chồnh khóc, khóc, khóc như chưa bao giờ được khóc. Tiếng khóc chị mới thê-thảm làm sao : nó như những giọt mưa đông dai dẳng, dai dẳng xoi mòn những lớp phù sa trong lòng đất, làm mũi lòng cả những kẻ gan-góc coi cái chết chẳng khác trò đùa...

— Gớm cái nhà chị này, khóc chi mà khóc không biết mỗi !

Ông già có người con trai tử nạn cùng với Thân có vẻ bực-bội kêu lên. Nhà chị đàn bà hung-hãn — gậy gộc với ông Thiếu-tướng vừa rồi — mon-men lại gần người khóc tò-mò hỏi :

— Nè ! sao không giở mặt anh ra coi ?

Như bị mũi dao khơi động đến vết thương, chị đàn bà nghe thế lại càng khóc dữ. Một lát sau cơn nức-nở qua, chị mới ngẩng lên thi-thào chi đó với người bạn « đồng cảnh ngộ » và hình như những lời đó lại chạm đến nỗi đau không cùng của chị nên chị rũ xuống một lần nữa, gào lên...

Còn chị đàn bà hung-hãn kia thì nom có vẻ như sung-sướng lắm : bởi chị ta đã khám phá ra điều bí-mật vô cùng quan-trọng.

Chị tè tái rảo bước lại gần chúng tôi, vênh mặt lên, the-thế nói :

— Các ông các bà có biết không ? ai từng đời... đời thuở nhà ai người ta chết rồi mà « tụi chó chết » cũng không tha : nó lột áo, lột quần, lấy hết giày da, đồng hồ rồi còn (chị thấp giọng xuống, nhưng gần mạnh từng tiếng) cạy miệng người ta ra gỡ luôn hai cái răng vàng !

Vài tiếng tặc lưỡi nổi lên như tuồng phần nộ vì hành-động của « quân chó chết ». Chị đàn bà coi bộ vừa ý lắm, chị dừng lại ngang đó để từng lời mình tác-động thấm-thía đến mọi lỗ tai, rồi lại tiếp :

— Tội nghiệp ! làm « con mẽ » không biết xác nào là xác chồnh mình, mấy người tính : mặt mày trầy trụa hết, nhìn sao ra ? chỉ mới vạch miệng từng cái xác tìm hai cái răng vàng làm bằng chứng... thì hồng thấy răng vàng...

Vài tiếng cười rúc-rích nổi lên, chị đàn bà đợi tiếng cười dứt mới kể cà kể tiếp :

— Chẳng là khi nghe tin chồnh chết chỉ quỳnh quáng đầu có nhớ gì, tất tả a đại tới bạ cái xác nào cũng ôm mà khóc, tới chừng tỉnh trí thì...

— Rồi làm sao chị ta nhìn được chồng mình ?

— Ủ, làm sao nhìn được trong những cái xác trầy trụa cả mặt mày kia chứ ?

— May sao lúc đó chị ta tỉnh trí lại được mới nhớ ra chồng mình có xăm trên cánh tay trái một cái hình con « cơ » bị mũi tên xuyên qua chính giữa...

— Chắc gì ? biết bao nhiêu người xăm như vậy trên tay ? bộ mình chồng chị ấy ?

Nhiều giọng tò-mò rất là sốt-sắng lại nổi lên như lần trước — làm y như người đàn bà này mới chính là vợ nạn-nhân, thông thuộc hết những điều góc ngách vừa kể vậy. Quả nhiên, mọi người được hài lòng về sự hiểu biết của chị ta, chị ta « hứ » lên một tiếng mà rằng :

— Chớ sao, ai không biết điều đó, nhưng mà không phải ai cũng xăm con « cơ » trên cánh mà còn xăm thêm hàng chữ...

— Ê ! coi chừng nói bậy, cái đó là trái tim chớ không phải con cơ, trái tim là biểu hiệu của ái-tình, chị làm rồi đó...

Chị đàn bà trừng mắt lên vì bị phá đám :

— Ủ, thì trái tim hay con cơ mắc mớ gì tới « cha » không ? người ta đang nói chuyện, « xía » vô chi vậy ? hả ?

Một người tỏ vẻ nôn-nóng, giảng hòa :

— Thôi chị, hơi đâu, chị nói làm sao chị kia biết chồng mình, tui này muốn...

— Á ! tại nhờ hàng chữ...

— Hàng chữ ?

Hàng chữ nói gì ở trông ? chữ tây hay chữ tàu ? hả chị ?

Lại có người phá đám. Nhưng lần này chị đàn bà không thêm đề ý, chỉ nguyệt một cái, nhìn ngay người hỏi tiết lộ điều quan-trọng :

— Hàng chữ xăm ngay phía dưới con cơ như vậy nè : « Nàng thê phận gái chữ Tòng ». Đó, nhờ vậy mà con mẹ nhận được xác chồng mình đó, hiểu chưa ?

Lại một hồi cười rộ lên. Người đàn bà lấy làm thích thú, thêm :

— Tôi chưa thấy ai ngu như con mẹ...

— Ngu ? chị nói ? Vậy là khôn đó chứ ?

— Khôn cái mắc dịch ! (chị ta quai mồm ra cãi) hàng chữ sò sò ra đó ai không nhận được mà nói rằng khôn ? còn cái ngu của con mẹ thì... (chị nhìn ngoài lại người đàn bà khốn-khở ý chừng như ngại chị kia nghe) thôi, không nói đâu, ai muốn biết...

— Thôi làm khó chi, bỏ ? nói chia vui đi, ở đây không khí buồn thấy mẹ, làm bộ bí-mật chi vậy, chị Hai ?

Hình như chỉ đợi có thế, chị ta kể liền :

— Ai từng đời con mẹ nói với tôi vậy đây nè : « Chị ơi ! may em nhờ mấy hàng chữ nên nhận ra chồng em chớ không thì em **MẤT CHỒNG** rồi, đó chị !! đó, nghe có nín cười được không ? Còn khi gì nữa mà nói « may không **MẤT** ? » ôm cái xác mà nói... »

— Tội nghiệp ! cũng đàn bà với nhau, chị không biết thương người ta, lại cười thì tôi...

— Thôi cha ! đạo-đức giả ! coi lo chôn, lo níu thẳng nào to đầu đi ngang đòi thường mạng may ra kiếm được vài ngàn đồng bạc, chớ ngồi đó mà khóc, được cái gì ? Xác chết thì biết đau cóc gì mà cứ lấy chuyện bị gỡ răng vàng là chuyện đau-xót trong lòng mà hề nhắc đến là nước mắt trào ra như suối ?

Đồ ngu ! rõ ràng là ngu mà !

— Chị này có trái tim bằng sắt chắc ?

Một gã đàn ông trong bọn người xúm nghe, hạ một câu làm chị ta đỏ phừng cả mặt :

— Cha kia ! chọc ta chười đó, nghe không ?

— Chười ai ? đồ đàn bà voi dày... chông chết cũng đáng, hỗn như gấu ngựa...

Lập-tức người đàn bà đặt con xuống đất — đưa bé ngủ thiếp tự bao giờ trên tay mẹ — giọng thách đố :

— Anh kia ! đừng chọc miệng con này a ! nói cho mà biết... Mắc mớ gì anh...

Một chiếc xe màu xanh trờ tới, hạ xuống hai cái áo quan không : một của Thân và một của con ông già miền Trung, làm chị ta cụt hứng. Nhà tôi và ông Trung-úy đi bên nhau dưới bóng cây xô lại hai chiếc áo quan.

Mấy người liệm xác của nhà thầu chia nhau những cốc rượu trắng để thêm can-đảm trước khi mở khóa vào nhà xác.

Đồng hồ tay đã chỉ đúng một giờ. Tôi không nghe dói, nhưng mà thấy mệt lạ-lùng. Nhưng họ vẫn chưa chịu bắt tay vào việc. Họ còn chờ đợi một cái gì đó, không ai hiểu được và tôi hỏi từng người không ai trả lời cho. Ông Trung-úy mời nhà tôi đi ra quán « ăn qua cái gì đỡ lòng đặng còn công chuyện ». Tôi ở lại với em của Thân.

Hai chiếc xe nhà sơn đen bóng loáng nhẹ-nhàng tiến lại vòm cây, bánh xe lăn rào-rao trên đường. Trên xe đầu đỗ xuống bốn năm người sang trọng không kém chi cái xe. Người thứ nhất — tôi nhận ra — là một ông cựu Tỉnh-trưởng quê T., một người khạc ra lửa cách đây mười hai năm về trước, bây giờ đang là một nhà « trí thức bất bình » vì thời-cuộc nhỏ-nhàng và hết sức nhả-nhận, hiền lành.

Người thứ hai là một ông nhà buôn có hai ba người con học bên Tây, vô thường vô phạt với bất cứ ai, lễ-phép cùng tất cả mọi người, thời kháng-chiến ông ta treo cờ tam tài ngay sau khi có lệnh của quân đội Pháp, ngày xưa thì trong nhà có hình Pétain, rồi ông Hữu, ông Tâm, Cựu hoàng Bảo Đại và bây giờ...

Một người nữa tôi chỉ biết qua loa và một người rất lạ. Họ ngạc-nhiên thấy có mặt tôi tại chỗ này vì thừa biết tôi không có cái hân-hạnh quen với thế-giới giàu-sang của họ. Ông cựu tỉnh-trưởng vồn-vã hỏi thăm tôi và nghe tôi nói. Ông hiểu ra rằng cái chết không chọn mặt, lựa tên như ông tưởng : tháng năm vun-vút trôi qua kéo tuốt thời vàng son của ông đi; cùng với phép màu ấy, người học-trò nghèo của tỉnh ông lớn lên, tốt nghiệp, từ-giã nhà trường, lấy vợ sinh con, thi hành nghĩa-vụ công-dân và cùng chết với thanh-niên giàu mà ông phúng viếng ! Ông chợt nhớ ra thằng nhỏ ngày xưa cầm cờ đón ông trong các buổi lễ, nhưng ông không mấy quan-tâm vì cái lễ duy nhất là nhà nó quá nghèo, dù rằng nhà nó chỉ cách nhà ông có non hai trăm thước.



Nhà tôi cùng Trung-úy trở lại và theo lời hai người thì việc liệm xác phải để đến chiều. « Bà đừng lo, trước sau gì cũng phải xong đặng kịp « lên tàu » trước 8 giờ tối chớ ! » Trung-úy nói. Nhà tôi đề-nghị tôi nên về kéo bỏ lũ trẻ ở nhà.

Tôi nghe theo lời nhà tôi ngay. Từ sáng đến giờ tôi thấy nhiều, nghe nhiều quá làm tôi càng thêm hoang-mang, chán-nản. Và lại mục đích của tôi là nhìn được xác người chết lần cuối mà tôi đã thấy rồi, không còn muốn ở lại làm gì nữa.

Tôi về đến nhà chưa kịp cởi áo, người nhà đã hấp-tấp chạy lên :

— Thừa mợ, có giấy thép.... của cậu Thân mời tới...

— Giấy thép ? Lại chuyện gì nữa đây ?

Tôi bật lên như cái lò-so, giật tờ giấy xanh trên tay thẳng bé, run-rẩy mở ra. Mắt tôi hoa lên : « Vợ em sinh rồi, con gái. Bình yên cả, cháu khá lắm. Em yên tâm. Anh L. »

Tôi thở phào một cái như vừa đặt gánh hàng nặng trên vai xuống vệ đường. Tâm-trạng lúc bấy giờ thật lạ : một tiếng động nhỏ cũng làm tôi khiếp-hãi, bàng-hoàng. Hừ via! nghe giầy thép tôi cứ tưởng ngoài nhà Thân lại xảy ra tai biến gì...

Vợ em sinh rồi, con gái. Bình yên cả... em yên tâm !!! Em yên tâm! Tôi thân-thờ nhắc lại câu đó và thốt nhiên thấy bải-hoải, rã-rời cả tứ chi. Trời ơi! sao tôi không khóc được? Nỗi đau xót như đông cứng, như đọng ở ngực, ở cổ tôi làm tôi tức nghẹn...

Bây giờ tối nhà tôi và em của Thân trở về. Anh kể-cho tôi nghe rằng mẹ Thân có vô, tôi hoảng lên :

— Bà thấy...

— Bà đến vừa lúc liệm xong rồi, nhưng chưa đầy nắp áo quan, bà gào khóc dữ quá và một hai năn-nỉ anh cho bà coi mặt con... anh không thể nào từ-chối được...

— Không từ-chối? (thốt nhiên tôi giận dữ một cách vô lý) trời ơi! không..!

Nhà tôi điềm-đạm :

— Anh chỉ giữ có một phần mặt nó ra, phía còn nguyên... anh đâu có cho bà lại gần, bà không biết gì cả. Sau đó anh lại giữ đặng chân cho bà thấy là con bà thì thể còn nguyên-vẹn. Hiện giờ đã đem nó xuống ga rồi. Tối nay tàu suốt...

— Còn con ông già?

— Cũng vậy. Tôi-nghiệp ông ấy, ông cho mình vàng hương... nào anh có biết, mình công-giáo, ai hiểu cách-thức ra làm sao... Anh đã nói Trung-úy đánh điện ra ngoài ấy, yêu-cầu Tiền-Khú lo đón xác và an táng, chớ bà ấy...

Nghe nói tôi mừng quá. Nhà tôi tiếp :

— Không cho vợ nó hay tin này, vợ ấy đang nằm trong nhà sinh, nghe bà ấy nói anh L. đánh điện vào về chuyện vợ ấy sinh?

— Vàng, điện tin đến lúc trưa.

— Rõ khổ. (Anh xây qua em trai của Thân) Bấy giờ cậu coi về phòng trọ lấy vài thứ cần rồi lên tàu ngay, kéo trễ. Nhớ những lời anh dặn, nghe không.

Tôi mặc áo đi với em tôi lên ga.

Vắng hoe. Trên hai toa hạng ba móc liền nhau đứng chờ-vơ một nơi riêng rẽ không bóng người qua lại, hai cỗ áo quan nằm chính giữa mỗi toa. Bên toa con trai ông già miền Trung le-lói có ánh nến và mùi hương tỏa ngào-ngạt. Bên nay lặng lẽ im-lim. Tôi lại thấy tức-tối và giận-dữ, làm sao mà Thân lúc nào cũng thiết-thời như vậy? Em tôi vội-vàng chạy mua vàng hương và nến, còn lại một mình, tôi bước lại sờ vào một góc áo quan, sửng-sốt như người nằm mơ, không tin rằng Thân đã nằm yên trong đó, ôi chao! mới đó mà cách biệt rồi? Tôi biết rằng từ nay chẳng bao giờ tôi còn thấy Thân cười, nói, đi lại, thư từ, nhưng mà tôi vẫn cứ ngờ thế nào, không chịu tin điều đó.

Một bóng người bên toa kia tiến lại : một nhà sư. Ông mang theo ngọn nến và mấy cây hương, thấy tôi nhìn ông như muốn hỏi, ông cắt nghĩa :

— Tôi đến cầu kinh cho... bên kia, thấy bên này không có ai nên tôi sang đây... Tôi-nghiệp! các cậu còn trẻ cả... bà là thế nào với cậu ấy?

Nghe tôi kể ra sự liên-hệ giữa mình và người chết và tỏ ý ân-hận vì không biết rõ những điều cần phải làm khi nhập quan cho Thân, nhà sư ôn-tồn nói :

— Không sao, bà đừng áy-náy chi cái chuyện, ban chiều có tôi và ông cụ của cậu kia chỉ giúp mà...

Trong lúc nhà sư thì-thăm tụng niệm, tôi lo đặt tràng hoa của các sinh-viên đồng khóa lại ngay ngắn trước áo quan và kiểm dây chằng mấy câu liên bằng lụa của một vị Hiệu-trưởng phúng điếu mà em của Thân vứt vào một xô. Thân không có hình... Thực ra thì tôi không thiết chi

những hình-thức đó, nhưng bên cạnh một kẻ khác cùng cái chết mà có vẻ ấm-cúng hơn, tôi muốn khi đến nơi, mọi người, nhất là mẹ Thân, được thấy con bà không kém chi ai, để bà đỡ tủi thân. (Bà đã đi xe hơi trở về ngay ban chiều, theo lời nhà tôi dặn).

Tôi làm xong những việc đó, nhà sư vẫn còn đang tụng niệm. Tôi bèn sang toa kia thăm bạn Thân.

Bên này có vẻ chu-đáo nhiều : một đĩa hoa quả, bát hương đầy những cọng tàn chen nhau đứng đầy đặc cả một lôm giữa. Một hàng dài nến-trắng thì nhau soi sáng quanh toa, một bình hoa tươi đặt ngay ngắn đối diện đĩa hoa quả. Hai con ngựa gỗ kê áo quan đẹp sang một bên, áo quan đặt trên sàn toa không kê lên như bên Thân, tôi hơi ngạc-nhiên về điều đó.

Tôi nhìn đăm đăm vào hàng nến trắng, những giọt sáp chảy dài, rung rung, rung rung như những giòng nước mắt tiếc thương...mắt tôi thì ráo hoảnh.

Khi tôi trở lại toa Thân, nhà sư nói liền :

— Đây bà, bà phải bảo người nhà coi khiêng áo quan đặt xuống sàn tàu, không nên kê trên ngựa gỗ, bà thấy bên « tôi » không ?

— Thưa thầy, thấy ! nhưng tôi không hiểu tại sao lại...

— Bà không hiểu ? đây này : kê cao như vậy, tàu chạy xục-xịch một lát thì đồ mắt còn gì ? và không phải chỉ để xuống sàn thôi. Chừng nào tàu chạy phải lấy thùng buộc cứng quan tài lại, chẳng kỹ các mối dây vào các băng ngồi kia kia, dặn phải đóng cửa toa, ngộ có đánh nhau... hay là xe nó « sán » cho một đôi như sán gạo thì lọt xuống đường sắt mất... Đề-phòng thế vẫn hơn chứ ? phải không ?

Nhà sư nhìn quanh :

— Bộ không có ai theo quan tài sao ?

— Thưa thầy có đấy, cậu ấy đi lấy áo quần.

— Thế thì tốt.



Tôi không ngủ được. Trăng sáng rõ, chiếu chênh-chếch vào cửa sổ phòng tôi, gió đêm lạnh rơi. Giờ này không biết tàu đến đâu rồi ? Những hình ảnh cũ lại hiện lên, những ngày tắm biển chị em chúng tôi thì nhau bơi ra tận xa tít, rồi lại bơi vào, luôn luôn Thân mang theo cái phao phòng khi trong bọn có ai đuối sức. Một hôm, sóng lớn, nước ngầu đục mấy chị em đã định không tắm nhưng sau ếm tôi tỏ ý tiếc rẻ « về Saigon làm gì có biển ? » nên cả bọn lại nhào xuống tắm. Mấy đứa trẻ từ đâu cũng nhảy ùm xuống, ban đầu chúng còn ở gần bờ, sau chừng như chúng thấy nước biển chẳng có gì đáng sợ, cho đến nổi một cậu xuýt bị chết đuối nếu không có Thân trông thấy bơi lại cứu.

Chuyện gì lũ em tôi cũng trêu Thân được. Cho nên sau vụ đó lũ em tôi đặt cho Thân một tên mới « anh hùng trên sóng ». Cũng như những biệt danh khác, Thân nhận tên mới với nụ cười vui-vẻ.

Rồi Thân với cái xác khô quắp, trần trụi, Thân với bộ đi hơi ưỡn ngực về phía trước, lại chen nhau làm tôi không phân biệt được nữa, những hình ảnh đó loạn xạ xuất hiện làm tôi hoa cả mắt. Tôi nhắm cả hai mắt lại, nghe nhưng nhức ở thái dương... nổi xót-xa đột-ngột xoắn mạnh vào tim tôi, tôi đã chịu thua và chấp-nhận sự thật tàn ác : Thân chết rồi ! Nổi nghẹn uất dồn lên cổ, đưa lên mắt, tan thành nước, nước mắt trào trào... tôi xoay mình nghiêng lại, nước mắt ướt đầm một bên gối, tôi lặng-lẽ khóc và tôi chợt hiểu tại sao đứng trước xác Thân tôi vẫn không khóc được. Rồi tôi lại nhớ đến cái phao mà Thân luôn luôn mang theo, luôn luôn bị các em tôi cho là vô-ích, mà luôn luôn giật lấy khi nào thấy mỗi hết muốn bơi...

MINH-QUÂN

Một nho-sĩ miền Nam:



CỤ LÊ LƯƠNG-TRI

(1893 - 1963)

NGUYỄN-VĂN-Y viết

(TIẾP THEO VÀ HẾT)

TÁC-PHẨM

Ngoài mấy trăm bài thơ sáng-tác, đa-số tác-phẩm của cụ Lê Lương-Tri đều là những bản dịch từ chữ Hán sang chữ Việt. Ở đây chúng tôi xin giới-thiệu đại lược các tác-phẩm ấy, theo thứ-tự mà cụ đã phân loại sẵn.

Cụ đã dịch xong 34 quyển sách thuốc, chia làm 16 bộ.

Trong ba mươi bốn quyển ấy, chỉ có quyển « Chẩn đoán thiên » được in thành sách, còn bao nhiêu quyển khác hiện chưa in.

Về sách y-học của cụ, chúng tôi chỉ xin giới-thiệu bộ « Lịch đại danh-y tiêu-sử », còn mấy quyển khác thiên-nghĩ khỏi cần nói thêm dài-dòng, vì nó có tính-cách chuyên-môn, không thuộc loại văn-học.

Sách « Lịch đại danh-y tiêu-sử » gồm 212 trang, khổ giấy 20 x 31 (bản chép tay). Chọn dịch theo bộ « Trung-quốc y-học đại từ-điển », nhưng không gọi là « Trung-quốc danh-y tiêu-sử », vì theo lời dịch-giả thì « trong quyển này có cả Trung, Nhựt, Triều-tiên, Mông-cổ, Mãn-châu y, mà ý tôi còn muốn đem danh-y trong nước ta vào, song chưa có thể làm được. Vậy phải đề là Danh-y tiêu-sử đề chờ có khi bổ-túc thêm ».

Sách gồm tiêu-sử cả thầy 1.085 vị danh-y của các nước vừa nói trên. Đọc bộ sách này, ta biết được đôi nét về cuộc đời của các bậc danh-y ngày xưa và tên những bộ sách thuốc Á-đông đã được trước-tác trong thời dĩ-vãng. Ngoài ra có những cái tên rất quen thuộc mà những người theo nghiệp văn-chương cũng cần biết đến như Biền-Thước, Hoa-Đà, Vương-Bột... Xin thử trích ra đây vài đoạn nói về mấy vị danh-y đó:

— *Biền-Thước* : (sách sử-ký, về truyện của ông Biền-Thước và Thương-Công) Biền-Thước là người nước Trịnh, quận Bột-hải, họ Tần, tên Việt-Nhon. Lại nói: làm nghề y, hoặc ở nước Tề, hoặc ở nước Triệu, ở nước Triệu gọi là Biền-Thước. Xét về sách Sử-ký, lại chép về chuyện trị bệnh cho Triệu-giản-Tử, Quách Thái-tử và Tề Hoàn-công. Xét ra ba người ấy không đồng thời. Biền-Thước là người thuở đời vua Hiên-Viên, sau này xưng là tôn-phái của y-gia; còn Tần-Việt-Nhon là một người trong tôn phái đó (xin coi qua Tần Việt-Nhon).

— *Hoa-Đà* : tự Nguơn-Hóa, đời Hậu-Hán, người đất Tiều. Tánh điềm-đạm, ưa phương-thuật, được kẻ dị-nhơn truyền cho. Trị bệnh dùng thuốc chùng vài vị, châm kim, đốt chùng vài huyết. Có bệnh không thể dùng kim, dùng thuốc được, thì ông cho uống thuốc mê rồi mổ xẻ da thịt trừ bệnh, thoa thuốc Thần-cao thì lành bệnh cả. Lại hay về phép đạo-dẫn; tuổi dư trăm mà trông-mạo như người trai. Duy có tánh tự căng lắm, cậy tài hay mà bỏ việc, hồ làm nghề y. Từng trị chứng đầu-phong cho Tào-Tháo hết được. Sau Tào-Tháo mời mà ông không đến nên bị giết. Ông truyền lại có sách Trung-tạng-Kinh.

— *Vương-Bột* : tự Tử-an, đời Đường, người đất Long-Môn, sáu tuổi đã làm văn được. Cha làm quan Lĩnh xứ Giao-chỉ. Bột qua thăm, đi ngang qua đất Nam-xương, gặp quan Đô-đốc là Viêm-công đãi-khách ở các Đàng-vương. Vương-Bột đương trong bữa tiệc làm bài tự. Viêm-công thân-phục là bậc thiên-tài. Mỗi khi làm văn, mài-mực trước, kéo mền nằm ngủ, thức dậy thì cầm bút viết ra. Người đương thời gọi là Phúc-Kiều (bản thảo trong bụng). Thường nói: người làm con không biết gì về y-học, thì không đủ gọi là hiền. Rồi nhờ thầy học là ông Tào-Nguơn, một bậc danh-y, học đặng hết y-thuật. Sau vì qua biển chết chìm, tuổi mới hai mươi chín. Đầu nhà Đường, Bột là một người trong ban Tứ-Kiệt. Làm ra Bát thập nhứt nạn kinh-tự văn.

II. — VỀ NHO HỌC

1) *Minh-lâm bửu-giám* : Dịch trọn bộ, thỉnh-thoảng có xen những lời nhận-xét về nghĩa chữ (như đã nói sơ qua ở phần « Sở học »).

2) *Cách-ngôn đối liên-hiệp bích*: Theo lời dịch-giả nói trong lời tựa thi « Cách-ngôn đối liên-hiệp bích » của Lương-Trị-Bái tức Bái-văn thị soạn. Thâu góp lời chơn-chánh của tiên-nho trong các sách, thành một quyển, chia ra từng thiên-loại. Từ Học-vấn, Tồn-dưỡng... đến Huệ-Kiệt, Bội-hung, cộng là 9 thiên. Đầu là những câu đã trải qua sự kinh-nghiệm lão-luyện của các Tiên-hiền còn ghi lại; đủ làm khuôn vàng thước ngọc cho kẻ hậu-học muôn ngàn đời. »

Nội-dung bộ sách này chứa đựng hàng ngàn câu tư-tưởng cao xa, rất cần-thiết cho những ai muốn tu-tâm, dưỡng-tánh, hầu xử-kỷ tiếp-vật cho phải lẽ. Sách gồm hai quyển, chia làm chín thiên, được dịch rất sát nghĩa, thỉnh-thoảng có ghi thêm những lời chú cho thêm rõ nghĩa. Xin trích ra một số câu để độc-giả thưởng-thức:

a) *Chỉnh văn*: Tại cô-nhơn chi hậu nghị cô-nhơn chi thất tắc dĩ. Xử cô-nhơn chi vị, vi cô-nhơn chi sự tắc nan.

— *Dịch*: Ở sau người xưa mà nghị-luận cái quấy người xưa thì dễ. Ở địa-vị người xưa, làm việc của người xưa thì khó.

b) *Chỉnh văn*: Cổ chi học-giả đắc nhưt thiện ngôn phụ ư thân. Kim chi học-giả đắc nhưt thiện ngôn vụ dĩ duyệt nhơn.

— *Dịch*: kẻ học thời xưa được một lời hay (phải) thì đeo vào mình. Kẻ học thời nay, được một lời hay, thì đem nơi để đẹp tai người.

c) *Chỉnh văn*: Khẩu lý Y-châu tâm-trung Đạo-chích, trách nhơn nhi bất trách kỷ danh vi quái bãng thánh-hiền. Độc-lâm minh đản u úy quỹ thần tri nhơn nhi phục tri thiên, phương thị hữu căn học-vấn.

— *Dịch*: Mở miệng thì nói ra đạo của Y-doãn Châu-công, mà lòng thì Đạo-chích (quân trộm cướp), biết trách người mà chẳng trách mình, gọi thứ đó là thánh-hiền treo bãng (giả dối). Lúc ban ngày ở một mình cũng nớp sợ (không dám làm sai, dầu không ai biết); lúc đêm tối vẫn sợ có quỷ thần biết. Đã biết người mà lại biết lẽ trời, mới thật là sự học-hỏi có căn. »

Hai bộ Minh-tâm bửu-giám và Cách-ngôn đối liên hiệp bích đều có chép nguyên-văn chữ Hán, phiên-âm, rồi mới dịch nghĩa và chú-thích.

3) *Bạch-my cổ-sự*: Dịch những điển-cổ nằm trong bộ « Ấu học Quỳnh-lâm » của Tàu. Quyển này rất cần cho những ai muốn hiểu những « điển lạ, tịch mắt » trong văn-chương Trung-hoa mà các văn thi-sĩ Việt-Nam ngày xưa thường mượn dùng trong văn-chương cổ-diễn. Xin trích ra vài đoạn :

— *Bác chuyên học-sĩ*: (học-sĩ tám tám gạch) Đòi Tống, Lý-Trình làm học-sĩ, tánh rất lười biếng. Phía bắc trước nhà Thịnh dựa thêm có đường gạch bông, qua mùa đông hễ bóng mặt trời đến năm tám là cái chùng vào túc trực. Trình thường vào trễ, bóng mặt trời tới khỏi tám tám gạch mới đến. Ai nấy gọi là *Bát-chuyên học-sĩ* (chê người không siêng đến làm việc thì dùng chữ này).

— *Hợi-thỉ* (chữ hội chữ thỉ) Đòi Đường, Trương Thốc nói: chữ hội với chữ thỉ, như sông Kinh và sông Vị (trong với đục) mà không phân biệt được. (Xưa có người đọc sử nói: Tam thí độ hà, là ba con heo lội sông). Thầy Tử-Hạ nói: đó là *Kỷ-hội độ hà* (ngày-kỷ-hội độ bình qua sông). Xét lại thì quả vậy. Vì làm lấy chữ *kỷ* làm ra chữ *tam*, chữ *hội* làm ra chữ *thỉ*. (Đây là nói về sai chữ).

4) *Tam phần tập*:

« Tập này gọi là Tam phần tập, là đem ra những câu ngụ-ngôn và cách-ngôn xưa, lại giải-thích bình-luận bằng ít câu gọn gọn để nhớ. Nhớ để gặp việc đem so xét với nội-tâm: nên làm nên theo hay không nên, có thể giúp thêm suy-nghĩ để nhận-định phải trái ».

Đọc qua mấy câu đó trong lời tựa của tác-giả, ta đã biết nội-dung bộ sách ấy như thế nào. Thường thì tác-giả lấy một câu cách-ngôn, hoặc những thành-ngữ xưa trong văn-chương cổ của Tàu dịch sang Việt-văn, giải-thích ra, rồi làm mấy câu thơ bình-luận hoặc kể những chuyện khác để làm sáng-tỏ câu nói vừa nêu lên. Xin dẫn-chứng vài đoạn :

— *Yêm nhĩ đạo linh*: Đây tai trộm lục-lạc (Lữ-thị xuân thu). Lúc họ Phạm mất nước, bá tánh được cái chuông, muốn vác mà chạy. Chuông lớn quá, vác không nổi, lấy dùi đập ra, chuông kêu vang, sợ người khác hay đến lấy trộm, vội đập lỗ tai.

Ví-dụ về sự dối gạt mình, đã làm bậy mà sợ người biết.

Thơ rằng:

« *Khủng nhơn văn ác danh
Thị yêm nhĩ đạo linh
Giân úy nhơn kiến đắc
Thị yêm mục bộ trước
Khi nhơn tức tự khi
Tiềm phục nhi không chiêu
Trá nguy đĩ tham nhũng
Mưu thâm hóa bất thiêu ».*

Dịch nghĩa :

Sợ người nghe mình ác
 Là dè đi trộm lạc
 Làm quấy sợ người xem
 Là bưng mắt bắt chim
 Gạt người gạt mình đó
 Càng kín càng thêm rõ
 Đối-trả với tham-lam
 Mưu-sâu họa chẳng nhỏ.

— *Thiền-kiến da quái* : Ít thấy nhiều lạ. (Mâu-tử). Ít thấy nhiều
 lấy làm lạ, thấy lạ-đà cho là ngựa sừng lưng, lại thấy ngựa cho
 là con chó lớn.

« Lạc-dà lại nói ngựa sừng lưng
 Thấy ngựa hoảng la con chó lớn
 Không biết thì làm chuyện cũng thường
 Vài chuyện sau đây đọc cũng ổn. »

Trước đây vài mươi năm, ở cù-lao Phú-thạnh chưa có ngựa.
 Thằng bé 7 tuổi theo mẹ qua chợ Tăng-hòa chơi. Sáng, ra ngoài
 lộ thấy con ngựa, nó sợ hoảng, kêu má nó thất-thanh, ai nấy không
 biết chuyện gì chạy ra xem. Nó nói cách sợ sệt rằng : con chó lớn
 quá !

Còn nhớ, trước kia đã lâu, có đọc chuyện giải buồn, không
 biết có phải là của Hoàng-tĩnh Paulus Của không : Bốn anh học trò
 rủ đi qua chùa Ông (thờ Quan Thánh) thấy cách thờ-phượng,
 động tài làm thơ, rồi hẹn nhau mỗi anh một câu tức cảnh. Anh
 thứ nhất đọc : Tướng-quân ăn ớt mặt đỏ gay (Quan Công). Anh
 thứ hai đọc : Bên kia thái-tử đứng khoanh tay. (Quan Bình). Anh
 thứ ba đọc : Thằng mọi râu ria cầm cái mác (Châu Thương). Anh
 thứ tư đọc : Ngoài này có quắm đập cần thai (cặp hạc đứng trên
 quy). Thành một bài tức cảnh tuyệt diệu... (bỏ bớt một đoạn).

— *Lê Khâu trọng-nhon* : cụ già gò Lê (Lữ thị xuân thu) Gò
 Lê Khâu có quỷ lạ, nó ra giả dạng con cháu em út của người.
 Trong ấp có cụ già, say ngoài chợ về, quỷ giả dạng con ông, theo
 mà trách móc ông. Cụ về nhà rầy con. Thằng con nói nó không có.
 Cụ biết là quỷ, muốn gặp đặng đâm chết. Bữa nọ lại say ở chợ về,
 con ông nóng lòng sợ cha bị quỷ làm khổ, ra đón. Cụ thấy thằng
 con tưởng quỷ, rút gươm đâm.

Làm với giả mà phải hại thiệt, đó là cái trí của cụ già gò Lê.

Thơ rằng :

« Nhận giả vi chân dĩ thị hoặc
 Nhận chân vi giả hoặc hựu hoặc
 Lê khâu chi quỷ bất thị ác
 Lê khâu trọng nhơn tự tác thắc »

Dịch :

Nhận giả làm thiệt thì đã làm
 Nhận thiệt làm giả làm thêm làm
 Quỷ ở gò Lê không đủ quấy,
 Cụ già gò Lê chuốc họa lấy.

III.— VỀ SÁCH BÓI TOÁN :

Cụ có dịch hai quyển :

- *Bình cân xing cốt*
- *Chư các võ hầu thần-khóa.*

IV.— THƠ SÁNG-TÁC VÀ THƠ DỊCH :

Ngoài những tác-phẩm nói trên, cụ còn sáng tác mấy trăm bài
 thơ Đường-luật và dịch các ăng danh-văn của Tàu như Chính-khí-
 ca của Văn-Thiên-Tường, tám bài Thu-hưng của Đỗ-Phủ, thơ của
 Lý-Bạch, thơ của nàng Đào-Anh, v.v...

Trong mấy trăm bài Đường-thi của cụ có một số bài làm ra với
 tinh-cách thù-tạc, nội-dung không có gì đáng kể, còn những bài
 khác thì hoặc dạy đời, hoặc cảm-khái vì thời-thế, thân-thế, đa số
 rất đáng cho ta biết đến.

Nhìn chung, thơ của cụ Lê Lương-Tri giản-dị tự-nhiên, lời lẽ
 đờng như không trau-chuốt lắm mà nhiều bài vẫn đủ sức khêu
 dậy được tình-cảm của người đọc thơ. Thơ dịch của cụ thì thường
 rất thoát nghĩa, không có vẻ gì gò bó, khiến một số bài đọc xong
 ta dường như có cảm-tưởng đó không còn là thơ dịch nữa. Để
 chứng minh, chúng tôi xin trích một số bài thơ sáng-tác và thơ
 dịch của cụ ra đây hầu chư vị đọc-giả cùng thưởng-thức :

Thơ cây cau

Tàn tròn lá thắm vóc mình ngay.
 Vội-vội thân cau gió chẳng lay.
 Kết trái thêm buồn người nhấm vóc,
 Sai nhánh thắc mắc kẻ leo cây,
 Xem vàng ác đỏ chình bên mặt,

Ngó mấy lùm xanh cỡ dưới tay.
Hầu muốn vượt mình choàng đến cỡ,
Chơn không ai dễ chẳng kêu nài.
Trăm năm bia đá thì mòn,
Ngàn năm bia miệng hãy còn trơ trơ.
Trăm năm bia đá có khi mòn,
Hay dở ngàn thu tiếng hãy còn.
Tiết-ngừa vưng-bền trời với đất,
Gian-tã hoén-ổ nước cùng non.
Đòn cân dư-luận phân hơn kém.
Nét mực phê-bình vạch méo tròn.
Dầu bể mặc dầu đời biến đổi,
Miệng người mãi mãi nói ren don.

Ngược dòng

Đã hiểu lâu rồi chữ « sắc không »,
Dám danh khóa lợi vương chi lòng.
Tình đời như nước khi trong đục,
Cuộc thế dường mây biển trắng hồng.
Khỏe trí Di, Tề chơi cõi núi,
Nghiêng tai Sào, Hứa rửa bên sông,
Hoành-môn, Bí-thủy kia ai đó,
Hội chiếc thuyền tám thả hiệp dòng.



Nẻo lợi đường danh lượn dập-diu,
Trông hoa vương-ân khỏe bao nhiêu.
Đưa ly ngã-ngón mời trăng sáng,
Đạo bước thênh-thang ngóng ráng chiều
Gió động trước sân xem trúc múa,
Trời êm sau ngõ lóng chim kêu,
Cái ta ưa thích : thường theo phận,
Tục-lụy trần ai chẳng vướng nhiều.

Thơ dịch :

Qui cố viên

Tang đồ thành-tài bách mẫu-gian,
Môn tiền ngũ liễu chánh kham-phan.
Tôn trung mỹ tửu tu thường mãn
Thân ngoại phù danh hảo thị nhân.
Trúc kính hữu thời phong vị táo,
Sài môn vô sự nhật thường quan.
Ư yên dĩ thị vọng cơ địa,
Hà dụng tương kim biệt mãi san.

Về vườn cũ

Vườn dâu trăm mẫu nhà quê,
Kia năm gốc liễu đứng kề trước sân.
Rượu ngon đầy hũ chớ lừng,
Ngoài thân danh hảo đã chừng rảnh rang.
Bờ tre gió thổi sạch trơn,
Cửa gai gài mãi vì không việc gì.
Ở đây là chốn vong-ky,
Lựa là mua chác tìm đi núi nào.

Qui ẩn

Kỹ-niệm tông tích lâu hồng trần,
Hồi-thủ thanh-san nhập mộng lặn.
Tử thọ tưng vinh tranh cấp thụ,
Châu môn tuy phú bất như bần.
Sâu kham kiểm kích phó nguy chủ.
Muộn thính sanh ca quát túy nhơn.
Huê thủ cụ thơ quy cụ ư ần,
Đã hoa đề điều nhứt ban xuân.

TRẦN ĐOÀN (Đời Tống)

VỀ ÁN

Mấy năm rảo bước chốn trần-gian,
 Thường giấc chiêm-bao mển cổ-san
 Đai tía vinh hoa dưỡng giấc ngủ,
 Cửa sơn giầu có chả an-nhàn.
 Khéo đem gươm giáo phó vua Khôn,
 Lại trời dờn ca khuấy khách xoàng.
 Sách cũ ôm về quê quán cũ,
 Chim riêng hoa nội lấm phong-quang.



KẾT-LUẬN

Chúng tôi vừa trình-bày một cách hết sức sơ-lược về cuộc đời và sự-nghiệp văn-chương của một nhà nho miền Nam. Cuộc đời ấy không có gì đặc-biệt khác thường, mà sự nghiệp văn-chương cũng chẳng có chi gọi là vĩ-đại. Nhưng thiên-nghĩ một người sinh ra giữa thời Pháp-thuộc, thời mà xã-hội Việt-Nam có lắm kẻ lợi-dụng học-thức và chức-vị để vinh-thân phi-gia, mà chính mình cụ không hề bị bả lợi-danh quyến-rủ, lúc nào cũng giữ vẹn tác-phong một nhà nho chân-chính, suốt đời tự tìm học, chịu khó dịch-thuật bao nhiêu sách và lru lại cho đời những bài thơ chứa-chan đạo-lý, nặng tình yêu quê-hương xứ-sở như cụ Lê Lương-Tri thật cũng đáng cho bọn hậu-sanh chúng ta nhắc-nhở đến lắm chút? Nếu các nho-sĩ ngày xưa mỗi khi « bắt năng thiên thiên-hạ, tắc độc thiên kỳ thân », thì cụ Lê Lương-Tri chính là người biết giữ cho thân tâm mình trong sạch, khả dĩ làm tấm gương sáng cho mọi người chung quanh noi theo. Khi cầm bút viết mấy lời giới-thiệu sơ-sài này, chúng tôi chỉ âm-thầm hy-vọng rằng rồi đây sẽ có người vì mến yêu văn-hóa nước nhà đem những quyển nào xét ra cần ích trong số các tác-phẩm của cụ Lê Lương-Tri xuất-bản thành sách, hầu khỏi mai-một phần nào di-sản tinh-thần của tiên-bối để lại cho chúng ta vậy.

NGUYỄN - VĂN - Y

SÁCH VĂN-HỌC

Bán tại Nhà Sách KHAI-TRÍ, 62 Lê-Lợi — SAIGON

Văn học đời Lý,	Ngô-Tất-Tố	30\$
— Trần	—	40
Văn chương quốc-âm thế-kỷ XX	Phan-Trần-Chúc	40
Lĩnh-Nam Chích-Quái	Lê-Hữu-Mục	75
Việt-Điện U Linh Tập	—	75
Thành-ngữ điển-tích	Diên-Hương	100
Phép làm thơ	—	80
Tục-ngữ phong-dao I, II	Nguyễn-văn-Ngọc	130
Hương hoa đất nước I, II	Trọng-Toàn	100
Nam Thi hợp tuyền	Nguyễn-văn-Ngọc	58
V.N. Văn-hóa sử cương	Đào-Duy-Anh	77
Tản-Đà vận văn I, II	Nguyễn-khắc-Hiếu	120
Nhà văn hiện đại I, II, III, IV, V	Vũ-Ngọc-Phan	390
V.N. Văn-hóa toàn thư I, II	Hoàng-Trọng-Miên	200
Đại-Cương văn học sử Trung-Quốc	—	—
I, II, III	Nguyễn-Hiến-Lê	225
V.N. Văn học sử giản yếu I, II, III	Ph. Thế-Ngũ	490
Thơ Đường I, II	Trần-Trọng-San	190
V.N. Văn học giản bình	Phạm-văn-Diêu	160
Văn học Việt-Nam	—	200
V.N. Văn học nghị luận	Nguyễn-sĩ-Tế	45
Đường thi	Ngô-Tất-Tố	40
Những khuynh hướng trong thi ca	—	—
V.N.	Minh-Huy	80
Những nhà thơ hôm nay	—	100
Luật thơ mới	—	38
Nguyên-tắc sáng-tác thi ca	Vũ-văn-Thanh	30
Kỹ-thuật sáng-tác thơ	Trương-linh-Tử	35
Quan-niệm sáng-tác thơ	Đoàn-Thêm	75
Việt Thi	Trần-trọng-Kim	42